SAVICO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



CHUNG Ý CHÍ
VỮNG NIỀM TIN



THÔNG TIN CHUNG

Danh mục thuật ngữ viết tắt 5
Các chỉ tiêu tài chính nổi bật 7
Thông tin chung 9
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 11
Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị 13

CHƯƠNG I
GIỚI THIỆU SAVICO

Quá trình hình thành và phát triển 17
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 19
Công ty con, công ty liên kết 21
Các giải thưởng tiêu biểu năm 2021 31
Thông tin cổ phiếu và cổ đông 37
Hoạt động IR 41
Định hướng phát triển 43
Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 45
Giới thiệu Hội đồng quản trị 47
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc 49
Giới thiệu Ban Kiểm soát

CHƯƠNG II
BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổng quan thị trường năm 2021 53
Báo cáo của Hội đồng quản trị 59
Báo cáo của Tổng Giám đốc 67
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý 79
Tình hình đầu tư 91
Tổ chức nhân sự 93

CHƯƠNG III
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu và hoạt động của HĐQT 101
Tiểu ban trực thuộc HĐQT 109
Cơ cấu và hoạt động của BKS 110
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGĐ và BKS 112
Quản trị rủi ro 113

CHƯƠNG IV
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan báo cáo phát triển bền vững 125
Hiệu quả kinh tế 129
Chỉ tiêu môi trường 131
Chỉ tiêu xã hội 135

CHƯƠNG V
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY 141
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 143
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 144
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG 146
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG 149
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG 150
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG 152

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY 183
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 185
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 186
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT 188
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT 191
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT 193
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤ T 195

NỘI DUNG DANH MỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN SAVICO 2021



DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BCTC	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
BĐH	BAN ĐIỀU HÀNH
BH&DV	BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ
BKS	BAN KIỂM SOÁT
BTGĐ	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CBNV	CÁN BỘ NHÂN VIÊN
CBU	XE ĐƯỢC SẢN XUẤT HOÀN TOÀN Ở NƯỚC NGOÀI VÀ NHẬP KHẨU NGUYÊN CHIẾC VỀ VIỆT NAM
CKD	XE LẮP RÁP TRONG NƯỚC
CPI	CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
CV	XE THƯƠNG MẠI
ĐHĐCĐ	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
DVBĐS	DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN
ĐVT	ĐƠN VỊ TÍNH
DVTC	DỊCH VỤ TÀI CHÍNH
DVTM	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
FDI	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
GDP	TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI
HĐKD	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
HĐLĐ	HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
HĐQT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
HĐTV	HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
HOSE	SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM
HTC	HYUNDAI THÀNH CÔNG
IR	QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
KTT	KẾ TOÁN TRƯỞNG
LNST	LỢI NHUẬN SAU THUẾ
LNTT	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
PC	XE DU LỊCH
PMI	CHỈ SỐ NHÀ QUẢN TRỊ MUA HÀNG
PTGĐ	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ROA	LỢI NHUẬN SAU THUẾ/ TỔNG TÀI SẢN BÌNH QUÂN
ROE	LỢI NHUẬN SAU THUẾ/ VỐN CHỦ SỞ HỮU BÌNH QUÂN
SAVICO	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO
TGĐ	TỔNG GIÁM ĐỐC
TNDN	THU NHẬP DOANH NGHIỆP
VAMA	HIỆP HỘI CÁC NHÀ SẢN XUẤT Ô TÔ VIỆT NAM
VĐL	VỐN ĐIỀU LỆ
VNĐ	VIỆT NAM ĐỒNG

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2021 CỦA CÔNG TY

CHỈ TIÊU	2020	2021	2021/2020 (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**16.084.550**	**14.192.876**	**88.24%**
Giá vốn hàng bán	**15.160.703**	**13.278.636**	**87.59%**
Lợi nhuận gộp	**923.181**	**910.236**	**98.60%**
Doanh thu hoạt động tài chính	19.394	12.972	66.89%
Chi phí tài chính	108.137	86.198	79.71%
Trong đó: Chi phí lãi vay	105.916	83.340	78.68%
Phần lãi trong Công ty liên kết	**79.909**	**103.872**	**129.99%**
Chi phí bán hàng	483.404	454.540	94.03%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	301.606	277.685	92.07%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	129.336	208.658	161.33%
Thu nhập khác	135.839	47.988	35.33%
Chi phí khác	6.746	5.237	77.63%
Kết quả từ hoạt động khác	**129.093**	**42.751**	**33.12%**
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**258.429**	**251.410**	**97.28%**
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**224.883**	**211.329**	**93.97%**
LNST của Công ty mẹ	**153.738**	**145.623**	**94.72%**
LNST của cổ đông không kiểm soát	71.145	65.706	92.36%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty, ĐVT: triệu VNĐ

Doanh thu 2015-2021

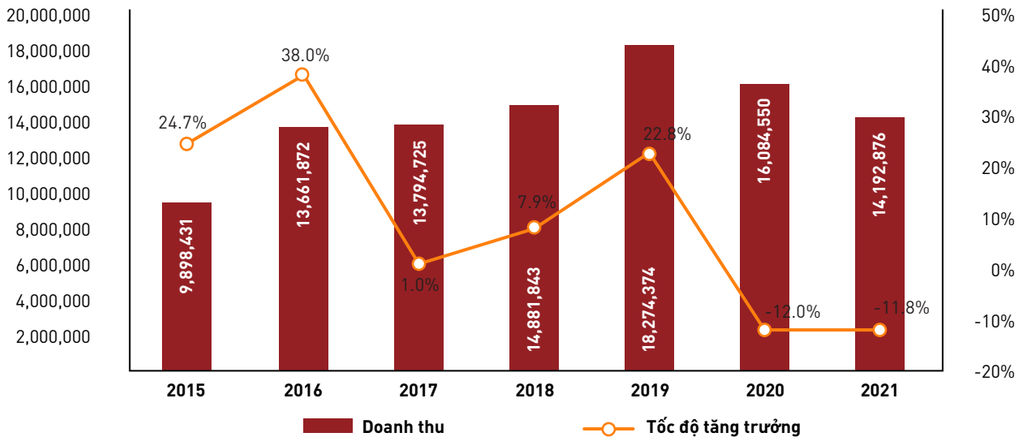

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	ĐVT	NĂM 2020	NĂM 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0.96	0.98
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.61	0.51
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0.59	0.58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1.44	1.37
Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản	lần	0.33	0.31
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	3.58	3.27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
ROS	%	1.4%	1.5%
ROE	%	12.9%	11.7%
ROA	%	5.3%	4.9%
LN từ HĐKD /Doanh thu thuần	%	0.8%	1.5%
LN khác từ HĐKD /Doanh thu thuần	%	0.8%	0.3%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty, ĐVT: triệu VNĐ

Vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng 2015 - 2021

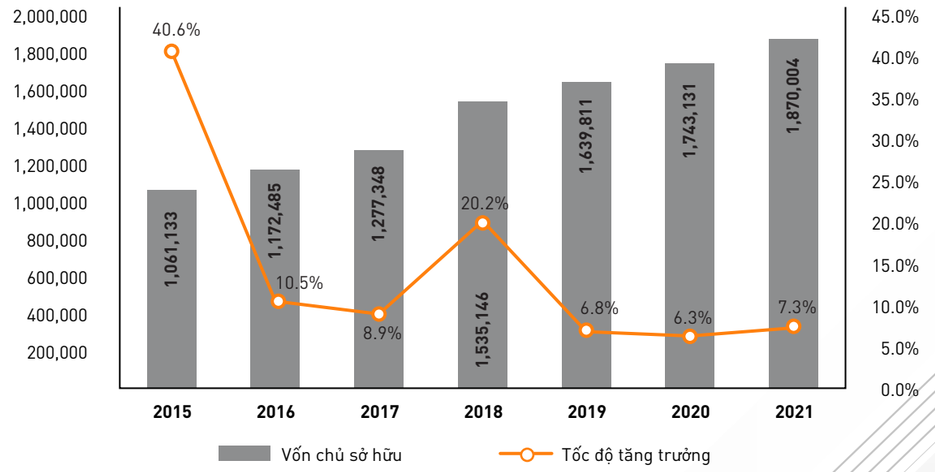

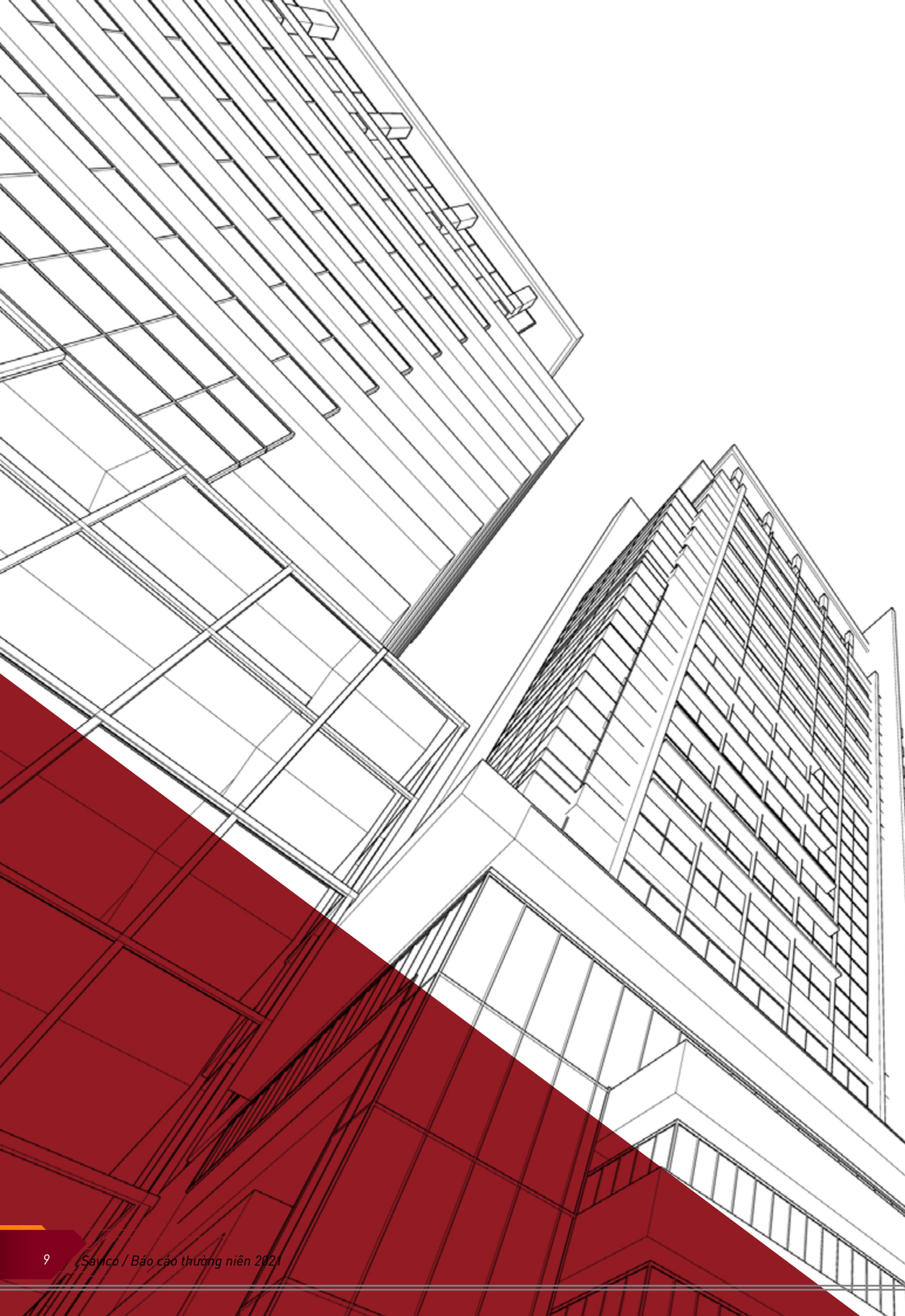

SAVICO

ĐẾN NAY,

HỆ THỐNG SAVICO BAO GỒM

32 CÔNG TY CON

18 CÔNG TY LIÊN KẾT

TÊN CÔNG TY:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Tên giao dịch: SAVICO

Mã chứng khoán: SVC (HSX)

TRỤ SỞ CHÍNH: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3821 3913

Fax: (84-28) 3821 3553 / 3821 5992

Email: savico@savico.com.vn

Website: www.savico.com.vn

TẦM NHÌN TƯƠNG LAI



TẦM NHÌN

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập, hợp tác Quốc tế.

SỨ MỆNH

Mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm, dịch vụ uy tín, nâng cao chất lượng và giá trị cuộc sống.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MINH BẠCH: Trong các giao dịch, ứng xử và kinh doanh.

TÔN TRỌNG: Cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác...

TRÁCH NHIỆM: Tuân thủ luật pháp, Trách nhiệm cộng đồng, xã hội.

SÁNG TẠO: Đổi mới để gia tăng hiệu quả và uy tín doanh nghiệp.

ĐOÀN KẾT: Đồng thuận, vượt qua thách thức; đón đầu cơ hội, gặt hái thành công

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022 kỷ niệm 40 năm hình thành và phát triển của SAVICO, với niềm tự hào của bề dày lịch sử toàn hệ thống, SAVICO sẽ luôn giữ vững tinh thần "Chung Ý Chí - Vững Niềm Tin"

CHUNG Ý CHÍ – VỮNG NIỀM TIN

Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể Cán bộ nhân viên hệ thống SAVICO!

Lời đầu tiên tôi thay mặt Hội đồng quản trị gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể cán bộ nhân viên hệ thống SAVICO đã cố gắng vượt khó khăn, thách thức vô cùng lớn năm 2021 và nỗ lực tối đa, tận dụng tốt cơ hội thị trường mang lại kết quả kinh doanh tích cực năm 2021!

Kết quả đó là minh chứng cho những giá trị, nội lực và tinh thần vượt khó của những con người SAVICO, nó càng giá trị hơn trong một bối cảnh chung rất khó lường và bất ổn của nền kinh tế - xã hội dưới tác động của dịch bệnh Covid-19 năm thứ 2!

Điều đặc biệt ý nghĩa là sự định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, lãnh đạo các Công ty thành viên và sự đồng lòng, chung sức của CBNV toàn hệ thống qua đó chúng ta đã thực hiện thành công các mục tiêu nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động, an toàn tài chính và an toàn nguồn nhân lực.

Thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể Cán bộ nhân viên hệ thống SAVICO.

Bước vào năm 2022 khi nền kinh tế - xã hội toàn cầu còn nhiều biến động khó lường với thách thức từ khủng hoảng chính trị, dịch bệnh vẫn tiềm ẩn, biến đổi khí hậu, suy thoái kinh tế toàn cầu...Tuy nhiên, SAVICO đã sẵn sàng và chuẩn bị nguồn nhân lực cho những kế hoạch tăng trưởng đột phá, mở rộng hoạt động kinh doanh ngành hàng mới, giá trị mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái của SAVICO cổ đông.... nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao hơn cho toàn hệ thống.

Năm 2022 kỷ niệm 40 năm hình thành và phát triển của SAVICO, với niềm tự hào của bề dày lịch sử toàn hệ thống, SAVICO sẽ luôn giữ vững tinh thần **"Chung Ý Chí - Vững Niềm Tin"** để thúc đẩy cho mọi hoạt động trong năm 2022 nhằm chinh phục các mục tiêu mới, tạo đà phát triển mạnh mẽ cho năm 2022 và các năm tiếp theo, giữ vững vị thế của SAVICO và mang lại giá trị tối đa cho cổ đông, đối tác, khách hàng và người lao động.

Kính chúc Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông, Quý lãnh đạo và toàn thể Cán bộ nhân viên hệ thống SAVICO bình an và thịnh vượng cùng nhiều thành công trong năm 2022.

Trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Mai Việt Hà



GIỚI THIỆU

SAVICO



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

XÂY DỰNG NỀN MÓNG 1982 - 2004

1982

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1.

1986

Đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là SAVICO.

1990

Đầu tư, phát triển kinh doanh dịch vụ ngành ô tô, xe gắn máy, du lịch, dịch vụ vận chuyển - taxi... tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại sau này.

1995

Mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản và đưa vào danh mục hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

1998

Từng bước chuyển hướng hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư - bắt đầu bằng việc góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần của các công ty; xây dựng và phát triển hệ thống đại lý phân phối xe ô tô, xe gắn máy của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Suzuki, Chevrolet,...

HỘI NHẬP PHÁT TRIỂN 2004 - 2014

2005

Thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 04/01/2005. Hoạt động của Công ty tập trung vào 3 lĩnh vực: Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ Tài chính.

2006

Ngày 21/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SVC

2009

Ngày 01/06/2009, cổ phiếu của Công ty chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán SVC

MỞ RỘNG KINH DOANH 2015 - 2020

Đẩy mạnh phát triển hoạt động phân phối và dịch vụ ngành ô tô. Mở rộng sang kinh doanh xe thương mại và kinh doanh xe cao cấp với thương hiệu Volvo. Tổng số đại lý ô tô phát triển mới giai đoạn này là 38 đại lý, nâng tổng số đại lý ô tô trong hệ thống SAVICO lên con số 57 đại lý

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2022 – Dấu mốc 40 năm thành lập, mở hướng cho chặng đường phát triển mới

Đặt cột mốc quan trọng xác lập mục tiêu ưu tiên trong việc thực thi chiến lược phát triển đột phá ngành dịch vụ ô tô, dịch vụ Bất động sản và dịch vụ giá trị gia tăng. Cam kết mang lại giá trị hài hòa cho Cổ đông, Đối tác, Cán bộ nhân viên và Khách hàng; chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

2021

Tập trung đổi mới tư duy, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong công tác quản trị và điều hành toàn hệ thống. Hoàn thiện phát triển hệ sinh thái nhằm liên kết sức mạnh ba lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ Thương mại – Dịch vụ Bất động sản – Dịch vụ Tài chính. Trong đó lấy lĩnh vực Dịch vụ Thương mại làm nền tảng với tổng số đại lý ô tô hiện nay là 64 đại lý, giữ vững vị thế là nhà phân phối và cung cấp dịch vụ ô tô số 1 Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Tổ chức hệ thống đại lý trực tiếp phân phối ô tô, xe gắn máy từ nhà sản xuất trong và ngoài nước; sửa chữa; bảo trì ô tô, xe gắn máy và các dịch vụ kèm theo cho các thương hiệu Toyota, Ford, Volvo, Hyundai, Honda, Hino, Isuzu, Yamaha..

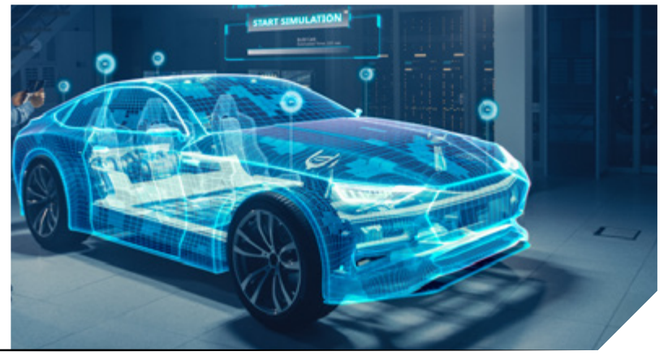



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Hỗ trợ hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại và Dịch vụ Bất động sản.

DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Đầu tư, phát triển kinh doanh bất động sản theo định hướng cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại... Đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh của SAVICO trải dài từ Bắc vào Nam

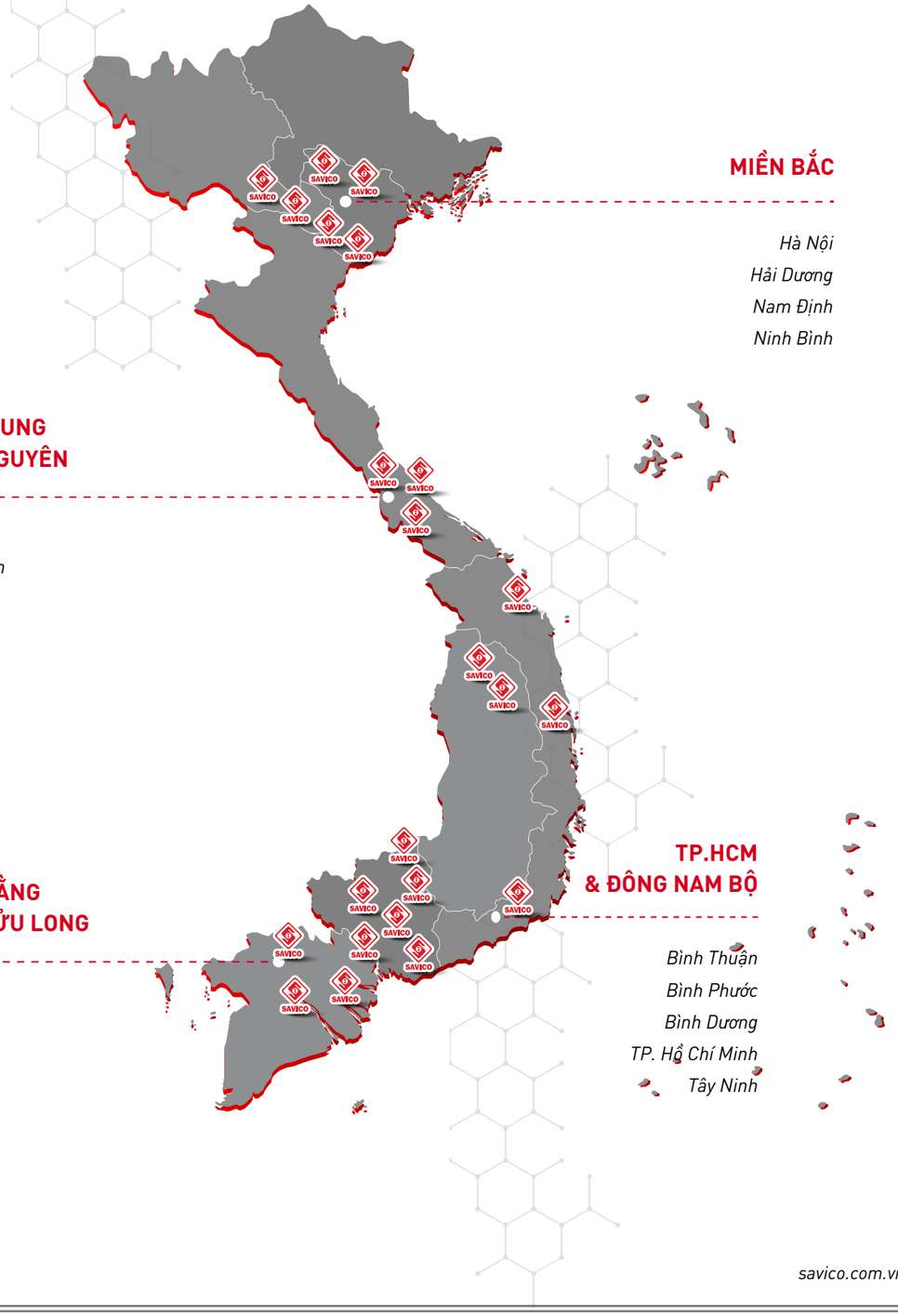

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

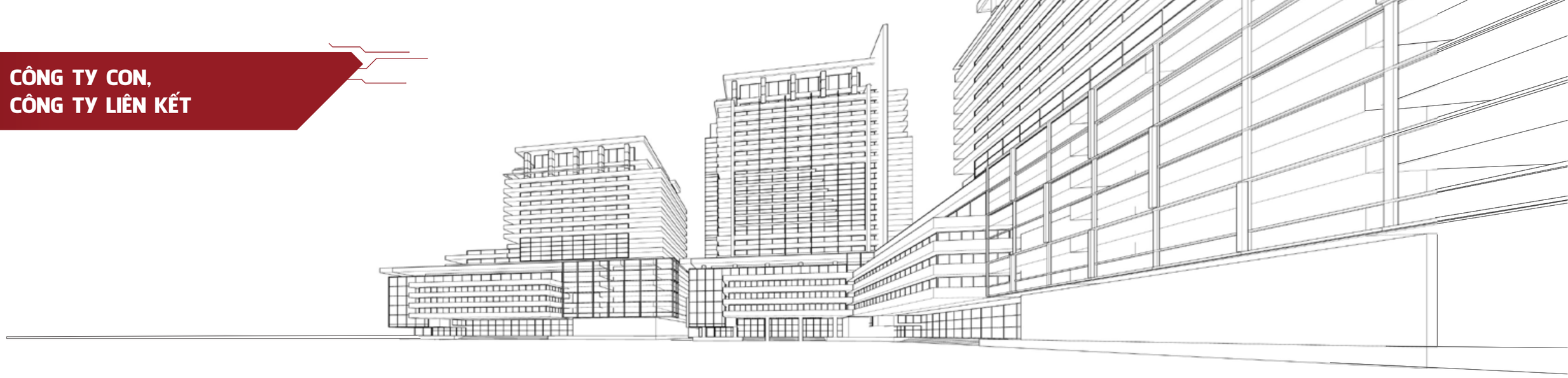

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
1	**Công ty Cổ phần Savico Hà Nội**	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, tổ 17, P. Gia Thuỵ, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân dụng và công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	160.000	70,00%
	Trung Tâm Thương Mại SAVICO Mega Mall	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội. ĐT: (84 24) 62 668 855 www.savicomegamall.com			
	Công Ty TNHH Toyota Long Biên	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội. ĐT: (84 24) 62 777 999 - Fax: (84 24) 62 777 998 Hotline: 0973.778.669 Email: toyotalongbien.hn@gmail.vn www.toyotalongbien.org		
	Công Ty TNHH Toyota Hải Dương	Số 1 đường Ngô Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương ĐT: (84 220) 3555 999 - Fax: (84 220) 3555 997 Hotline: 090.345.9775			
	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương (Ford Hải Dương)	Khu 14, đường Ngô Quyền, P. Bình Hàn, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương Hotline: 0906 931 555 www. haiduongford.vn			
2	**Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng**	66 Võ Văn Tần, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	72.930	70,00%

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Công ty CP Dana (Danaford)	56 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 364 6555 - Fax: (84 236) 364 6746 Hotline cứu hộ: 0905 444 888 Email: danaford@danaford.com.vn w www.danaford.com.vn Hotline bán hàng: 0905 105 888 Hotline dịch vụ: 0914 061 731 Chăm sóc khách hàng: 0905 444 838			
	Chi nhánh Dana Ford Bình Định	73 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định ĐT: (84 256) 3546 555 - Fax: (84 256) 3546 488 - Hotline: 0905 631 666 Email: dongpq@danaford.com.vn			
	Chi nhánh Dana Ford Gia Lai	284 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84 269) 3535555 - Fax: (84 269) 3551777			
	Công ty CP Ô tô Sông Hàn	86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 378 3555 - Fax: (84 236) 378 3883 Hotline: 0914 303 555 / 0511 3 783 888 www.hyundaisonghan.com.vn		
	Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	286 Phạm Hùng, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng ĐT: 02363.773555 - Fax: 02363.773556 Hotline: 0941.555.404 Email: CSKH@hyundai-sontra.vn www.hyundai-sontra.vn		
	Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai	278 Lê Duẩn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84 269) 386 2255 - Fax: (84 269) 386 2266 Hotline: (84 069) 373 5888			
	Công ty CP Ô tô Kontum	377A Phan Đình Phùng, P. Duy Tân, TP. Kontum, Tỉnh Kontum ĐT: 0260 388 9888 www.hyundaikontum.vn			

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT *(tiếp theo)*

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Công ty CP Ôtô Bình Định	359 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định ĐT: (84 256) 353 5255 - Fax: (84 256) 353 5166 Hotline: (84 256) 364 7888 www.hyundaibinhdinh.com.vn			
	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng - Mitsubishi Savico Đà Nẵng	Số 02 Nguyễn Hữu Thọ, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 377 8555 - Fax: (84 236) 389 3789. www.mitsubishisavico.com.vn			
	Chi nhánh Mitsubishi SAVICO Quảng Nam	475 Hùng Vương, P. An Sơn, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam Hotline: 0905 606 115 mitsubishimotorsquangnam.com			
	Công ty CP Hưng Thịnh Ô tô	Lô 02, Quốc lộ 1A, thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng ĐT: 0903 500 897 - 02363 616 555 Hotline: 0903 500 897 - 0905 627 387 www.hyundai-hungthinh.vn			
	Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh	Lô 01, QL1A, thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng ĐT: 02363 767 027 Hotline: 0905 700 788 - 0906 574 578 Email: isuzu-itrucksdaithinh@gmail.com www.isuzudaithinh.vn			
3	***Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà***	Bãi Trẹm, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Phát triển dự án du lịch nghỉ dưỡng Mercure Sơn Trà Resort	95.000	98,28%
4	**Công ty TNHH Toyota Giải Phóng**	807 Giải phóng, Hoàng Mai, HN Tel: (84 24) 3664 0124 Fax: (84 24) 36640127 Hotline: 0903.259.295 www.toyotagiaiphong. com.vn www.toyotagiaiphong.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	18.088	64,00%
	Toyota Giải Phóng Chi nhánh Pháp Vân	Đường Cao tốc Pháp Vân, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội ĐT: (84 24) 3642 5588 - Fax: (84 24) 3642 5599 Hotline: 098 999 7879 www.toyota-phapvan.com			
	Công Ty TNHH Toyota Giải Phóng Nam Định	Đường Nam Định - Phủ Lý, xã Lộc Hòa, TP. Nam Định, T. Nam Định Hotline: 0974 123 535 - 0943 962 525 www.toyota-namdinh.vn			
	Công Ty Cổ Phần Toyota Ninh Bình	Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 392, Khu công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam			
5	**Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ôtô (Sài Gòn Ford)**	61A Cao Thắng, P.3, Q.3, TP.HCM ĐT: (84 28) 3818 1458 Fax: (84 28) 3818 1466 Hotline dịch vụ: 090 746 8686 Hotline bán hàng: 093.878.3139 Email: saigonford@saigonford.com.vn Website: www.saigonford.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	129.000	52,05%

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Saigon Ford Phổ Quang	TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa đồng sơn 104 Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP.HCM ĐT: (84 28) 3844.2947/ 3844.2948 - Fax: (84 28) 3844 2896 Hotline: 093 811 0139 Email: phoquang@saigonford.com.vn			
	Xưởng Dịch vụ Trần Đình Xu	72 Trần Đình Xu, Q. 1, TP.HCM ĐT: (84 28) 3838 9508 - Fax: (84 28) 3838 9521 www.mazdabenthanh.com.vn			
	Saigon Ford Trần Hưng Đạo	6A Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM Tel: 0903900911 - Fax: (84 28) 3915 3244			
	Công ty CP Đầu tư TMDV Sài Gòn Ôtô Cần Thơ	Lô 11C Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3730 720 / 3730 719 - Fax: (84 292) 3.730.716 Hotline: 0902 357 558 Email: cantho@saigonford.com.vn www.canthoford.vn			
	Chi nhánh Vĩnh Long	116 QL1A, Tân Ngãi, Vĩnh Long, Tân Xuân Vĩnh Long ĐT: 0839 683 164			
	Công ty CP Bến Thành Ôtô	831 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: (8428) 3815.7979 - Fax: (84 28) 3815.8989 Hotline Dịch vụ: 0908 061 061 - Bán hàng: 0938 191 191 Email: info@benthanhford.com.vn www.benthanhford.com.vn			
	Bến Thành Ford Assured	69-71 Chế Lan Viên, P. Tây Thạnh Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: 0908 008 998 - Fax: (84 28) 38155886 Hotline: 0931.248.248			
	Công ty CP Bến Thành Tây Ninh	226 Quốc lộ 22B, A. Hiệp Trường, X. Hiệp Tân, H. Hòa Thành, T. Tây Ninh ĐT: (84.276) 3622 711 - Fax: (84.276) 3622 911 Hotline: 0936 824 879 Email: info@tayninhford.com.vn www.tayninhford.com.vn			
	Công ty CP Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	96 QL 22B, Hiệp Hòa, Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh Hotline Bán hàng: 0932 208 208 Hotline Dịch vụ: 0914 706 706 www.mitsubishi-tayninh.com.vn			
	Công ty CP Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Quốc lộ 1A - Lô 4/3 Đường số 4 KCN Phan Thiết 1, X. Phong Nẫm, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận ĐT: (84.252) 3535 010 - Fax: (84.252) 3535 020 Hotline bán hàng: 0919 828 121 Hotline dịch vụ: 0903 618 250 www.binhthuanford.com.vn			
	Công ty TNHH DV Sài Gòn Ôtô Gia Định	900 Quốc lộ 1A, phường Thạnh Xuân, Q.12, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 0828 7108 2090			

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT *(tiếp theo)*

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Công ty CP Đầu Tư TMDV Ôtô Nam Sài Gòn (Chevrolet Phú Mỹ Hưng)	1489 Đường Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q.7, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84 28) 3771 8888 - Fax: (84 28) 3771 8895 Hotline Bán hàng: 0902 743 783 Hotline Dịch vụ: 0938 453 645 Email: info@chevroletphumyhung.com.vn Website: chevroletphumyhung.com.vn			
	Công ty CP Đầu tư TMDV Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	D6/28 Quốc lộ 1A, KP4, TT. Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 0283 7600 999 Hotline: 0943 245 779 Email: infor@hyundaiphulam.com.vn Website: hyundai-phulam.vn			
	Công ty CP Ô tô Bình Thuận	Lô 4/3, Đường số 4, KCN Phan Thiết 1, Xã Phong Nẫm, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận Hotline: 1900 234569 Hotline Bán hàng: 094 995 7769 Hotline Dịch vụ: 0835 45 39 69 www.mitsubishi-binhthuan.com.vn			
6	**Công ty TNHH Toyota Cần Thơ**	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ Hotline: 0949 919 919 Email: contact@toyotacan-tho.com.vn www.toyotacantho.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	49.626	64,00%
	Toyota Cần Thơ Chi nhánh An Giang	28/1 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang			
7	**Công ty CP Ôtô Nam Sông Hậu (Honda Cần Thơ)**	1Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: 02923.838.558 Fax: 02923.838.556 Hotline Bán hàng: 0941 838 558 Hotline Dịch vụ: 0907 838 559 Email: hct@hondacantho.com www.hondacantho.com	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	50.000	51,00%
8	**Công ty CP Ôtô Vĩnh Thịnh (Hino Vĩnh Thịnh)**	55/5 Khu phố Bình Giao, P. Thuận Giao, Thị xã Thuận An, T. Bình Dương Hotline: 0905 88 96 98 Fax: 0274 363 0336. www.hinobinhduong.vn	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	20.000	90,00%

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
9	**Công ty CP Ôtô Tây Bắc Sài Gòn**	43/7A, QL. 22, xã Xuân Thới Đông, H. Hóc Môn, TP.HCM Hotline: 0948 69 68 67 www.isuzusg.com	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu Isuzu và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải	40.000	99,90%
10	**Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao**	510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TP.HCM ĐT: 08372630231 Fax: 02837273133 www.saigonngoisao.com.vn	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	30.000	56,98%
	Chi nhánh Bình Dương	780 Quốc lộ 1K, KP Nội Hoá 2, P. Bình An, TX. Dĩ An, T. Bình Dương			
	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	673 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM ĐT: (84 28) 37733893 - Fax: (84 28) 37733902			
	Chi nhánh Nhà Bè	1931 Huỳnh Tấn Phát, Kp 5, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh Hotline: 1900 7250 - ĐT: 0902 393 539 Mail: hondasgvd673@gmail.com			
	Công ty CP Ô tô Hyundai Ngôi Sao	184C/1 Khu phố 1A. P. An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương			
11	**Công ty CP Ôtô Sài Gòn Cửu Long (Chevrolet Cần Thơ)**	274 Đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 0292.3838 868 Fax: 0292.3 739 779 Email: contact@chevroletcan-tho.com.vn www.chevroletcantho.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu CHEVROLET và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	12.000	84,17%
12	**Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Sài Gòn)**	164-166C Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3780 164 Fax: (84 292) 3780 166 Email: saigon@yamahasaigon.com www.yamahasaigon.com	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	7.660	88,12%
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 2	Kiốt 15-17-19-21 Công viên Văn Hóa Miền Tây, Số 45 Đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3783 979 - (84 292) 3783 839			
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 3	291 Ấp An Nhơn, X. Trung Thành, H. Vũng Liêm, T. Vĩnh Long. ĐT: (84 270) 3976 888 - Fax: (84 270) 3976 777			
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 4	822 Quốc Lộ 61, Ấp Cầu Xáng, X. Tân Bình, H. Phụng Hiệp, T. Hậu Giang ĐT: 02933. 982985			
	Trạm dịch vụ và phụ tùng	164/1B, Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3782 982			

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT *(tiếp theo)*

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
13	**Công ty CP OtoS (OtoS)**	66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	14.300	90,00%
14	**Công Ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh (Hyundai Vĩnh Thịnh - CV)**	Quốc lộ 14, Ấp 1, Xã Đồng Tiến, H. Đồng Phú, T. Bình Phước ĐT: (02713) 826 222 Fax: (02713) 826 223 www.hyundai-vinhthinh.vn	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI, xe buýt và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	20.000	55,00%
15	**Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu**	274 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	30.000	51,00%

CÔNG TY LIÊN KẾT SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
1	**Công ty CP Đầu tư SAVICO**	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ôtô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	160.000	40,00%

CÔNG TY LIÊN KẾT SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
2	**Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn**	507 Xa lộ Hà Nội, P. An Phú, Q. 2, TP.HCM ĐT: (84 28) 3898 9242 Fax: (84 28) 3898 9243 Hotline: 19006428 Email: tesc@toyotasaigon.com www.toyotadongsaigon.com.vn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	162.750	30,3%
	Chi Nhánh Gò Vấp	18 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp, TP.HCM ĐT: (84 28) 3989 6636 - Fax: (84 28) 3989 6637 Hotline: 19006438			
	Chi Nhánh Nguyễn Văn Lượng	63A Nguyễn Văn Lượng, P. 10, Q. Gò Vấp, TP.HCM ĐT: (84 28) 3921 2808 - Fax: (08) 3921 2809 Hotline: 0918335050			
	Chi nhánh Quận 9	850 Xa Lộ Hà Nội, P. Hiệp Phú, Q9, TP.HCM. ĐT: (84 28) 37361689 - Fax: (84 28) 37361690 Hotline: 0901 830 833			
	Chi nhánh Thủ Đức	+ Trạm dịch vụ: 522 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Phước, TP.Thủ Đức + Phòng trưng bày: 650 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Phước, TP.Thủ Đức Điện thoại: (028) 3636 6079 Hotline:0901 860 512 Fax:(028) 3636 5099		
	Công Ty TNHH Toyota Bình Thuận	KDC Bến Lội - Lại An, thôn Thắng Thuận, X. Hàm Thắng, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận ĐT: (84 252) 3739 212 - Fax: (84 252) 3739 210 Hotline: 0931533027 www.binhthuan.toyota.com.vn		



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT *(tiếp theo)*

CÔNG TY LIÊN KẾT SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
3	**Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt**	188 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: (84 28) 3816 3636 Fax: (84 28) 3816 3366 www.toyotalythuongkiet.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	60.000	35%
	Chi nhánh Tân Phú	151A Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP.HCM ĐT: (84 28) 3971 3838 - Fax: (84 28) 3971 3209			
	Chi nhánh Tây Ninh (Toyota Tây Ninh)	Số 50 Hoàng Lê Kha, P. 3, TP. Tây Ninh Hotline: 1800 6565			
	Chi nhánh Tân Sơn Nhất	682A Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình Hotline: 19003388			
4	**Công ty CP Ôtô Bắc Âu (Volvo Cars Saigon)**	340 Nguyễn Văn Linh, P. Bình Thuận, Q. 7, TP.HCM Hotline (Sales): +84 901 69 8668 Hotline (Services): +84 935 28 7788 Email: info@volvocars.vn www.volvocars.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu Volvo và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	60.000	32%
	Công ty TNHH Ôtô Bắc Âu Hà Nội (Volvo Cars Hanoi)	7-9 Nguyễn Văn Linh, Long Biên, Hà Nội Hotline (Sales): +84 97 111 7799 - Hotline (Services): +84 966 700 337 www.volvohanoi.vn			

CÔNG TY LIÊN KẾT SỞ HỮU TRỰC TIẾP

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
5	**Công ty CP Ôtô Sao Tây Nam (Hyundai Tây Đô)**	91 đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUN- DAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	40.000	43,8%
	Công ty TNHH MTV Dịch vụ thương mại đầu tư ô tô Kiên Giang	68 Võ Văn Kiệt, ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang			
6	**Công ty CP DV Ôtô Thành Phố Mới Bình Dương (Bình Dương Ford)**	Lô C13 Hùng Vương, khu liên hợp, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương ĐT: (0274) 3801381 Fax: (0274) 3801380 www.binhduongford.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	50.000	30,6%
	Chi nhánh Bình Phước	Đường Phú Riềng Đỏ, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước Hotline: Sales 0799776006 Dịch vụ: 0779558448 Mail: info@binhphuocford.com.vn			
7	**Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng**	Số 200 Quốc lộ 20, tổ 3, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Hotline: 0971161171 Mail: info@mitsubishi-lamdong.com.vn	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	4.475	50,00%



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM

2021

SAVICO VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2021, thương hiệu SAVICO và đơn vị thành viên tiếp tục nhận được sự tin yêu bằng việc nhận được các giải thưởng lớn từ các tổ chức - hiệp hội uy tín trong nước đó cũng chính là những giá trị tinh thần lớn lao, ghi nhận những nổ lực của tập thể SAVICO trong hoạt động kinh doanh và công tác xây dựng, phát triển thương hiệu của toàn hệ thống.





VỀ PHÍA SAVICO

14 NĂM Liên tiếp nằm trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR 500 (Năm 2021, Savico xếp vị trí thứ 82)

100 TOP Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2021

THỐNG KÊ CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2021

	ĐVT	SỐ LIỆU
Giá ngày 31/12/2020	đồng/ CP	70.000
Giá ngày 31/12/2021	đồng/ CP	105.600
Giá cao nhất trong năm (14/12/2021)	đồng/ CP	148.800
Giá thấp nhất trong năm (01/07/2021))	đồng/ CP	63.486
Tổng khối lượng giao dịch (gồm thỏa thuận)	CP	37.306.119
Khối lượng CP niêm yết	CP	33.320.532
Khối lượng CP lưu hành	CP	33.310.032
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/2021)	tỷ đồng	3.231
Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/2021)	tỷ đồng	1.357
EPS (2021) – Theo BCKT	đồng/ CP	3.854
P/E (31/12/2021)	lần	25,17
P/B (31/12/2021)	lần	1,73

Cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phát hành tại thời điểm 31/12/2021	33.320.532 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phần phổ thông
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021	33.310.032 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hay cam kết của người sở hữu	Không có
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2021 (*)	Có
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (**)	Có

(*) Trong năm 2021, Công ty thực hiện bán 9.566 cổ phiếu quỹ

(**)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số Cổ Phiếu Sở Hữu Đầu Kỳ	Tỷ Lệ (%)	Số Cổ Phiếu Sở Hữu Cuối Kỳ	Tỷ Lệ (%)	Lý do tăng, giảm
1	Mai Việt Hà	Chủ Tịch HĐQT	10.400	0,03%	0	0	Bán
2	Lê Tuấn	Phó Chủ Tịch HĐQT	1.633.333	4,90%	0	0	Bán
3	Nguyễn Hoàng Giang	Thành Viên HĐQT	1.633.333	4,90%	0	0	Bán
4	Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám Đốc	40.030	0,12%	0	0	Bán



Cơ cấu cổ đông

(theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 25/03/2022)

STT	Phân loại cổ đông	Khối lượng	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông: Tổ chức	Cơ cấu cổ đông: Cá nhân
1	Cổ đông Nhà Nước	13.590.430	40,79%	1	1	-
2	HĐQT, BTGĐ, BKS, KTT	10.041	0,03%	2	0	2
3	Cổ đông trong nước	19.073.491	57,24%	893	47	846
	Cá nhân	1.054.630	3,17%	846	-	846
	Tổ chức	18.018.861	54,08%	47	47	
4	Cổ đông nước ngoài	636.070	1,91%	55	12	43
	Cá nhân	68.988	0,21%	43	-	43
	Tổ chức	567.082	1,70%	12	12	-
5	Cổ phiếu quỹ	10.500	0,03%	1	1	-
	Tổng cộng	**33.320.532**	**100,00%**	**952**	**61**	**891**

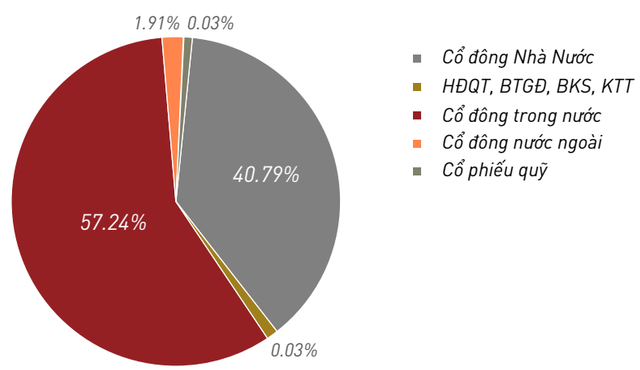

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG *(tiếp theo)*



Danh sách cổ đông lớn và cổ đông chiến lược

(theo theo Danh sách đăng ký cuối cùng ngày 25/03/2022 và công bố thông tin đến ngày 28/04/2022)

Cổ Đông	Địa chỉ	Số Lượng Cổ Phần Sở Hữu (Cổ Phần)	Tỷ Lệ (%)
Tổng Công ty Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP.HCM	13.590.430	40,79%
Công Ty Cổ phần SVC Holdings	Tầng 20, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH 2, 2, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	18.017.241	54,07%
TỔNG CỘNG		**31.607.671**	**94,86%**

Thống kê sở hữu của cổ đông nội bộ

Stt	Họ Và Tên	Chức Vụ	Số Lượng Cổ Phần Sở Hữu (Cổ Phần)	Tỷ Lệ (%)
1	Mai Việt Hà	Chủ Tịch HĐQT	0	0,00%
2	Lê Tuấn	Phó Chủ Tịch HĐQT	0	0,00%
3	Nguyễn Hoàng Giang	Thành Viên HĐQT	0	0,00%
4	Nguyễn Ngọc Châu	Thành Viên HĐQT	0	0,00%
5	Hoàng Tâm Hòa	Thành Viên HĐQT	0	0,00%
6	Nguyễn Huy Tuấn	Thành Viên HĐQT	0	0,00%
7	Trần Văn Hiếu	Thành Viên HĐQT	0	0,00%
8	Phan Dương Cửu Long	Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	9.833	0,03%
9	Nguyễn Công Bình	Thành Viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	208	0,00%
10	Hoàng Thị Thu Hương	Thành Viên BKS	0	0,00%
11	Lê Anh Tuấn (*)	Thành Viên BKS	0	0,00%
12	Nguyễn Thị Hải Yến	Thành Viên BKS	0	0,00%
13	Ngô Hòa	Thành Viên BKS	0	0,00%
14	Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám Đốc	0	0,00%
15	Ngô Văn Danh	Kế Toán Trưởng	0	0,00%
TỔNG CỘNG			**10.041**	**0,03%**



HOẠT ĐỘNG IR NĂM 2021

SAVICO luôn thể hiện sự nhất quán, trung thực, minh bạch và công bố thông tin một cách công bằng trong giao tiếp với nhà đầu tư, cổ đông





SAVICO luôn thể hiện sự nhất quán, trung thực, minh bạch và công bố thông tin một cách công bằng trong giao tiếp với nhà đầu tư, cổ đông. Mọi thông tin (theo quy định và tự nguyện) được công bố một cách chính xác, đầy đủ, rõ ràng, đúng thời hạn trên trang điện tử của SAVICO (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Hoạt động IR của SAVICO tập trung vào việc đáp ứng các quy định hiện hành về công bố thông tin, đảm bảo các thông tin công bố ra công chúng kịp thời, chính xác, tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật. Ban IR cũng là đầu mối tiếp nhận và kết nối thông tin giữa Công ty với cổ đông, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán...; Song song đó, SAVICO tiếp tục cải thiện việc thiết lập định hướng theo các quy chuẩn quốc tế về phát triển bền vững, đây thực sự là một tham khảo cần thiết đối với SAVICO.

Cũng trong năm 2021, SAVICO nhận được nhiều chia sẻ, hỗ trợ từ phía nhà đầu tư, các cổ đông để hoạt động IR ngày càng đáp ứng cao hơn các yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, các cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

Tập trung nguồn lực đánh giá, dự báo, chia sẻ thông tin kịp thời về tình hình thị trường, cũng như tác động của dịch bệnh Covid-19 để đề ra các giải pháp ứng phó phù hợp với khủng hoảng, đảm bảo sự an toàn cho doanh nghiệp, tồn tại qua giai đoạn khó khăn hiện nay.

Tăng cường số hóa, quản trị hoạt động và vai trò quản lý của Công ty mẹ tới các đơn vị thành viên. Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với đối tác, ngân hàng chiến lược.

MỤC TIÊU TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tiếp tục khẳng định vai trò là nhà đầu tư tiên phong, xây dựng công ty phát triển toàn diện, vững mạnh về tổ chức, là công ty đại chúng có thương hiệu uy tín.

Tăng cường phát triển mạng lưới, mở rộng đại lý mới, để giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam.

Lĩnh vực Dịch vụ thương mại là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản đóng góp quan trọng cho lợi nhuận ổn định của Công ty.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp xuyên suốt theo hướng hài hòa lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động và giá trị bền vững của Công ty.

Cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường các nguồn lực về con người, môi trường tự nhiên; cũng như chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng, xã hội

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

SAVICO phát triển theo mô hình Công ty đầu tư (Công ty mẹ)

Đầu tư vào các dự án dịch vụ Thương mại, Bất động sản, Tài chính. Góp vốn & tham gia quản trị song hành với các Công ty con, liên kết để phát triển kinh doanh.

Mô hình quản trị theo ngành dọc "chuyên biệt để tạo lợi thế" và quản lý theo khu vực "kết hợp để tạo hiệu quả".

Giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị thành viên, kiểm soát hoạt động đảm bảo hiệu quả đầu tư, đồng thời hỗ trợ các đơn vị thành viên mở rộng thị trường, đào tạo phát triển nhân lực, tăng cường liên kết, phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên, nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống SAVICO.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

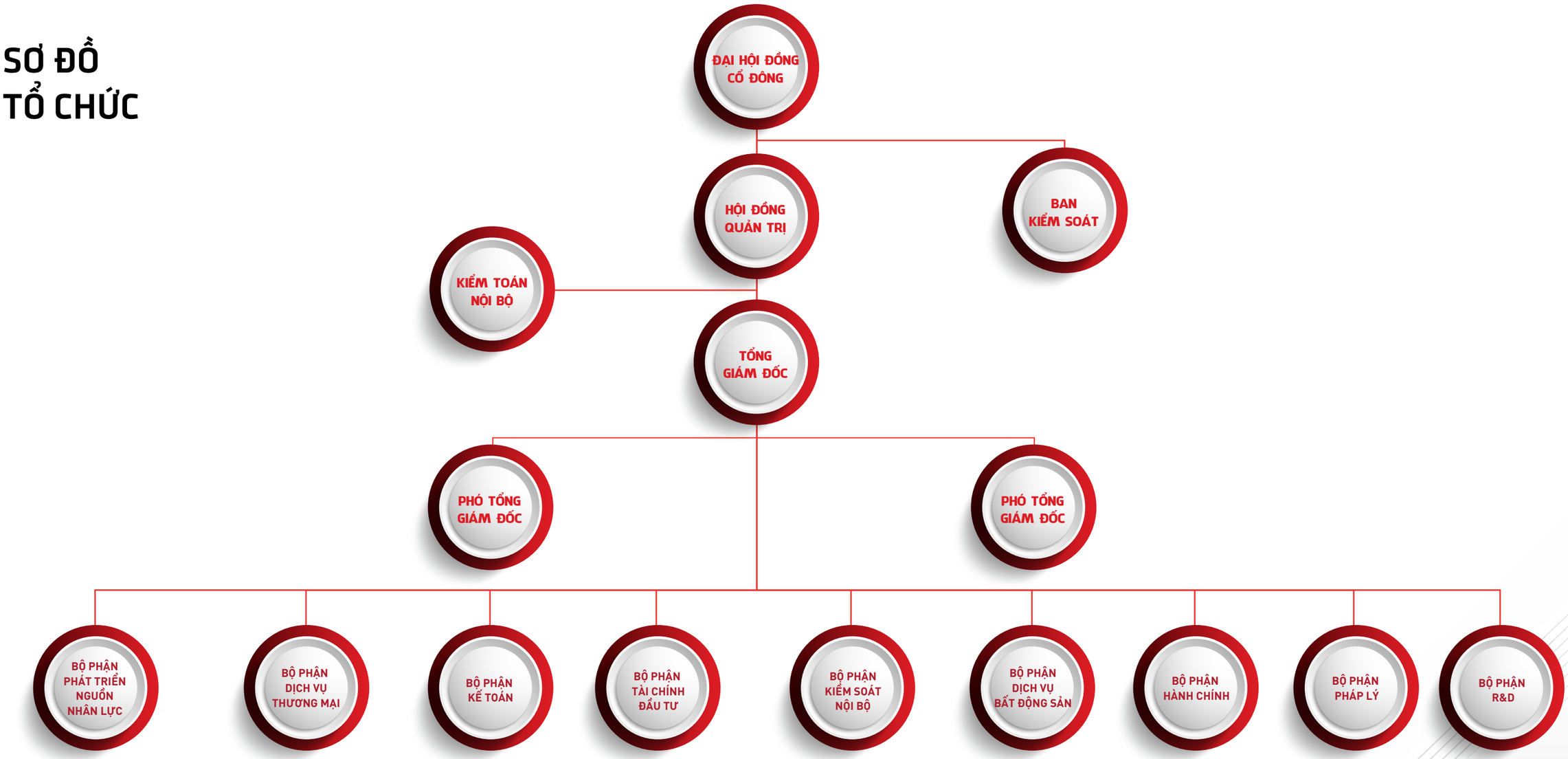

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông MAI VIỆT HÀ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Ô tô Sao Tây Nam
- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Toyota Cần Thơ
- Phó CT.HĐQT Công ty CP Ô tô Bắc Âu
- Phó CT.HĐTV Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt



Ông LÊ TUẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1984

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Savico Đà Nẵng
- Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Ô tô Bắc Âu.
- Tổng Giám đốc – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Savico Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty CP Toyota Giải Phóng

Ông NGUYỄN NGỌC CHÂU

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Chuyên trách HĐTV Tổng Cty Bến Thành – TNHH MTV
- Phó Chủ tịch HĐQT Cty LD Khách sạn Saigon Riverside
- Phó Chủ tịch Công ty CP Ô Tô Bắc Âu.



Ông PHAN DƯƠNG CỬU LONG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến Thành Ô tô
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Savico Đà Nẵng





Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư Savico
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng



Ông HOÀNG TÂM HÒA

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc – Thành viên HĐTV Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành



Ông TRẦN VĂN HIẾU

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn



Ông NGUYỄN HUY TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Phó CT.HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco



Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1986

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại TNG;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản du lịch Ninh Vân Bay.



Ông PHAN DƯƠNG CỬU LONG
Tổng Giám đốc
Chi tiết thông tin xem tại trang 47



Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH
Phó Tổng Giám đốc
Chi tiết thông tin xem tại trang 48



Ông ĐOÀN VĂN QUANG
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh
- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Xe & Thiết bị chuyên dung Vĩnh Thịnh



Ông TRẦN VĂN HIẾU
Phó Tổng Giám đốc
Chi tiết thông tin xem tại trang 48



Bà TRẦN HẰNG THU
Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế và Tiếng Anh
- ACCA Fellowship
- Australia CPA Membership
- Chứng chỉ Hành nghề Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Phó Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Hải Âu
- Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Tasco



Ông NGÔ VĂN DANH
Kế toán trưởng
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương

Bà HOÀNG THỊ THU HƯƠNG
Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán;
Cử nhân Luật;
Cử nhân Ngữ văn Anh
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Savico Hà Nội
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Savico Đà Nẵng
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Ô tô Sài Gòn
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu





Ông NGÔ HÒA
Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1983
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kế toán;
Thạc sỹ Quản lý
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Kế toán trưởng Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV
- Thành viên HĐTV Công ty TNHH Bến Thành - Sao Thủy



Bà NGUYỄN THỊ HẢI YẾN
Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1986
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
- Thành viên BKS, Trưởng phòng Tài chính Công ty Cổ phần Tasco

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

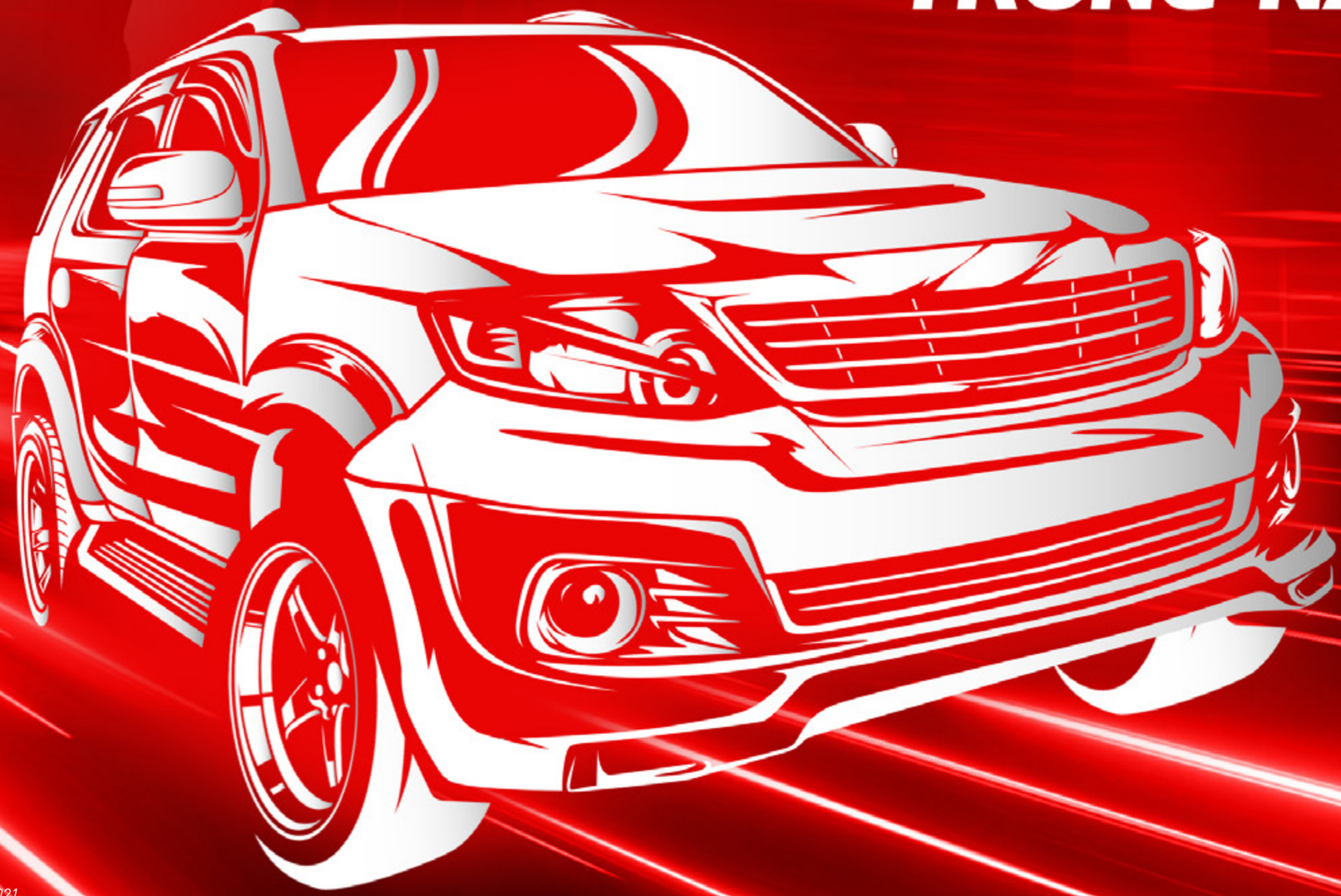

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Làn sóng Covid-19 lần thứ 4 đã gây ra những tác động tiêu cực đến hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam. Song với việc đẩy mạnh tốc độ phủ vaccine, giảm lãi suất, kiểm soát lạm phát ở mức vừa phải... dịch bệnh đã dần được kiểm soát, cùng với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đã giúp nền kinh tế bắt đầu phục hồi trong quý 4/2021.

GDP tăng

2,58%

mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, nhưng là mức chấp nhận được, trong bối cảnh dịch bệnh rất phức tạp.

Sức khỏe lĩnh vực sản xuất đã được cải thiện trong 3 tháng cuối năm, chỉ số PMI tháng 12 tăng về ngưỡng tăng trưởng

52,5 ĐIỂM

cao hơn mức trung bình năm 2021 (49,2 điểm) và năm 2020 (47,2 điểm).

Chỉ số CPI bình quân năm 2021 tăng

1,84%

so với năm 2020, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm chủ yếu do sức cầu còn yếu, vòng quay tiền chậm.

TỔNG MỨC DOANH SỐ BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG NĂM 2021 ĐẠT

4.790 NGHÌN TỶ ĐỒNG

GIẢM 3,8% SO VỚI CÙNG KỲ

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG NĂM 2021



SO VỚI CUỐI NĂM 2020

Đây là tiền đề quan trọng giúp nền kinh tế tạo đà hồi phục mạnh mẽ trong năm 2022. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp; sức cầu tiêu dùng còn yếu; thu ngân sách thiếu bền vững; giải ngân đầu tư công không đạt mục tiêu; rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, gián đoạn sản xuất vẫn còn; nợ xấu đang gia tăng...

GDP QUA CÁC NĂM (%)

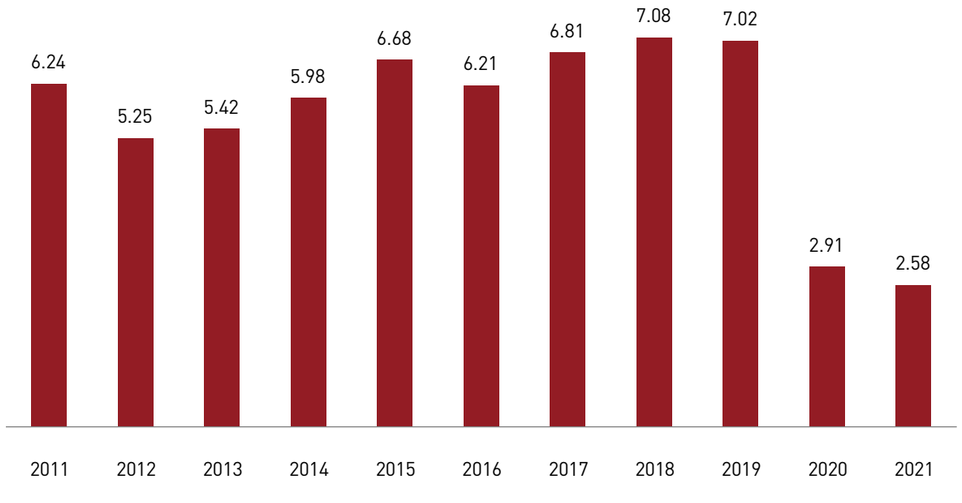

CHỈ SỐ CPI QUA CÁC NĂM (%)

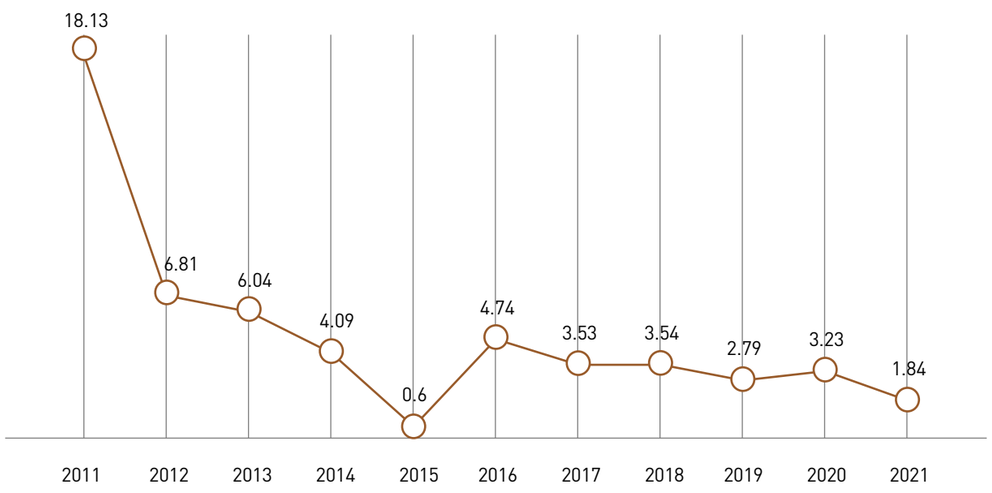

CHỈ SỐ PMI 2021 (%)



DOANH SỐ BÁN LẺ 2021 (Nghìn tỷ; %)

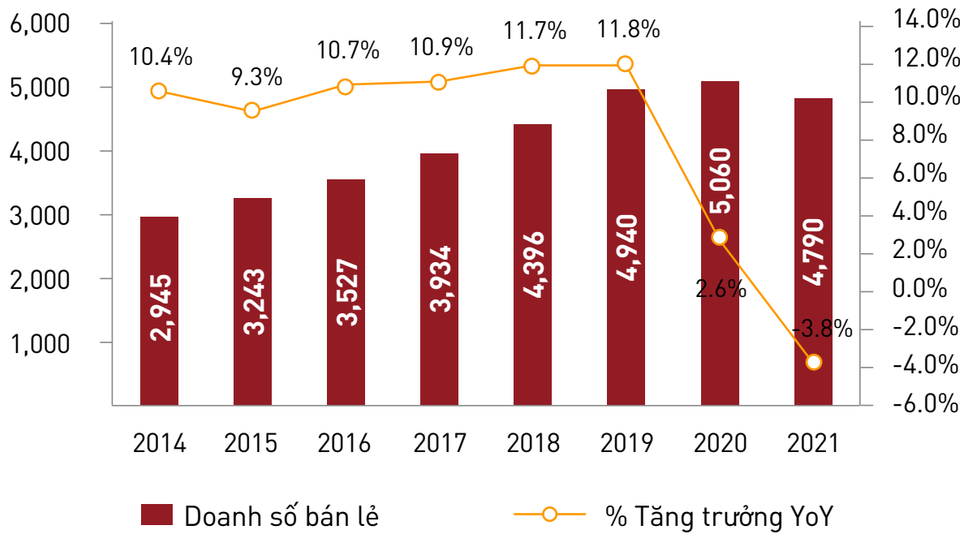

LÃI SUẤT CHO VAY CÁC KỲ HẠN

Kỳ Hạn	2020	2021	Chênh lệch
VND ngắn hạn	4,5 – 6,7%	4,4 – 8,0%	(-0,1) – 1,3%
VND trung, dài hạn	9,0 – 11,0%	7,5 – 9,5%	(-1,5)%
USD ngắn hạn	2,9 – 3,8%	3,0 – 4,5%	0,1 – 0,7%
USD trung, dài hạn	5,3 – 5,5%	4,2 – 6,0%	(-1,1) – 0,5%

VỀ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

THỊ TRƯỜNG ÔTÔ

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với ngành ô tô, dịch bệnh Covid-19 làm thị trường ô tô tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam gần như đóng băng trong suốt quý 3; chuỗi cung ứng đứt gãy, doanh số giảm kỷ lục. Song, chính sách giảm 50% phí trước bạ đối với xe CKD của Chính phủ, sự thay đổi về thị hiếu của người tiêu dùng ô tô và sự chuyển dịch theo xu hướng mới của các nhà sản xuất... tạo nên nhiều thay đổi trên thị trường ô tô Việt Nam trong năm: bắt đầu làn sóng xe điện và sự nở rộ của xe SUV đô thị, sản lượng ô tô nhập khẩu tăng kỷ lục... góp phần tạo nên sự bứt tốc mạnh mẽ của thị trường trong quý 4.

Theo báo cáo **VAMA + HTV + VINFAST, sản lượng toàn thị trường năm 2021 đạt 410.390 xe**, tăng 0,6% so với cùng kỳ; trong đó, CKD giảm 3%, CBU tăng 27%.

TOÀN THỊ TRƯỜNG ĐẠT
407.791 XE





THỊ TRƯỜNG XE GẮN MÁY

Tiếp tục đà sụt giảm năm thứ 3 liên tiếp. Theo báo cáo VAMM, sản lượng xe máy toàn thị trường năm 2021 đạt gần 2,5 triệu xe, giảm 8,1% so với cùng kỳ.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Doanh thu các Trung tâm thương mại, nhà hàng tiệc cưới, mặt bằng bán lẻ, văn phòng cho thuê giảm mạnh. Hoạt động phát triển dự án tại Tp. Hồ Chí Minh chậm do liên quan đến các vấn đề về thủ tục pháp lý.

Nguồn tài liệu tham khảo:

- Tổng cục thống kê (GSO), VAMA, HTC, VINFAST, Dữ liệu đăng kiểm
- Nghị quyết Chính phủ,Báo cáo chỉ số PMI Việt Nam (Nikkei, Markit)
- Tổng hợp các bản tin tài chính: BSC, HSC...



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2021, kinh tế toàn cầu tiếp tục chao đảo vì sự bùng phát của đại dịch Covid -19. Từ cuối tháng 5/2021, Chính phủ Việt Nam đã phải bắt đầu áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội chưa có tiền lệ và liên tục tăng cường với các biện pháp mạnh hơn trong những tháng tiếp theo với việc thực hiện Chỉ thị 16 trên cả nước. Tháng 10/2021, cả nước nói chung và TP.HCM nói riêng bắt đầu nới dần các biện pháp giãn cách xã hội, từng bước đưa cuộc sống trở lại bình thường cũng như triển khai các chương trình kích cầu kinh tế.

Không nằm ngoài sự suy thoái chung của nền kinh tế, thị trường ô tô Việt Nam trong năm 2021 là một bức tranh không mấy sáng sủa. Trong giai đoạn cả nước thực hiện giãn cách xã hội, hàng loạt nhà máy và đại lý phải tạm dừng hoạt động hoặc đóng cửa, người dân không thể tiếp cận mua sắm xe. Từ tháng 10/2021, sau khi Chính phủ thực hiện các giải pháp mở cửa và phục hồi nền kinh tế, thị trường ô tô đã có những bước khởi sắc. Nhiều mẫu xe mới ra mắt, các thương hiệu trở lại thị trường Việt Nam và đặc biệt là chính sách hỗ trợ giảm 50% thuế trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/12/2021) đã làm cho thị trường ô tô khởi sắc, sôi động và tăng tốc về cuối năm. Theo số liệu thống kê, sản lượng toàn thị trường năm 2021 đạt 410.390 xe, tăng 0,6% với cùng kỳ.

Đối với lĩnh vực Bất động sản, năm 2021 là năm chứng kiến nhiều sự biến động lớn. Ngoài quãng thời gian gần như bị đóng băng trong giai đoạn thực hiện Chỉ thị 16, thị trường Bất động sản vẫn có những sự tăng trưởng mạnh mẽ ở phân khúc giao dịch nhà đất, kéo theo giá bất động sản của phân khúc này tiếp tục tăng cao. Trong khi đó, giá cho thuê mặt bằng kinh doanh thì ngược lại nên đã dẫn đến doanh thu các trung tâm thương mại, văn phòng, hội nghị, tiệc cưới, mặt bằng lẻ đều giảm mạnh.

Mặc dù đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có, nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt và sâu sát của Hội đồng quản trị và sự đồng lòng đoàn kết, ý chí vượt khó, từng thành viên lãnh đạo, quản lý, cán bộ nhân viên và các doanh nghiệp trong hệ thống đã đưa Công ty cùng toàn hệ thống đạt được những chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ giao.

VỀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG



Toàn hệ thống đã tiếp tục đầu tư và phát triển mở rộng mạng lưới ở các nhãn hiệu Mitsubishi và Ford gồm: Mitsubishi Tây Ninh và Ford CN Nam Sài Gòn. Như vậy, tính đến nay hệ thống phân phối của Công ty đã có 64 đại lý kinh doanh ô tô hoạt động trên cả nước, tiếp tục giữ vững vị trí nhà phân phối ô tô và dịch vụ ô tô số 1 tại Việt Nam.

Sản lượng ô tô của hệ thống năm 2021 đạt 31.086 xe, giảm 11% so với cùng kỳ, thị phần toàn hệ thống đạt 7,57%, giảm 1,01 điểm % so với cùng kỳ.

VỀ KINH DOANH

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Các chỉ tiêu chính	KH 2021	Mục tiêu điều chỉnh 2021 (*)	TH 2021	TH 2021/ KH 2021	TH 2021/ Mục tiêu điều chỉnh 2021
Doanh thu BH & DV	17,191,686	12,298,180	14,192,876	109%	115%
Lợi nhuận trước thuế	286,771	152,020	251,409	206%	165%
Lợi nhuận sau thuế	236,865	110,001	211,328	208%	192%
LNST của Công ty mẹ	157,407	82,972	145,623	214%	175%

(*) Mục tiêu điều chỉnh được HĐQT công ty thống nhất tại cuộc họp HĐQT lần thứ X ngày 25/8/2021 theo Kịch bản Trung bình.

VỀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2021, toàn hệ thống đã đầu tư cho tài sản cố định và góp vốn thành lập, tăng vốn góp và mua lại phần vốn chuyển nhượng từ đối tác tại một số đơn vị vào các doanh nghiệp trong hệ thống hơn 17 tỷ đồng, trong đó riêng Công ty tăng chi đầu tư 10 tỷ đồng.

Hệ thống cũng thực hiện việc chuyển các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối để tăng quy mô vốn điều lệ tại một số công ty thành viên cho tương ứng với giá trị tài sản dài hạn đã đầu tư. Theo đó, tổng giá trị vốn đầu tư khác hợp nhất của Công ty tại thời điểm cuối năm 2021 là hơn 149 tỷ đồng, tăng 7 tỷ đồng so với cuối năm 2020.

VỀ QUẢN TRỊ

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết cũng như Điều lệ, công ty luôn tôn trọng, đảm bảo quyền và đối xử bình đẳng với tất cả các cổ đông gồm quyền lợi về tài chính, tiếp cận thông tin và tham gia vào một số quyết định quan trọng của Công ty thông qua việc công bố đầy đủ, công khai, kịp thời các thông tin theo quy định.

Năm 2021 cũng là năm đầu tiên Công ty tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên bằng hình thức trực tuyến. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được tổ chức vào ngày 10/6/2021 với tỷ lệ trên 95,63% tổng số phiếu biểu quyết và biểu quyết thông qua các nội dung ĐHĐCĐ với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết dự họp. ĐHĐCĐ đã thống nhất bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT, tăng số lượng thành viên HĐQT từ 7 lên 9 thành viên.

Việc công bố thông tin đối với công ty niêm yết cũng các giao dịch liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý và các cổ đông lớn được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Năm 2021, Công ty cũng đã tiến hành triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường để xin ý kiến về việc chấp thuận cho các cổ đông không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi nhận chuyển quyền sở hữu cổ phần của công ty dẫn đến việc sở hữu đạt và vượt các mức phải chào mua công khai theo quy định pháp luật. Cuộc họp diễn ra thành công với tỷ lệ cổ đông sở hữu số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đạt 95,12 %, tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung cuộc họp đạt 100%. Theo đó, SVC Holding đã trở thành cổ đông chi phối của SAVICO với tỷ lệ sở hữu là 54,7%.

Các hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên có liên quan; song song đó, Công ty luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn để cán bộ nhân viên yên tâm làm việc và phát huy thế mạnh.

VỀ CỔ TỨC

Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông vào tháng 08/2021 với tỷ lệ 10%/ mệnh giá cổ phiếu theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Cũng trong năm 2021, Công ty đã tiến hành thủ tục bán cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tính đến ngày 20/01/2022, Công ty đã bán được 9566/20.066 cổ phiếu quỹ, nâng cổ số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty lên 33.310.032 cổ phiếu.



GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC ĐẠI DIỆN VỐN

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban điều hành thông qua việc: triển khai, thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch trong năm đã cam kết qua các cuộc họp định kỳ và bổ sung của Hội đồng quản trị; qua trao đổi, thảo luận tại các chương trình làm việc nhằm đảm bảo tính chính xác, phù hợp, kịp thời và hiệu quả; thực hiện đúng các quy định về báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và báo cáo thường niên.

Hội đồng quản trị cũng đã phối hợp với Ban kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên, từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị giao.

Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã có sự nỗ lực lớn, có nhiều giải pháp điều hành thiết thực và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao năm 2021. Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã quyết liệt trong việc điều hành Công ty cũng như chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống thực hiện tốt các hệ thống mục tiêu chính do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao; tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị

Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc, Ban điều hành cũng cần tiếp tục thực hiện thêm giải pháp phù hợp cho việc tìm kiếm các mặt bằng để phát triển mạng lưới; tập trung hoàn thiện thủ tục pháp lý một số dự án bất động sản và kiểm soát tốt hơn nữa công nợ trong bối cảnh thị trường bất động sản sụt giảm tại khu vực trung tâm thương mại, văn phòng, hội nghị, tiệc cưới, mặt bằng lẻ.
Đối với các đại diện vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên: thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của người đại diện vốn theo Quy chế quản lý vốn và người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; kịp thời báo cáo xin ý kiến Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về các nội dung quan trọng theo quy định. Thực hiện tốt các chỉ đạo, ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty đối với các vấn đề quan trọng, liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua hình thức trực tuyến; hoàn tất việc thực hiện thủ tục sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị cũng đã theo dõi sát diễn biến của thị trường. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp trực tiếp với Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và Ban kiểm soát để hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời nhằm giữ ổn định, an toàn hoạt động kinh doanh, tài chính và nhân sự toàn hệ thống. Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực và phù hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được các thành viên giải quyết với tinh thần tập trung, nhanh chóng, trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi của Công ty, của cổ đông. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp và 13 lần trưng cầu ý kiến bằng văn bản. Thông qua các phiên họp và các đợt trưng cầu ý kiến, Hội đồng quản trị đã ban hành 53 Nghị quyết để thông qua các chủ trương liên quan đến hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống.

Các thành viên Hội đồng quản trị được cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời và cụ thể; được tạo điều kiện tiếp xúc, tham gia sâu vào các hoạt động của Công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên cơ sở thông tin rõ ràng và đầy đủ. Các chỉ đạo, kết luận được ban hành sớm để thực hiện. Các quyết định của Hội đồng quản trị được công bố công khai theo quy định pháp luật và tự nguyện.

Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng của Công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết thông qua việc điều chỉnh bảng lương cho toàn Công ty. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã bổ sung 01 Phó chủ tịch và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị để từng thành viên chủ động và phối hợp giải quyết kịp thời, hiệu quả các công việc của Hội đồng quản trị.

Việc duy trì và sử dụng chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tiếp tục được thực hiện phù hợp và hiệu quả hơn. Năm 2021, Công ty đã thực hiện việc trích lập chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và được sử dụng như sau:

Số dư đầu kỳ 1/1/2021	**3,438,062,696**
- Trích 5% từ LNST của BCR 2020	4,889,166,692
Số dư đầu kỳ 1/1/2021 sau khi trích từ LNST	**8,327,229,388**
Chi trong năm	**7,461,129,249**
Tạm trích 5% Kinh phí HĐQT năm 2021	**5,500,000,000**
Số dư tại ngày 31/12/2021	**6,366,100,139**



ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý của Công ty tích cực nghiên cứu, tham gia các khóa đào tạo, hội thảo liên quan đến quản trị, điều hành và kiểm soát để hiểu hơn, nâng cao trình độ và vận dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty.



KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2021

Năm 2022, nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng được dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Chính phủ đã có nhiều chính sách hồi phục và phát triển nền kinh tế.

Đối với thị trường ô tô Việt Nam, việc giảm 50% phí trước bạ cùng với hàng loạt các mẫu xe mới được ra mắt trong thời gian tới sẽ là cú hích quan trọng cho sự phát triển của ngành ô tô nói chung các đơn vị trong hệ thống SAVICO nói riêng.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị xác định năm 2022 sẽ là năm quan trọng để tập trung thức đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh.

Các mục tiêu cụ thể:

- Tăng trưởng tối thiểu 20%/năm và gia tăng các chỉ số về hiệu quả kinh doanh, tài chính. Cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua chỉ số tài chính.
- Tối ưu hóa vốn và nguồn vốn đầu tư, giá trị hệ thống.
- Tập trung phát triển mảng xe xang.
- Tối ưu hóa nhóm tài sản Bất động sản hiện hữu, phát triển quỹ đất mới cho kế hoạch phát triển trong tương lai.
- Khai thác hệ sinh thái của SAVICO nhằm gia tăng giá trị hiệu quả cho SAVICO và các đơn vị thành viên (tài chính, bảo hiểm...).
- Chuyển đổi số, gia tăng năng lực cạnh tranh; tối ưu hóa nguồn lực và hiệu quả hoạt động; quản trị hiện đại, thay đổi tư duy và cách thức quản trị sang quản trị mục tiêu.

Từ những định hướng trên, Hội đồng quản trị thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 do Tổng Giám đốc đề xuất như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu (Theo BCTC hợp nhất	TH 2021	KH 2022	% cùng kỳ
Doanh thu BH & CCDV	14,192,876	17,338,707	122%
Lợi nhuận trước thuế	251,410	256,910	102%
Lợi nhuận sau thuế	211,329	215.151	105%
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	145,623	130,359	90%

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 trên không bao gồm việc hoạch toán hiệu quả dự án 104 Phổ Quang

Trước dự báo về diễn biến khó lường của dịch bệnh và các tác động đến nền kinh tế, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh khi thị trường có sự biến động lớn.

Trường hợp Công ty thực hiện vượt mức các chỉ tiêu lợi nhuận như đăng ký, đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trích 10% trên phần vượt thu nhập cổ đông thuộc công ty mẹ năm 2022 để bổ sung chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị lấy tinh thần **"CHUNG Ý CHÍ, VỮNG NIỀM TIN"** làm quan điểm để lãnh đạo kết nối toàn hệ thống. Hội đồng quản trị sẽ luôn cùng với Tổng Giám đốc, Ban điều hành, cán bộ đại diện vốn và toàn thể cán bộ nhân viên hệ thống tăng cường hợp lực, đoàn kết, phát huy sức mạnh nội bộ, tận dụng hiệu quả các cơ hội của thị trường, vững vàng theo đuổi mục tiêu trở thành một doanh nghiệp đầu tư ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập vào khu vực và quốc tế.

Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực, cống hiến cho một năm đầy khó khăn, biến động, thử thách của cán bộ lãnh đạo, cán bộ nhân viên toàn hệ thống; xin cảm ơn sự hợp tác, ủng hộ của Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông, Quý lãnh đạo các cấp trung ương và địa phương, những người đã tin tưởng và đồng hành cùng Công ty và hệ thống trong hành trình hướng đến một tương lai phát triển bền vững và thịnh vượng. Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.





Nguồn: Savico Channel

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH

- **Doanh thu hợp nhất đạt 14.193 tỷ đồng, đạt 83%** kế hoạch năm 2021, giảm 12% so với cùng kỳ.
- **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 251 tỷ đồng**, đạt 88% kế hoạch năm 2021, giảm 3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do:
  - Toàn hệ thống đã tận dụng lợi thế thị trường, kiểm soát tốt chi phí hoạt động, bám sát mục tiêu kế hoạch và đạt kết quả khả quan trong 6 tháng đầu năm.
  - Tuy nhiên, từ cuối tháng 4, dịch bệnh Covid-19 bùng phát khiến lần lượt các tỉnh thành buộc phải thực hiện giãn cách xã hội, đặc biệt TP. HCM và 19 tỉnh thành phía Nam (khu vực có phần lớn các đại lý ô tô của SAVICO) ngưng hoạt động gần như hết quý 3, gây ra nhiều tác động tiêu cực:
    - Các đại lý không thể hoàn tất thủ tục giao xe cho khách hàng, gián đoạn dòng tiền vào.
    - Tình trạng mất cầu đột ngột, dư xe cục bộ, áp lực tồn kho, đáo hạn ngân hàng rất lớn.
    - Dịch vụ ngưng trệ, giải ngân bán buôn, bán lẻ ảnh hưởng, sức mua giảm mạnh...

    Hoạt động kinh doanh của SAVICO sụt giảm đáng kể trong quý 3, một số đơn vị ô tô, xe máy hầu như không có doanh thu trong tháng 8, tháng 9.
  - Nhiều mặt bằng khai thác phải bỏ trống; các đơn vị bất động sản miễn, giảm giá thuê cho khách hàng 20% - 60% từ tháng 5 đến hết năm 2021.
  - Sự quyết liệt, kịp thời trong chỉ đạo điều hành và sự nỗ lực của toàn hệ thống SAVICO trong việc tiếp cận nguồn vaccine cho người lao động; chủ động trong việc tập trung quản trị dòng tiền, giữ an toàn tài chính hệ thống; đàm phán với đối tác để tiết giảm chi phí một cách hợp lý; đồng thời đàm phán với nhà sản xuất để kéo giãn thời gian giao xe, tạm ngưng đặt hàng trong thời gian kinh doanh gián đoạn, tập trung giải quyết hàng tồn kho; đẩy mạnh bán hàng online, tận dụng tốt cơ hội đẩy mạnh bán các dòng sản phẩm thị trường cần trong mùa dịch; quản trị phân tầng nhân sự hiệu quả để giữ được đội ngũ nòng cốt; sẵn sàng kích hoạt ngay hoạt động kinh doanh khi mở cửa trở lại... Nhờ đó, giảm thiểu tối đa mức lỗ trong quý 3 và tận dụng mọi cơ hội vực dậy trong quý 4.
- **LNST của công ty mẹ đạt 146 tỷ đồng, đạt 93%** kế hoạch năm 2021, giảm 5% so với cùng kỳ.
- **Lợi nhuận trước thuế Báo cáo riêng đạt 127 tỷ đồng, đạt 104%** kế hoạch năm 2021, tăng 27% so với cùng kỳ, trong đó cổ tức lợi nhuận từ các Công ty thành viên là 78 tỷ đồng.

ĐVT: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	TH 2021	%KH 2021	% cùng kỳ
Doanh thu BH&CCDV BC Hợp nhất	14,192,876	83%	88%
LNTT BC Hợp nhất	211,329	88%	97%
LNST BC Hợp nhất	145,623	89%	94%
LNST của công ty mẹ	153.738	93%	95%
Cổ tức	Dự kiến 6%	60%	60%
LNTT BC Riêng	127,038	104%	127%

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT TÍCH CỰC VÀ HẠN CHẾ CỦA CÔNG TY

TÍCH CỰC:

- Đã tận dụng tốt điều kiện thuận lợi của thị trường, kiểm soát chi phí hoạt động và đạt kết quả khả quan trong 6 tháng đầu năm.
- Thực hiện vượt mức mục tiêu phấn đấu trong 6 tháng cuối năm: giảm thiểu tối đa mức lỗ trong quý 3 và tận dụng mọi cơ hội vực dậy trong quý 4, tạo tiền đề phát triển năm 2022.
- Đảm bảo được an toàn hoạt động kinh doanh, tài chính hệ thống; đặc biệt giữ an toàn và ổn định nhân sự hệ thống, các đối tác, khách hàng:
  - HĐQT, Ban điều hành liên tục kết nối, làm việc với các khu vực để định hướng, hỗ trợ kịp thời trong hoạt động quản trị điều hành, tiếp cận nguồn vaccine cho người lao động.
  - Tập trung quản trị dòng tiền, giữ an toàn tài chính hệ thống thông qua: chủ động làm việc với các ngân hàng để được hỗ trợ giữ nguyên nhóm nợ, giãn nợ, giảm lãi suất. Nâng tầm hợp tác chiến lược toàn diện với VietinBank để gia tăng lợi ích cho hệ thống SAVICO.
  - Quản trị chi phí hoạt động: chủ động đàm phán để giảm chi phí mặt bằng, tiết giảm chi phí, được sự đồng thuận của cán bộ nhân viên thực hiện giảm, giãn lương.
  - Quản trị hoạt động: đàm phán với nhà sản xuất để kéo giãn thời gian giao xe, tạm ngưng đặt hàng trong thời gian kinh doanh gián đoạn, tập trung giải quyết hàng tồn kho; đẩy mạnh bán hàng online, tận dụng tốt cơ hội đẩy mạnh bán các dòng sản phẩm thị trường cần trong mùa dịch; sẵn sàng kích hoạt ngay hoạt động kinh doanh khi mở cửa trở lại từ đầu tháng 10.
  - Tăng cường kết nối hệ thống, cập nhật, chia sẻ thông tin thông qua việc phát hành các báo cáo nhanh: Autonews, chính sách hãng xe, đại lý, sản lượng bán hàng và đăng ký xe du lịch (PC), xe thương mại (CV)...

CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ RỦI RO

- Tình hình công nợ phải thu của văn phòng/mặt bằng Công ty mẹ, Savico Megamall tăng cao; xuất hiện công nợ quá hạn: công nợ tồn đọng trên 3 tháng so với doanh thu bình quân tại Công ty mẹ vượt tương đương 29% doanh thu bình quân 1 tháng.
- Còn bị động trong việc tìm kiếm, lựa chọn khách hàng để cho thuê văn phòng/ mặt bằng: có những mặt bằng trống kéo dài từ tháng 5 đến nay chưa có khách thuê. Kho mới đầu tư mới chỉ đạt tỷ lệ khai thác 25%, vẫn đang nỗ lực để gia tăng tỷ lệ khai thác.
- Tiến độ triển khai một số dự án ô tô và bất động sản chậm do ngoài ảnh hưởng của dịch bệnh, chưa chủ động được các vấn đề về pháp lý thì tính chủ động và linh hoạt trong triển khai dự án còn hạn chế dẫn đến mất cơ hội bán hàng, khai thác.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

Công ty đã tập trung các giải pháp điều hành nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư đối với từng lĩnh vực kinh doanh, cụ thể như sau:

LĨNH VỰC DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

NGÀNH HÀNG Ô TÔ

- **Về sản lượng, thị phần:**
  Tổng lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống đạt 31.086 xe, đạt 74% kế hoạch năm 2021, giảm 11% so với cùng kỳ, toàn thị trường tăng 0,6%. Thị phần SAVICO năm 2021 đạt 7,57% toàn thị trường, giảm 1,01 điểm % so với cùng kỳ (theo báo cáo VAMA + HTV + VINFAST).
  Hệ thống SAVICO đã chính thức ký kết hợp đồng đại lý và **đưa vào hoạt động 2 đại lý ôtô 2S, 3S trong năm 2021** và 3 đại lý trong quý 1 năm 2022. Tiến độ phát triển một số dự án chậm so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do khó khăn về pháp lý, mặt bằng, tìm quỹ đất phù hợp và gián đoạn do dịch bệnh Covid-19.



SẢN LƯỢNG XE TIÊU THỤ NĂM 2021 (Xe)

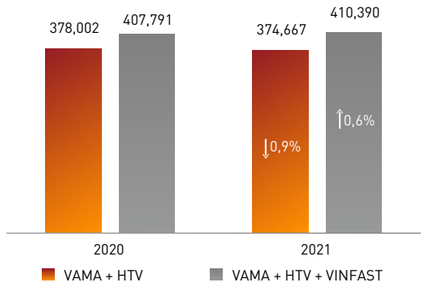

SẢN LƯỢNG CÁC THƯƠNG HIỆU SAVICO (Xe)

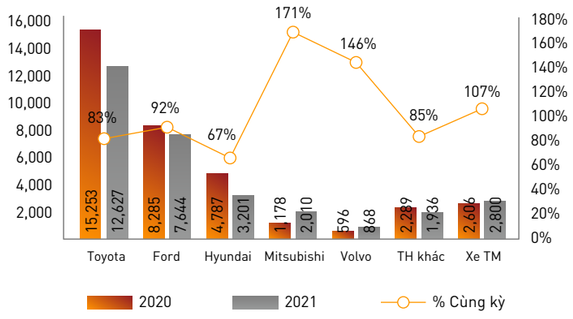

- **Về doanh thu:**
  Doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp nhất toàn ngành ô tô đạt 13.652 tỷ đồng, đạt 82% kế hoạch năm 2021, giảm 12% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán xe đạt 13.362 tỷ đồng, giảm 14%; và doanh thu dịch vụ đạt 874 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ.
  Xét về cơ cấu doanh thu năm 2021 có sự biến động nhẹ so với cùng kỳ. Trong đó, thương hiệu Toyota chiếm 43,2% (cùng kỳ 45,0%), Ford chiếm 28,6% (cùng kỳ 27,0%), Hyundai (PC) chiếm 9,5% (cùng kỳ 11,8%), xe du lịch các thương hiệu khác chiếm 8,1% (cùng kỳ 8,6%), xe thương mại chiếm 10,2% (cùng kỳ 7,6%) tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp nhất.

- **Về lãi gộp:**
Lãi gộp hoạt động bán xe năm 2021 đạt 551 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ do một số thương hiệu đã tận dụng tốt tình trạng khan xe tạm thời trong 6 tháng đầu năm, sức hút của những dòng xe mới ra mắt/ phiên bản nâng cấp; sự phục hồi của thị trường trong quý 4; sự tăng trưởng của các đơn vị xe thương mại; cũng như tác động của chính sách giảm 50% phí trước bạ đối với xe CKD trong tháng 12 để gia tăng lãi gộp. Cụ thể: Toyota đạt 255 tỷ đồng, giảm 6%; Ford đạt 150 tỷ đồng, tăng 31%; Hyundai đạt 45 tỷ đồng, giảm 24%; xe du lịch các thương hiệu khác đạt 55 tỷ đồng, giảm 13%; xe thương mại đạt 46 tỷ đồng, tăng 39%.

  Lãi gộp hoạt động dịch vụ năm 2021 đạt 186 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ.

- **Về chi phí:**
Trong năm 2021, toàn hệ thống tập trung tiết giảm hợp lý các khoản định phí, tổng chi phí toàn ngành ô tô thực hiện 725,7 tỷ đồng, giảm 8,7% so với cùng kỳ. Trong đó:
  - Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý thực hiện 657,1 tỷ đồng, chiếm 90,6% tổng chi phí, giảm 7,2% so với cùng kỳ chủ yếu do giảm sản lượng.
  - Chi phí tài chính thực hiện 68,5 tỷ đồng, chiếm 9,4% tổng chi phí, giảm 21,0% so với cùng kỳ do: sản lượng giảm, đồng thời hệ thống SAVICO đã chủ động đàm phán với ngân hàng để giảm lãi suất cho vay và quản trị hiệu quả hàng tồn kho, công nợ.

- **Về Lợi nhuận trước thuế:**
Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất ngành ô tô năm 2021 đạt 206 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ. Trong đó, các đơn vị Ford tăng 39%, Volvo tăng 9% so với cùng kỳ; các đơn vị xe thương mại đã hoạt động ổn định và có hiệu quả - lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2021 đạt 7,4 tỷ đồng, so với cùng kỳ lỗ 12,7 tỷ đồng; tuy nhiên các đơn vị phân phối các thương hiệu còn lại đều sụt giảm so với cùng kỳ; một số đơn vị mới phát triển còn gặp nhiều khó khăn.

- **Các dự án khai trương/ hoạt động trong năm 2021**

DỰ ÁN	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
Mitsubishi Tây Ninh	Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 22/3/2021
Sài Gòn Ford (CN Nam Sài Gòn)	Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 28/12/2021
Bình Dương Ford (CN Bình Phước)	Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 08/1/2022
Nissan Tân Phú	Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 19/3/2022
Mitsubishi Lâm Đồng	Đã ký kết hợp đồng đại lý và đi vào hoạt động từ tháng 1/2022 Dự kiến khai trương ngày 23/4/2022

- **Tiến độ các dự án ôtô đang triển khai năm 2022:**

DỰ ÁN	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
SAVICO ĐẦU TƯ	
Suzuki Đồng Hiệp	Dự kiến tháng 4/2022 khai trương
Mitsubishi Bà Rịa – Vũng Tàu	Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến tháng 10/2022 khai trương
MG Cần Thơ	Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến tháng 4/2022 khai trương
CÁC ĐƠN VỊ ĐẦU TƯ	
MG Võ Văn Kiệt	Đã nhận LOI Dự kiến tháng 4/2022 khai trương
Isuzu Đại Thịnh (CN Bình Định)	Đã nhận quyền phát triển 2S Dự kiến khai trương quý 2/2022
Mitsubishi Long An	Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến tháng 10/2022 khai trương
DanaFord (CN Cẩm Lệ)	Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến khai trương quý 4/2022
Toyota Ninh Bình	Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến khai trương quý 4/2022

NGÀNH HÀNG XE GẮN MÁY

- **Về sản lượng:**
Thị trường xe máy tiếp tục đà sụt giảm năm thứ 3 liên tiếp. **Sản lượng năm 2021 đạt 4.973 xe, đạt 78% kế hoạch,** giảm 11% so với cùng kỳ. Trong đó, thương hiệu Yamaha đạt 2.936 xe, đạt 85% kế hoạch, giảm 8% so với cùng kỳ, thương hiệu Honda xe máy đạt 2.037 xe, đạt 71% kế hoạch, giảm 15% so với cùng kỳ.
- **Về doanh thu:**
Toàn ngành xe máy **đạt 227 tỷ đồng, đạt 74% kế hoạch năm 2021**, giảm 16% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu dịch vụ và phụ tùng của các đơn vị xe máy đạt 50 tỷ đồng, giảm 31% so với năm 2020.
- **Về lãi gộp:**
Lãi gộp toàn ngành xe máy năm 2021 đạt 25,5 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ. Trong đó, lãi gộp hoạt động bán xe năm 2021 đạt 12,1 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ, chiếm 47% tổng lãi gộp (cùng kỳ 44%); lãi gộp hoạt động dịch vụ đạt 13,4 tỷ đồng, giảm 31% so với cùng kỳ, chiếm 53% tổng lãi gộp (cùng kỳ 56%).
- **Về chi phí:**
Tổng chi phí năm 2021 thực hiện 26,0 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí/ doanh thu các thương hiệu có sự biến động nhẹ so với cùng kỳ: Yamaha 10,7% (cùng kỳ 12,2%), Honda xe máy 12,3% (cùng kỳ 14,3%).
- **Về Lợi nhuận trước thuế:**
Toàn ngành xe máy đạt 841 triệu đồng, cùng kỳ đạt 563 tỷ đồng. Trong đó, Yamaha đạt 3,1 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ và Honda xe máy lỗ 2,2 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 1,5 tỷ đồng do thị trường xe máy Việt Nam đang vào giai đoạn bão hòa; cùng với tác động của dịch bệnh Covid-19, thị trường chưa thể phục hồi như kỳ vọng; đồng thời bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi xe nhập khẩu và xe máy điện... dẫn đến hiệu quả từ các hoạt động bán xe, dịch vụ đều giảm mạnh so với cùng kỳ.

NGÀNH THƯƠNG MẠI KHÁC

Trung tâm thương mại Savico MegaMall (SMM), ngành bán lẻ, cho thuê văn phòng chịu tác động trực tiếp từ việc giãn cách xã hội, lưu lượng khách tham quan mua sắm giảm mạnh, trung tâm đồng hành cùng khách thuê trong việc miễn, giảm giá thuê 20% – 60% từ tháng 7 đến hết năm 2021. Tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực giữ chân khách hàng, duy trì được tỷ lệ khai thác block A 97%, block B 100%, tương đương so với cùng kỳ. Doanh thu năm 2021 giảm 16%, lợi nhuận trước thuế giảm 14% so với cùng kỳ.

Savico Đà Nẵng, lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 5,2 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ. Trong đó, bao gồm 1 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại các Công ty thành viên.

Savico Invest, tiếp tục gia tăng tỷ lệ khai thác, hiện chỉ còn trống tầng thượng. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 3,9 tỷ đồng.

Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Melisa Center, ngưng hoạt động hoàn toàn từ tháng 6 đến tháng 11. Doanh thu giảm 55% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế lỗ 9,8 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 1,5 tỷ đồng.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN - THEO BCTC RIÊNG

HIỆU QUẢ NĂM 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	TH 2021	% Cùng kỳ
Doanh Thu	Trđ	**98,487**	**87,045**	**88%**
Doanh Thu Dịch vụ Bất Động Sản	Trđ	72,073	58,101	81%
Doanh Thu Dự án	Trđ	26,414	28,944	110%
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	**Trđ**	**49,743**	**37,178**	**75%**
LNTT Dịch vụ Bất Động Sản	Trđ	38,761	24,587	63%
LNTT Dự án	Trđ	10,982	12,592	115%

Lợi nhuận trước thuế dịch vụ Bất động sản năm 2021 đạt 37,2 tỷ đồng. Trong đó:

- Hiệu quả dịch vụ bất động sản đạt 24,6 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ do ảnh hưởng của dịch bệnh, một số mặt bằng đã thanh lý từ tháng 5 không tìm được khách thuê mới, đồng thời thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm giá cho thuê đối với một số đối tác. Bên cạnh đó, chi phí khấu hao và lãi vay kho đầu tư tăng, trong khi tỷ lệ khai thác mới chỉ đạt 45% từ tháng 12.
- Hoàn tất các thủ tục và ghi nhận hiệu quả chuyển nhượng một phần dự án Nam Cẩm Lệ cho DanaFord 12,6 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

DỰ ÁN	TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI
Dự án 104 Phổ Quang	Đang xin ý kiến các Cơ quan Chủ quản phê duyệt hình thức và hoàn tất pháp lý chuyển nhượng cho Novaland và SaiGon Ford.
Dự án KDC Hiệp Bình Phước – Tam Bình	Đôn đốc khách hàng xây nhà và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCN QSD) đất cho các căn nhà đã xây xong. Xây dựng các phương án khai thác trường mầm non.
Dự án Nam Cẩm Lệ	Đang cho Công ty Ô Tô Sông Hàn thuê ổn định 3.598 m2. Đã hoàn tất chuyển nhượng 3.618 m2 cho DanaFord. Đang tìm cơ hội khai thác 9.200 m2 còn lại.
Dự án KDC Long Hòa Cần Giờ	Theo dõi, phối hợp với Fideco thực hiện các thủ tục pháp lý dự án.
Dự án Đắk Lắk	Đã thoả thuận được chi phí đền bù, chờ các thủ tục để thực hiện hoàn tất với Công ty Cao Su Đắk Lắk. Đang hoàn tất thủ tục điều chỉnh tiến độ Dự Án đến tháng 2/2023 tại Sở KH & ĐT Đắk Lắk.

Tiến độ triển khai các dự án bất động sản chậm do chờ ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH, DÒNG TIỀN

Trong năm 2021, Công ty tập trung quản trị dòng tiền, giữ an toàn tài chính hệ thống, cũng như hỗ trợ ngắn hạn một số đơn vị khó khăn.

Các nguồn thu chủ yếu trong năm của Công ty gồm:

- Thu cổ tức, lợi nhuận đầu tư từ các Công ty thành viên 78 tỷ đồng.
- Thu 58,1 tỷ đồng từ hoạt động dịch vụ và chuyển nhượng dự án bất động sản.

Các khoản chi chủ yếu trong năm của Công ty gồm:

- Chi 10,25 tỷ góp vốn Mitsubishi Lâm Đồng.
- Chi 37,3 tỷ đồng vốn bổ sung cho các dự án và kho.
- Tăng giá trị vốn đầu tư vào các Công ty thành viên là 45,2 tỷ đồng.
- Chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông 33,3 tỷ đồng.
- Nộp thuế đất Nam Cẩm Lệ 11,5 tỷ đồng.
- Ngoài ra, trong năm 2021 Công ty thực hiện hỗ trợ tài chính cho các Công ty thành viên tổng cộng 31,7 tỷ đồng, số dư đến cuối tháng 12/2021 là 2,5 tỷ đồng.

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI NGÂN HÀNG

Việc hợp tác chiến lược với Vietinbank, Vietcombank tiếp tục phát huy được hiệu quả và tạo được nhiều điều kiện thuận lợi cho cả hệ thống trong vấn đề tiếp cận nguồn vốn trung/ngắn hạn với chi phí và chính sách hợp lý.

Trong năm 2021, SAVICO cũng đã chủ động làm việc với các ngân hàng để được hỗ trợ giữ nguyên nhóm nợ, giãn nợ, giảm lãi suất. Ký thỏa thuận nâng tầm hợp tác chiến lược toàn diện với VietinBank để gia tăng lợi ích cho hệ thống SAVICO.

Tổng hạn mức tín dụng ngắn/trung hạn tài trợ cho hệ thống 4.904 tỷ đồng, dư nợ thường xuyên khoảng 1.650 tỷ đồng (chiếm 77% tổng dư nợ bình quân toàn hệ thống) với lãi suất ưu đãi hơn so với mặt bằng lãi suất chung trên thị trường áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời, Công ty nhận được nhiều chính sách ưu đãi từ các đối tác chiến lược như: phí bảo lãnh, phí chuyển tiền, phí kiểm đếm, phí chuyển tiền... góp phần tiết giảm chi phí tài chính, gia tăng hiệu quả toàn hệ thống.

- Vietinbank: Tổng hạn mức và dư nợ Vietinbank cấp cho 34 đơn vị và SAVICO đến 31/12/2021 là 2.868 tỷ đồng, dư nợ 1.066 tỷ đồng.
- Vietcombank: Tổng hạn mức và dư nợ Vietcombank cấp cho 26 đơn vị và SAVICO đến 31/12/2021 là 2.036 tỷ đồng, dư nợ 602 tỷ đồng.



TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	**1,987,534**	**2,103,421**	**5.8%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	538,314	282,020	-47.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50,682	51,254	1.1%
Các khoản phải thu	646,220	744,861	15.3%
Trong đó dự phòng phải thu			
Hàng tồn kho	722,610	995,108	37.7%
Trong đó dự phòng hàng tồn kho	-1,110	-2,293	106.6%
Tài sản ngắn hạn khác	29,709	30,178	1.6%
Tài sản dài hạn	**2,273,048**	**2,325,589**	**2.3%**
Phải thu dài hạn	190,340	204,741	7.6%
Tài sản cố định	513,350	497,808	-3.0%
Bất động sản đầu tư	678,139	656,897	-3.1%
Tài sản dở dang dài hạn	372,008	365,132	-1.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	484,238	563,113	16.3%
Tài sản dài hạn khác	34,973	37,898	8.4%
TỔNG TÀI SẢN	**4,260,582**	**4,429,010**	**4.0%**
Nợ phải trả	**2,517,451**	**2,559,006**	**1.7%**
Nợ ngắn hạn	2,066,430	2,148,562	4.0%
Trong đó phải trả người bán	162,649	201,192	23.7%
Trong đó người mua trả tiền trước	158,011	200,048	26.6%
Trong đó vay ngắn hạn	1,110,341	1,120,951	1.0%
Nợ dài hạn	451,021	410,444	-9.0%
Trong đó vay dài hạn	279,144	241,400	-13.5%
Vốn chủ sở hữu	**1,743,131**	**1,870,004**	**7.3%**
Vốn góp của chủ sở hữu	333,205	333,205	0.0%
Trong đó lợi ích của CĐ không kiểm soát	481,390	512,834	6.5%
TỔNG NGUỒN VỐN	**4,260,582**	**4,429,010**	**4.0%**
Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	23.9	20.4	-14.6%
Vòng quay hàng tồn kho	14.4	15.5	7.5%
Vòng quay tài sản	3.6	3.3	-8.7%
Vòng quay phải trả người bán & khách hàng	*45.9*	*36.8*	*-19.9%*
Vòng quay VCSH	*9.5*	*7.9*	*-17.4%*
Hệ số thanh toán ngắn hạn	*0.96*	*0.98*	*1.8%*
Hệ số thanh toán nhanh	*0.61*	*0.52*	*-15.7%*
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	*59.1%*	*57.8%*	*-2.2%*
Hệ số nợ ròng/ Tổng tài sản	*46.5%*	*51.4%*	*10.7%*
Hệ số nợ vay/ tổng vốn (*)	*44.4%*	*42.1%*	*-5.0%*
Hệ số nợ vay ròng/ tổng vốn (*)	*32.8%*	*36.6%*	*11.6%*

(*): Nợ vay = vay ngắn hạn + vay dài hạn;
Nợ vay ròng = vay ngắn hạn + vay dài hạn – tiền và tương đương tiền;
Vốn = vay ngắn hạn + vay dài hạn + VCSH.

Tình hình tài sản

- Tổng tài sản hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 tăng 4,0% so với đầu năm chủ yếu do biến động giảm của hàng tồn kho và các khoản phải thu.-
- Hàng tồn kho sau khi tăng thêm 279 tỷ đồng ở cuối quý 1/2021 so với cuối năm 2020; do ảnh hưởng của việc giãn cách xã hội, thời gian kinh doanh bị gián đoạn, tốc độ ra hàng chậm so với lượng xe về... dẫn đến hàng tồn kho liên tục tăng cao qua các quý 2 và quý 3, đỉnh điểm hàng tồn kho tại thời điểm 30/9/2021 là 1.500 tỷ đồng. Thị trường phục hồi dần trong quý 4, cùng với hàng loạt xe mới được ra mắt và chính sách giảm 50% phí trước bạ được áp dụng từ 1/12/2021, hàng tồn kho giảm dần, tại thời điểm cuối năm 2021 là 995 tỷ đồng, tăng 272 tỷ đồng, tương đương 37,7% so với đầu năm. Nhờ tận dụng được các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và điều kiện áp dụng lãi suất của hợp tác nâng tầm chiến lược toàn diện với VietinBank, Công ty đã giảm được tỷ lệ lãi vay/ doanh thu hợp nhất từ 0,66% năm 2020 xuống 0,59% trong năm 2021.-
- Hệ số vòng quay tài sản bình quân trong năm 2021 giảm còn 3,3 lần so với 3,6 lần của năm 2020 chủ yếu do tình hình bán hàng bị chậm và gián đoạn trong quý 3: doanh thu hợp nhất của Công ty năm 2021 giảm 12%, riêng doanh thu quý 3 giảm 57% quý 4 giảm 9% so với cùng kỳ.

Tình hình nợ phải trả

- Với sự chủ động đàm phán với ngân hàng để được giữ nguyên nhóm nợ, giãn nợ; quản trị dòng tiền tốt, cùng với mức lãi suất áp dụng tại các đơn vị thành viên toàn hệ thống của Vietinbank và Vietcombank. Mặc dù hàng tồn kho tăng cao trong 9 tháng đầu năm nhưng nợ phải trả của hệ thống chỉ tăng nhẹ 1,7% so với cuối 2020, trong đó nợ ngắn hạn tăng 4,0% so với cùng kỳ. Nhờ vậy, dư nợ vay ngắn hạn của Công ty cuối năm 2021 được còn 1.121 tỷ đồng, tăng 1,0% so với đầu năm.
- Nợ dài hạn, vay dài hạn giảm lần lượt 9,0% và 13,5% so với cùng kỳ, hệ thống SAVICO vẫn thực hiện thanh toán nợ gốc các khoản vay dài hạn theo tiến độ.
- Tỷ lệ nợ phải trả/ tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021 là 57,8%; cải thiện đáng kể so với tỷ lệ 59,1% tại thời điểm đầu năm.

TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN TRÊN BCTC RIÊNG

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	**201.345**	**177,832**	**-11.7%**
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.580	36,196	4.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.922	28,595	-22.6%
Các khoản phải thu	29.430	26,308	-10.6%
Hàng tồn kho	98.858	85,161	-13.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.555	1,571	1.1%
Tài sản dài hạn	**1.139.674**	**1,200,329**	**5.3%**
Phải thu dài hạn	160.991	159,284	-1.1%
Tài sản cố định	3.457	23,143	569.5%
Bất động sản đầu tư	114.851	111,405	-3.0%
Tài sản dở dang dài hạn	279.704	266,700	-4.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	573.836	633,254	10.4%
Tài sản dài hạn khác	6.835	6,542	-4.3%
TỔNG TÀI SẢN	**1,341.019**	**1,378,161**	**2.8%**
Nợ phải trả	**514.467**	**482,989**	**-6.1%**
Nợ ngắn hạn	473.603	437,700	-7.6%
Trong đó vay ngắn hạn	-	840	
Nợ dài hạn	40.864	45,289	10.8%
Trong đó vay dài hạn	-	2,761	
Vốn chủ sở hữu	**826.552**	**895,172**	**8.3%**
Vốn góp của chủ sở hữu	333.205	333,205	0.0%
TỔNG NGUỒN VỐN	**1.341.019**	**1,378,161**	**2.8%**

- Tình hình tài chính tại Công ty mẹ nhìn chung an toàn, năm 2021 phát sinh vay nợ ngân hàng 3,6 tỷ đồng để mua bổ sung tài sản cố định.
- Trong năm, Công ty mẹ tập trung vào việc thu cổ tức và lợi nhuận từ các công ty thành viên với mức thu 78 tỷ đồng, ghi nhận lợi nhuận và thực hiện góp tăng vốn điều lệ tại Toyota Giải Phóng, Toyota Cần Thơ 45,2 tỷ đồng; chi đầu tư góp vốn, hỗ trợ tài chính các đơn vị khó khăn nhằm đảm bảo an toàn doanh nghiệp toàn hệ thống; thực hiện nghĩa vụ chi trả cổ tức cho cổ đông.
- Đầu tư tài chính dài hạn tại 31/12/2021 là 633,3 tỷ đồng, tăng 10,4% so với cuối năm 2020, trong đó:
  - Đầu tư vào Công ty con và liên kết là 668,5 tỷ đồng, tăng 56,1 tỷ đồng tương đương 9,2% so với cuối năm 2020. Trong năm, Công ty đã góp vốn đầu tư mới tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng 10,25 tỷ đồng; góp tăng vốn tại Công ty TNHH Toyota Giải Phóng, Công ty TNHH Toyota Cần Thơ và Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà với tổng giá trị 45,8 tỷ đồng.
  - Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn giảm 3,3 tỷ đồng, gồm: hoàn nhập 4,3 tỷ đồng và trích thêm 1,0 tỷ đồng. Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định. Như vậy, số dư dự phòng tăng thêm trong năm 2021 đã giảm so với mức tăng thêm 2,5 tỷ đồng của năm 2020; một số khoản đầu tư mới đã bắt đầu có hiệu quả.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại:



CƠ HỘI:

- GDP toàn cầu dự kiến tăng 4,4%.
- Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2022 tăng 6,0 – 6,5%.
- Chính phủ sẽ thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ kích cầu, khôi phục kinh tế 2022 – 2023 như: gói kích cầu kinh tế 350.000 tỷ đồng; đẩy mạnh giải ngân đầu tư công (sân bay Long Thành, cao tốc Bắc Nam...); giảm thuế VAT còn 8%; kéo dài thời gian cơ cấu nợ, tiếp tục duy trì lãi vay ở mức thấp...
- Đẩy nhanh việc bao phủ vaccine trên toàn quốc.
- Xu thế dịch chuyển đầu tư của các tập đoàn lớn sang các nước ASEAN, đặc biệt Việt Nam là điểm đến của nhiều chuỗi cung ứng và làn sóng tái định cư sản xuất.
- Hàng loạt hiệp định thương mại tự do có hiệu lực (CPTPP, EVFTA, RCEP...) tạo động lực kinh tế phát triển, thu hút đầu tư nước ngoài.

Kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi, tăng trưởng mạnh sau 2 năm ảnh hưởng bởi Covid-19

- Các chính sách thuế, phí xe ôtô:
  - Xe CKD: giảm 50% phí trước bạ đến 31/5/2022.
  - Xe CBU: theo EVFTA thuế nhập khẩu từ Châu Âu giảm 6 - 8 %.
  - Ô tô điện: phí trước bạ lần đầu 0% trong 3 năm. Thuế TTĐB xe 9 chỗ trở xuống giảm còn 3% trong 5 năm từ 1/3/2022.
- Nhiều sản phẩm mới dự kiến ra mắt, đa dạng mẫu mã như: Toyota Cross FL, Toyota Altis, Toyota Avanza, Toyota Lancruiser 300, Toyota Fortuner, Toyota Hilux, Ford Transit, Ford Explorer, Ford Ranger, Ford Everest, Ford Territory, Hyundai Creta, Hyundai Elantra, Hyundai New MPV, Mitsubishi Outlander FL, Mitsubishi Xpander, Mitsubishi New Triton, Nissan Almera FL, Nissan Navara FL, Nissan Kicks, Nissan Terra, Honda Civic, Honda HRV, Kia EV6, Kia Sorento Hybrid, Kia Sportage, Kia Telluride, Vinfast VF8, Vinfast VF9, MG5, MG One...

Thị trường ô tô sẽ sôi động trong năm 2022

THÁCH THỨC:

Thị trường năm 2022 còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, rủi ro ảnh hưởng đến nguồn cung và sức mua ô tô:

- Diễn biến dịch bệnh Covid trên thế giới và Việt Nam vẫn còn phức tạp, khó lường, rủi ro xuất hiện biến chũng mới.
- Khủng hoảng kinh tế, xung đột chính trị ở một số nước (Nga – Ukraine) kéo dài Khủng hoảng chuỗi cung ứng, khủng hoảng năng lượng làm chậm đà phục hồi kinh tế toàn cầu.
- Rủi ro lạm phát đi kèm suy thoái trong năm 2022 do giá dầu, nhiên liệu và nguyên liệu đầu vào tăng cao.
- Tình trạng thiếu chip, chất bán dẫn... sẽ ảnh hưởng đến nguồn cung xe CBU, CKD Dự báo thiếu cung trong 6 tháng đầu năm và khả năng thừa cung, áp lực tồn kho và giải quyết tồn kho trong 6 tháng cuối năm.
- Thị trường ô tô tiếp tục cạnh tranh gay gắt về giá, thị phần do các nhà sản xuất đẩy mạnh việc đại lý mới; các thương hiệu mới tham gia mạnh vào thị trường (Jeep, Nissan, MG, BAIC...) và sự phát triển mạnh của các thương hiệu SAVICO không tham gia hoặc tham gia phân phối còn hạn chế (KIA, Mazda, Vinfast...).
- Áp dụng tiêu chuẩn khí thải EURO 5 từ ngày 01/01/2022 và nhiều hãng xe (Hyundai, MG...) thực hiện song song ra mắt sản phẩm mới và rundown model cũ Áp lực giải quyết tồn kho model xe cũ, giảm giá bán, lãi gộp.
- Thiên tai bão lụt diễn ra thường xuyên và khắc nghiệt hơn ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội Việt Nam.
- Nợ xấu gia tăng khiến các ngân hàng siết chặt cho vay trong thời gian tới, đồng thời lãi suất cho vay dự kiến sẽ tăng so với 2021.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI *(tiếp theo)*

Lĩnh vực Dịch vụ Bất Động Sản

CƠ HỘI

- Kinh tế trong nước đang đà hồi phục, đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt là phát triển cơ cở hạ tầng Thị trường bất động sản (BĐS) tiếp tục tăng trưởng.
- Bán lẻ:
  - Thương mại điện tử bùng nổ, nhu cầu mở rộng sản xuất tăng trở lại Nhu cầu kho bãi tăng.
  - Nhu cầu điểm, chuỗi kinh doanh bán lẻ vị trí đẹp tăng.
- Văn phòng cho thuê:
  - Nhu cầu tăng trở lại sau dịch, song sẽ có sự thay đổi linh hoạt, xu hướng dịch chuyển ra ngoài trung tâm, giải pháp tối ưu hóa không gian được chú trọng.
  - Giá thuê năm 2022 tiếp tục tăng ở mức cao do nguồn cung hạn chế.
- Cơ hội phát triển dự án tồn tại của SAVICO.

THÁCH THỨC:

- Doanh thu bán lẻ vẫn chưa phục hồi về mức bình thường.
- Mặt bằng cho thuê vẫn còn khó khăn trong những tháng đầu năm 2022: hiện tại nhiều mặt bằng và kho vẫn còn bỏ trống.
- Có thể kéo dài việc giảm giá thuê Văn phòng/ Mặt bằng cho thuê đối với một số đối tác.
- Rủi ro thu hồi công nợ đối với các khách hàng thuê kinh doanh thua lỗ do chịu ảnh hưởng của dịch bệnh.





Tài chính

MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Các mục tiêu năm 2022

Chỉ tiêu (theo BCTC hợp nhất)	ĐVT	TH 2021	KH 2022	% Cùng kỳ
Doanh thu BH & CCDV	Trđ	14,192,876	17,338,707	122%
LNTT	Trđ	251,410	256,910	102%
LNST	Trđ	211,329	215,151	102%
LNST của công ty mẹ	Trđ	145,623	130,359	90%
Cổ tức	%/VĐL	Dự kiến 6%	Dự kiến 10%	

(*): Kế hoạch trên sẽ được cập nhật và điều chỉnh khi thị trường có sự biến động lớn.



PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

1 Tập trung theo dõi, cập nhật, phân tích dự báo, chia sẻ thông tin kịp thời về tình hình thị trường, chính sách Chính phủ và Nhà sản xuất để đề ra các giải pháp ứng phó phù hợp.

2 Làm việc với các Công ty thành viên, các bộ phận về việc thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp thực hiện tốt nhất các mục tiêu kế hoạch 2022 toàn hệ thống.

3 Tập trung đẩy mạnh bán hàng; gia tăng doanh thu dịch vụ, hiệu quả xe cũ và các mảng giá trị gia tăng; tập trung quản trị dòng tiền, quản trị chi phí... để đảm bảo sự an toàn doanh nghiệp, cũng như sự phát triển bền vững của hệ thống.

4 Tiếp tục tăng cường kết nối, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin toàn hệ thống thông qua các group, diễn đàn chia sẻ trực tuyến. Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động Marketing online, Facebook, Tiktok, Youtube, Zalo, Test drive, Mobile Service...

5 Phát triển mạng lưới: Đẩy mạnh việc mở rộng, phát triển đại lý mới trong giai đoạn 2020 – 2025, đặc biệt trong năm 2022 - 2023 để giữ vững thị phần của hệ thống SAVICO trong nhà sản xuất cũng như toàn thị trường.

6 Đối tác chiến lược: Duy trì và nâng tầm hợp tác với các đối tác ngân hàng chiến lược hiện hữu, tìm kiếm đối tác bổ sung để gia tăng hạn mức tín dụng với lãi suất ưu đãi, đảm bảo dòng tiền hoạt động.

7 Đề xuất mô hình và giải pháp chuyển đổi số trước tháng 6/2022 nhằm tăng cường vai trò quản lý của công ty mẹ tới các Công ty thành viên, nâng cao hệ thống quản trị.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2022

Lĩnh vực Dịch vụ Thương Mại

Công tác dự báo

- Chủ động trong công tác dự báo, theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường ô tô xe máy để xây dựng các kịch bản kế hoạch kinh doanh tối ưu, kịp thời ứng phó linh hoạt, hiệu quả.
- Tăng cường dự báo, kết nối hệ thống, chia sẻ thông tin Chính sách đặt hàng, tồn kho tối ưu, kiểm soát lãi gộp, tăng thị phần.

Công tác quản trị hoạt động kinh doanh

- Bám sát kế hoạch, chính sách nhà máy, đẩy mạnh công tác dự báo bán hàng, đặt hàng, tồn kho tối ưu; tăng cường chia sẻ thông tin (Cập nhật chính sách bán hàng nhà máy hàng tháng; tin tức Autonews, báo cáo phân tích tồn kho, lãi gộp hàng tuần, thư quản lý 7S...), trao đổi xe trong cùng hệ thống.
- Tối ưu hệ sinh thái chung SAVICO; chú trọng gia tăng tỷ lệ khai thác, hiệu quả xe cũ và các mảng giá trị gia tăng (phụ kiện, bảo hiểm, môi giới ngân hàng, đăng ký xe...).
- Đẩy mạnh các giải pháp nhằm gia tăng số lượt, doanh thu dịch vụ thông qua các hoạt động chăm sóc khách hàng, liên kết Đơn vị bảo hiểm, mobile service, chính sách khuyến mãi phù hợp.
- Tăng cường các hoạt động Marketing online, Facebook, Tiktok, Youtube, Zalo, Test drive, Mobile Service... để gia tăng tương tác với khách hàng và xây dựng, quảng bá hình ảnh.
- Rà soát, cập nhật định hướng chiến lược 2020 – 2025 phù hợp tình hình mới.

Công tác quản trị chi phí, dòng tiền

- Quản trị điểm hòa vốn, kiểm soát chi phí, công nợ, khả năng thanh toán, dòng tiền.
- Trích lập dự phòng và có giải pháp phù hợp thu hồi các khoản công nợ.

  Xây dựng kế hoạch dòng tiền hàng tuần/ tháng, chủ động phối hợp giữa các bộ phận để đánh giá khả năng xoay vòng vốn để chủ động thu - chi, tránh áp lực thanh toán.
- Chủ động làm việc với ngân hàng, cân đối các điều kiện áp dụng ưu đãi để tiết giảm tối đa chi phí lãi vay.



Công tác đầu tư, phát triển mạng lưới network

- Tập trung triển khai, đẩy mạnh tiến độ các dự án đã nhận thư bổ nhiệm (LOI) để đảm bảo đúng kế hoạch khai trương, đi vào hoạt động trong năm 2022.
- Tập trung triển khai tìm kiếm các quỹ đất, quy hoạch, chuẩn bị nhân sự phù hợp để tiếp tục triển khai phát triển các dự án mới như kế hoạch đề ra 2022.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- Gia tăng công suất khai thác trung tâm thương mại (TTTM), mặt bằng, văn phòng, kho bãi...đảm bảo doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng bền vững.
- Tập trung cải tạo, hoàn chỉnh pháp lý, điều chỉnh phương thức khai thác vận hành và đầu tư các dự án: 91 Pasteur, TTTM Cần Thơ, Nam Cẩm Lệ, Mercure Sơn Trà.
- Tập trung xử lý pháp lý các dự án còn tồn đọng; đẩy mạnh phối hợp với đối tác xác định rõ phương án triển khai 02 dự án: Long Hòa - Cần Giờ và Xuyên Mộc - Hồ Tràm.
- Phát triển tối thiểu 02 quỹ đất mới.

Hoạt động Tài Chính

- Chương trình hợp tác với ngân hàng chiến lược: Theo dõi và đánh giá hiệu quả của chương trình hợp tác chiến lược với Vietinbank, Vietcombank đối với các Công ty thành viên. Làm việc với các đối tác Ngân hàng chiến lược bổ sung (ưu tiên ngân hàng nước ngoài) nhằm đảm bảo dòng tiền hoạt động, phân luồng dòng vốn và gia tăng lợi ích cho toàn hệ thống.
- Cập nhật thông tin liên quan hoạt động tài chính của các đơn vị để lưu ý, đề xuất kịp thời cho Ban điều hành của SAVICO và các đơn vị về các rủi ro tài chính có thể xảy ra.
- Phối hợp các lĩnh vực đánh giá, phân tích hiệu quả đầu tư và xây dựng Kế hoạch tài chính dài hạn song song với Kế hoạch đầu tư các lĩnh vực.
- Công tác quản trị nguồn vốn, dòng tiền và hiệu quả đầu tư: Tập trung thu đúng và đủ cổ tức các đơn vị trong hệ thống và danh mục đầu tư chứng khoán. Định hướng kế hoạch thu cổ tức năm 2021 và năm tiếp theo. Chủ động phân bổ dòng tiền phù hợp với kế hoạch phát triển các dự án của Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI *(tiếp theo)*

Công tác quản trị tham mưu

- Các bộ phận Dịch vụ Thương mại, Tài chính Đầu tư, Kế toán, Kiểm soát nội bộ tăng cường công tác theo dõi, hỗ trợ các đơn vị mới, các đơn vị đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, tham mưu và hỗ trợ nâng cao hiệu quả tại các đơn vị.
- Ban điều hành phối hợp với Giám đốc, Phó giám đốc các bộ phận xây dựng chương trình hành động phù hợp cho giai đoạn 2022 - 2025 nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.
- Đẩy mạnh các kênh tuyển dụng nhân sự song song với điều chỉnh chính sách nhân sự, quy hoạch nhân sự và đào tạo nhằm giữ và thu hút nhân sự giỏi.





Mục tiêu chiến lược 2020 – 2025

Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện 2015-2020	Mục tiêu 2020 - 2025
Số đại lý ô tô toàn hệ thống	Tăng từ 25 lên 52 đại lý	Tăng từ 52 lên 72 đại lý
Thị phần so với toàn thị trường (VAMA + HTC)	7,8 – 10,1%	Từ 9,0 – 10,0%
Tốc độ tăng doanh thu bình quân	18,2%	Từ 9 - 12%/năm
ROA bình quân	4,7%	Từ 5% trở lên
ROE bình quân	15,4%	Từ 15% trở lên
Cổ tức/ VĐL bình quân hàng năm	13,0%	Từ 12% trở lên

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Định hướng chiến lược 2020 - 2025

4 Tuyển dụng và giữ chân người tài trên cơ sở chính sách chia sẻ lợi ích, tìm kiếm và xây dựng những chính sách cạnh tranh để thu hút và giữ nhân sự cho mục tiêu ổn định và phát triển bền vững hệ thống.
Hài hòa lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động và giá trị bền vững của Công ty.

3 Xây dựng danh mục thương hiệu kinh doanh hiệu quả kết hợp hoạt động M&A để phát triển hệ thống, phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng riêng

2 Nâng cao và hội nhập về hệ thống quản trị:

- Công ty mẹ thực hiện số hóa, quản trị tri thức để phục vụ yêu cầu quản trị và phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng.
- Các đơn vị thành viên thực hiện số hóa (ERP, kênh bán hàng online, app tương tác...) về bán hàng, dịch vụ và chăm sóc khách hàng.

1 Tiếp tục khẳng định vai trò là nhà đầu tư tiên phong, xây dựng công ty phát triển toàn diện, vững mạnh về tổ chức, là công ty đại chúng có thương hiệu uy tín.

GIẢI TRÌNH Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Nội dung cần giải trình: không có.

Theo ý kiến của Công ty TNHH KPMG – tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của SAVICO thì các báo cáo tài chính riêng, hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bảng tổng hợp số liệu về tình hình đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết trong năm 2021

ĐVT: VNĐ

	31/12/2021		1/1/2021	
TÊN CÔNG TY	**% VỐN SỞ HỮU/ % QUYỀN BIỂU QUYẾT**	**GIÁ GỐC VNĐ**	**% VỐN SỞ HỮU/ % QUYỀN BIỂU QUYẾT**	**GIÁ GỐC VNĐ**
Đầu tư góp vốn vào các công ty con:		**493.841.332.092**		**448.011.846.359**
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98,28%	93.920.000.000	98,28%	93.320.000.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70,00%	56.000.000.000	70,00%	56.000.000.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	64,00%	66.408.413.918	64,00%	48.002.395.273
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	52,05%	44.763.000.000	52,05%	44.763.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	99,90%	39.960.000.000	99,90%	39.960.000.000
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70,00%	39.942.000.000	70,00%	39.942.000.000
Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	64,00%	56.554.698.360	64,00%	29.731.231.272
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	51,00%	25.500.000.000	51,00%	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90,00%	18.000.000.000	90,00%	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	56,98%	13.026.895.000	56,98%	13.026.895.000
Công ty Cổ phần OtoS	80,86%	11.563.640.000	80,86%	11.563.640.000
Công ty TNHH xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	55,00%	11.000.000.000	55,00%	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	10.100.000.000	84,17%	10.100.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sài Gòn	88,12%	7.102.684.814	88,12%	7.102.684.814
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:		**174.644.178.945**		**164.394.178.945**
Công ty Cổ phần đầu tư Savico	40,00%	64.000.000.000	40,00%	64.000.000.000
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	30,30%	29.106.059.000	30,30%	29.106.059.000
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32,00%	19.200.000.000	32,00%	19.200.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	17.520.000.000	43,80%	17.520.000.000
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	35,00%	16.925.119.945	35,00%	16.925.119.945
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình	30,60%	15.393.000.000	30,60%	15.393.000.000
DươngCông ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	50,00%	12.500.000.000	50,00%	2.250.000.000
Tổng Cộng		**668.485.511.037**		**612.406.025.304**

Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn trên.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN (TÍNH ĐẾN 31/12/2021)

Nhân sự toàn hệ thống Savico đến cuối năm 2021 có tổng cộng : **5.729**
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn : **2.873** lao động
- HĐLĐ xác định thời hạn từ 01 – 03 năm : **2.524** lao động
- HĐLĐ thời vụ và thử việc : **332** lao động

Trong năm 2021 các đơn vị đã tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, mở rộng mạng lưới kinh doanh như Mitsubishi Tây Ninh, Sài Gòn Ford – Chi nhánh Nam Sài Gòn, Bình Dương Ford – Chi nhánh Bình Phước; Mitsubishi Lâm Đồng, Nissan Tân Phú, MG Võ Văn Kiệt , MG Cần Thơ, Mitsubishi Bà Rịa Vũng Tàu, Suzuki Long An, Trung tâm xe cũ +Dịch vụ 2S, Toyota Ninh Bình, Toyota Chí Linh, Dana Ford CN Nam Cẩm Lệ

Tổng số nhân sự SAVICO

(ĐVT: Người)

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng cộng	4.323	4.824	5.455	5.498	5.729

Tổng số nhân sự SAVICO

(ĐVT: Người)

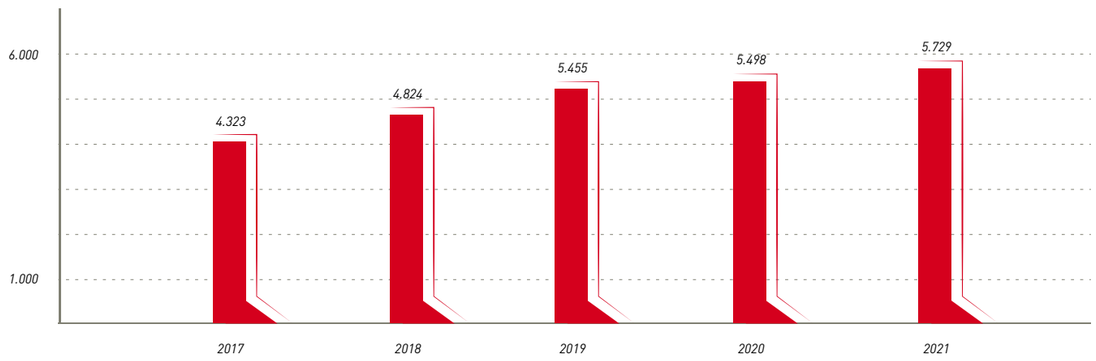

Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi

(ĐVT: Người)

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	2.320	2.510	3.072	3.080	3.282
Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	1.833	2.063	2.017	2.165	2.173
Từ 46 tuổi đến 60 tuổi	170	251	366	253	274

Cơ cấu nhân sự theo giới tính

(ĐVT: Người)

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
NỮ	889	1.207	1.226	1.326	1.293
NAM	3.434	3.617	4.229	4.172	4.436
Tổng cộng	4.323	4.824	5.455	5.498	5.729

(*) Do đặc điểm của hoạt động kinh doanh cần nhiều lao động kỹ thuật, lực lượng lao động nam chiếm đa số trong hệ thống SAVICO.

Cơ cấu nhân sự theo trình độ

(ĐVT: Người)

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Đại học trở lên	1.752	1.895	2.250	2.361	2.465
Cao đẳng	664	861	1232	1252	1352
Trung cấp	810	882	510	562	643
Lao động đã qua đào tạo	646	756	854	864	791
Lao động phổ thông	451	430	609	459	478
Tổng cộng	4.323	4.824	5.455	5.498	5.729

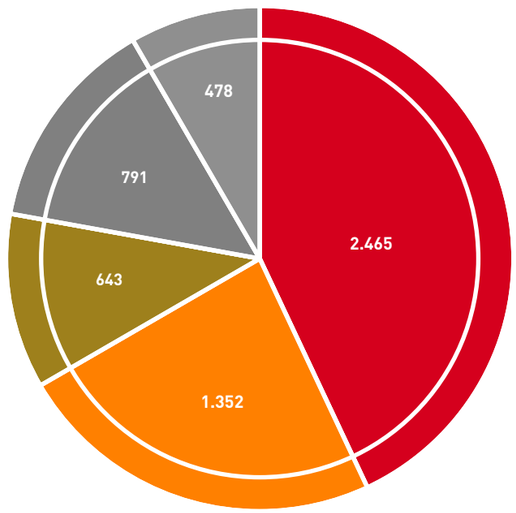

Cơ cấu nhân sự theo trình độ

(ĐVT: Người)

TỔ CHỨC NHÂN SỰ *(tiếp theo)*



CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có thái độ làm việc tích cực, tuân thủ kỷ luật, có ý thức làm việc tập thể, luôn nỗ lực và tận tâm để tạo ra giá trị, cống hiến cao nhất trong công việc

Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, theo đặc thù ngành nghề và chiến lược của Công ty, liên tục nâng cấp nhân sự theo xu thế và yêu cầu phát triển mới.

Chính sách nhân sự trong giai đoạn này bao gồm các nội dung sau:

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, theo kế hoạch tuyển mộ hàng năm và linh động trong từng giai đoạn phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế.

Công ty luôn lựa chọn những ứng viên tốt và phù hợp nhất vào vị trí phù hợp dựa trên năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm của ứng viên; không phân biệt giới tính, tôn giáo, chủng tộc thông qua quá trình tuyển chọn công bằng và khách quan.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Đào tạo và phát triển nhân sự là ưu tiên hàng đầu của Công ty với chủ trương tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp, đồng thời xây dựng một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đầy đủ năng lực và phẩm chất đạo đức.

Tất cả nhân viên trong hệ thống SAVICO đều được tạo cơ hội công bằng tiếp cận và tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu cụ thể, phù hợp với tính chất công việc.

Bên cạnh đó, Công ty cũng khuyến khích nhân viên tự học, học hỏi lẫn nhau trong quá trình công tác, tham gia các khóa học đào tạo nội bộ.

CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Tại SAVICO, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp là công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực rõ ràng và cụ thể.

Công ty đánh giá công việc của CBNV (thông qua KPI) hàng tháng và đánh giá so với mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời đây cũng là cơ sở nhằm bố trí nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của SAVICO.

Đối với những nhân viên có nhiều cống hiến, có năng lực và nhiều thành tích trong công việc những nhân viên này sẽ được đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để nắm giữ các vị trí quản lý và phát triển cùng SAVICO.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Chính sách và những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Công ty tập trung xây dựng chính sách đối với người lao động theo hướng hài hòa lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động với giá trị bền vững của Công ty. Chính sách nhất quán này được truyền thông rõ ràng đến tất cả các Công ty thành viên trong hệ thống để triển khai thực hiện.
- Công ty thực hiện tuyển dụng và giữ chân người tài trên cơ sở chính sách chia sẻ lợi ích, tìm kiếm và xây dựng những chính sách cạnh tranh để thu hút và giữ nhân sự cho mục tiêu ổn định và phát triển bền vững hệ thống.
- Thông điệp của hệ thống SAVICO đối với người lao độ-ng trong năm 2021, đặc biệt trong giai đoạn hoạt động kinh doanh bị gián đoạn trong thời gian dài, nhiều doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ và khó khăn về tài chính là giữ được an toàn và sức khỏe của người lao động; luôn chia sẻ, giữ công việc, nguồn thu nhập trong thời gian giãn cách xã hội và kêu gọi sự đồng thuận từ người lao động để giữ ổn định hệ thống, vượt qua khó khăn.
- Để đảm bảo sức khỏe, an toàn củ a người lao động, cũng như an toàn hoạt động k inh doanh toàn hệ thống. Công ty đã áp dụng các hình thức làm việc linh hoạt như: chia ca làm việc, làm việc từ xa, họp trực tuyến...
- Với việc thực hiện xuyên suốt chính sách nêu trên, hệ thống SAVICO đã giữ được đội ngũ nhân sự có trình độ và tay nghề qua giai đoạn khó khăn của dịch Covid vừa qua, giữ được an toàn hệ thống, thích ứng và nhanh chóng quay lại guồng làm việc trong điều kiện bình thường mới và đạt được những thành công về hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Về hoạt động đào tạo: ngoài việc tạo điều kiện để cán bộ nhân viên học tập nâng cao trình độ, tay nghề từ các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp, hệ thống chú trọng đào tạo nội bộ để phát huy giá trị tri thức tích lũy được của hệ thống. Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức hội thảo Marketing online thông qua hình thức trực tuyến với sự tham gia của đại diện quản lý và cán bộ nhân viên các đơn vị thuộc hệ thống SAVICO nhằm chia sẻ, trao đổi về hành vi online của khách hàng, cải thiện điểm chạm online hiện có của đại lý, mô hình omi-channel, cách sử dụng các công cụ digital như Google Ads, Google Analytics, Facebook Ads cùng Pixel... đến các đơn vị trong hệ thống.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và đánh giá liên quan đến người lao động:

- Trong năm 2021, SAVICO đã triển khai công tác đánh giá về cơ cấu tổ chức, đánh giá về nguồn nhân lực hiện tại, làm cơ sở thông tin hữu ích cho Công ty có những kế hoạch hành động phù hợp trong việc kiện toàn công tác quản trị, xây dựng chiến lược chung và phát triển nguồn nhân lực cho giai đoạn tới.
- Vai trò của các Bộ phận chức năng được điều chỉnh theo hướng phân tách rõ ràng chức năng nhiệm vụ phù hợp với tình hình và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bộ máy nhân sự theo định hướng tinh gọn, trẻ hóa, tập trung vào nâng cao hiệu quả công việc. Gắn quy hoạch phát triển nguồn nhân lực với chiến lược phát triển của Công ty; chú trọng đào tạo, đánh giá trước và sau bổ nhiệm; hoàn thiện quy trình tuyển dụng, đào tạo, thu hút nguồn nhân sự chất lượng; đồng thời, cải tiến các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, môi trường làm việc phù hợp với thị trường lao động.
- Công nghệ được chú trọng áp dụng trong công tác quản lý, đánh giá người lao động, qua đó đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong hoạt động đánh giá kết quả công việc. Năm 2021 cũng là năm thứ 3 hệ thống SAVICO áp dụng phần mềm Amis trong công tác quản trị nhân sự giúp số hóa dữ liệu, quản lý tập trung...

Những cải tiến về chính sách quản lý:

- Sau khi đánh giá những yếu tố tích cực và hiệu quả mang lại từ việc đổi mới công nghệ quản lý, phần mềm ERP được triển khai, khuyến khích áp dụng rộng rãi hơn đến các Công ty thành viên.
- Công tác quy hoạch nguồn nhân sự kế thừa, nguồn lực nhân sự tiếp tục được chú trọng để đảm bảo hoạt động đầu tư phát triển của toàn hệ thống.
- Tính hệ thống trong chính sách quản lý đã được Ban điều hành vận dụng trong việc quản trị điều hành hệ thống trong năm 2021 như: hỗ trợ các Công ty thành viên rà soát, đánh giá quy trình hoạt động, hoàn thiện và ban hành Quy chế quản lý điều chỉnh; nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty và công tác pháp lý; liên tục kết nối, làm việc với các khu vực trong thời gian giãn cách xã hội để định hướng, hỗ trợ kịp thời trong hoạt động quản trị điều hành; chủ động làm việc với các ngân hàng chiến lược để được hỗ trợ giữ nguyên nhóm nợ, giãn nợ, giảm lãi suất cho hệ thống... tập trung vào công tác quản trị dòng tiền, giữ an toàn hệ thống.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ Không còn là TV HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Mai Việt Hà	Chủ tịch	29/05/2020	-
2	Ông Lê Tuấn	Phó Chủ tịch	29/05/2020	-
3	Ông Nguyễn Ngọc Châu	Phó Chủ tịch	29/05/2020	-
4	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên	29/05/2020	-
5	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	29/05/2020	-
6	Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên	29/05/2020	-
7	Ông Phan Dương Cửu Long	Thành viên	29/05/2020	-
8	Ông Nguyễn Huy Tuấn	Thành viên	10/06/2021	-
9	Ông Trần Văn Hiếu	Thành viên	10/06/2021	-

- Ngày 08 tháng 02 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-SVC về việc bầu ông Lê Tuấn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Ngày 10 tháng 06 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu bổ sung ông Nguyễn Huy Tuấn và ông Trần Văn Hiếu vào thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
- Ngày 10 tháng 06 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT-SVC về việc bầu ông Nguyễn Ngọc Châu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Mai Việt Hà	Chủ tịch	15/15	100%	
2	Ông Lê Tuấn	Phó Chủ tịch	15/15	100%	
3	Ông Nguyễn Ngọc Châu	Phó Chủ tịch	15/15	100%	
4	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên	15/15	100%	
5	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	15/15	100%	
6	Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên	15/15	100%	
7	Ông Phan Dương Cửu Long	Thành viên	15/15	100%	
8	Ông Nguyễn Huy Tuấn	Thành viên	09/15	100%	Bầu bổ sung từ 10/06/2021
9	Ông Trần Văn Hiếu	Thành viên	09/15	100%	

Ngoài 15 cuộc họp trực tiếp nêu trên, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2020 – 2025) đã tổ chức 13 lần trưng cầu ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề có liên quan

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp và 13 lần trưng cầu ý kiến bằng văn bản. Thông qua các phiên họp và các đợt trưng cầu ý kiến, Hội đồng quản trị đã ban hành 52 Nghị quyết để thông qua các chủ trương liên quan đến hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống.

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2021:

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/NQ-HĐQT-SVC	11/01/2021	Gia hạn hỗ trợ tài chính cho Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh
02/NQ-HĐQT-SVC	13/01/2021	Hỗ trợ tài chính cho Công ty CP Du lịch Bến Thành Non Nước
03/NQ-HĐQT-SVC	13/01/2021	Điều chỉnh nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu phức hợp SAVICO Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần DANA
04/NQ-HĐQT-SVC	08/02/2021	Bầu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
05/NQ-HĐQT-SVC	08/02/2021	Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021
06/NQ-HĐQT-SVC	01/03/2021	Giảm vốn góp và thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng
07/NQ-HĐQT-SVC	01/03/2021	Thay đổi người đại diện vốn, quản lý, kiểm soát, điều hành tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng
08/NQ-HĐQT-SVC	01/03/2021	Trang bị mới xe ô tô để phục vụ công tác
09/NQ-HĐQT-SVC	12/04/2021	Thành lập mới Bộ phận Kiểm toán nội bộ

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Các quyết định của Hội đồng quản trị:

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
10/NQ-HĐQT-SVC	12/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát tại Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu
11/NQ-HĐQT-SVC	12/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành nhiệm kỳ II (2021-2026) tại Công ty CP Ô tô Bắc Âu
12/NQ-HĐQT-SVC	12/04/2021	Gia hạn Đầu tư Dự án Trung tâm trưng bày - kinh doanh và dịch vụ Ô tô tại Đắk Lắk
13/NQ-HĐQT-SVC	12/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn
14/NQ-HĐQT-SVC	12/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh (Hyundai Vĩnh Thịnh)
15/NQ-HĐQT-SVC	12/04/2021	Bổ sung người đại diện tham gia công tác kiểm soát tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng
16/NQ-HĐQT-SVC	15/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH Toyota Cần Thơ
17/NQ-HĐQT-SVC	15/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH Toyota Giải Phóng
18/NQ-HĐQT-SVC	15/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Savico Hà Nội
19/NQ-HĐQT-SVC	15/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát tại Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng
20/NQ-HĐQT-SVC	15/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty Cổ phần Ô tô sài Gòn Cửu Long
21/NQ-HĐQT-SVC	15/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn
22/NQ-HĐQT-SVC	15/04/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh
23/NQ-HĐQT-SVC	16/04/2021	Thay đổi thang bảng lương chức danh Công ty
24/NQ-HĐQT-SVC	16/04/2021	Điều chỉnh mức lương của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty
25/NQ-HĐQT-SVC	16/04/2021	Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021
26/NQ-HĐQT-SVC	19/04/2021	Gia hạn Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021
27/NQ-HĐQT-SVC	27/04/2021	Phê duyệt Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021
28/NQ-HĐQT-SVC	13/05/2021	Điều chỉnh dự án Trung tâm trưng bày - Kinh doanh và dịch vụ Ô tô tại Đắk Lắk
28A/NQ-HĐQT-SVC	19/05/2021	Phê duyệt Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
28B/NQ-HĐQT-SVC	21/05/2021	Giao nhiệm vụ đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát, điều hành nhiệm kỳ II (2021-2016) tại Công ty CP Ô tô Bắc Âu
29/NQ-HĐQT-SVC	24/05/2021	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT *(tiếp theo)*

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Các quyết định của Hội đồng quản trị:

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
30/NQ-HĐQT-SVC	02/06/2021	Thay đổi hình thức và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021
31/NQ-HĐQT-SVC	02/06/2021	Thay đổi người đại diện vốn Công ty Cổ phần Savico Hà Nội
32/NQ-HĐQT-SVC	02/06/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát tại Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng
33/NQ-HĐQT-SVC	03/06/2021	Miễn nhiệm chức danh người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty
34/NQ-HĐQT-SVC	03/06/2021	Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát tại Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam
35/NQ-HĐQT-SVC	07/06/2021	Cam kết hỗ trợ tài chính cho Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh
36/NQ-HĐQT-SVC	10/06/2021	Bầu Phó Chủ tịch HĐQT Công ty
37/NQ-HĐQT-SVC	17/06/2021	Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị Công ty
38/NQ-HĐQT-SVC	28/06/2021	Đề cử và giới thiệu người tham gia BKS nhiệm kỳ II (2020-2025) tại Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô
39/NQ-HĐQT-SVC	06/07/2021	Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền
40/NQ-HĐQT-SVC	06/07/2021	Chọn đơn vị thực hiện và chi phí kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty
41/NQ-HĐQT-SVC	05/08/2021	Ban hành toàn văn Điều lệ lần thứ 11 của Công ty



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Các quyết định của Hội đồng quản trị:

Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
42/NQ-HĐQT-SVC	05/08/2021	Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
43/NQ-HĐQT-SVC	15/09/2021	Ý kiến liên quan đến nội dung hỗ trợ tài chính cho Công ty CP Du Lịch Bến Thành Non Nước
43A/NQ-HĐQT-SVC	30/09/2021	Gia hạn hỗ trợ tài chính cho Công ty TNHH và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh
44/NQ-HĐQT-SVC	11/10/2021	Phê duyệt Chủ trương tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Công ty
45/NQ-HĐQT-SVC	11/10/2021	Thông qua Kế hoạch chi tiết tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Công ty
46/NQ-HĐQT-SVC	20/10/2021	Thành lập Công ty CP Ô tô MG Cần Thơ và cử cán bộ đại diện vốn, người tham gia kiểm soát, quản lý điều hành
47/NQ-HĐQT-SVC	20/10/2021	Phê duyệt danh sách các đơn vị thầu, đơn giá thi công tại khu nhà liên kế thuộc dự án khu nhà ở Hiệp Bình Phước – Tam Bình.
47A/NQ-HĐQT-SVC	03/11/2021	Phê duyệt thời gian tổ chức và nội dung ĐHĐCĐ bất thường.
48/NQ-HĐQT-SVC	10/12/2021	Bán Cổ phiếu Quỹ.
49/NQ-HĐQT-SVC	12/11/2021	Phê duyệt phương án thuê, tổng mức đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu để mở rộng văn phòng làm việc Savico tại 68 NKKN, Q.1.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua hình thức trực tuyến; hoàn tất việc thực hiện thủ tục sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị cũng đã theo dõi sát diễn biến của thị trường. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp trực tiếp với Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và Ban kiểm soát để hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời nhằm giữ ổn định, an toàn hoạt động kinh doanh, tài chính và nhân sự toàn hệ thống. Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực và phù hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được các thành viên giải quyết với tinh thần tập trung, nhanh chóng, trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi của Công ty, của cổ đông.

Các thành viên Hội đồng quản trị được cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời và cụ thể; được tạo điều kiện tiếp xúc, tham gia sâu vào các hoạt động của Công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên cơ sở thông tin rõ ràng và đầy đủ. Các chỉ đạo, kết luận được ban hành sớm để thực hiện. Các quyết định của Hội đồng quản trị được công bố công khai theo quy định pháp luật và tự nguyện.



TIỂU BAN LƯƠNG, THƯỞNG, NGUỒN NHÂN LỰC

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng của Công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết thông qua việc điều chỉnh bảng lương cho toàn Công ty. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã bổ sung 01 Phó chủ tịch và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị để từng thành viên chủ động và phối hợp giải quyết kịp thời, hiệu quả các công việc của Hội đồng quản trị.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, nhân sự Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 4 (2020 – 2025) duy trì hoạt động với 3 thành viên là Bà Hoàng Thị Thu Hương (Trưởng ban), Ông Ngô Hòa (Thành viên) và Bà Nguyễn Thị Hải Yến (Thành viên).

- Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong Ban Kiểm soát được quy định trong Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát tại ngày 17/6/2021.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các buổi họp Hội đồng Quản trị, chứng kiến các buổi kiểm phiếu trưng cầu ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị để tiếp cận, nắm bắt và ghi nhận kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như thực hiện công tác giám sát của mình.

- Từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 cho đến thời điểm báo cáo, Ban Kiểm soát đã tổ chức 5 lần họp, chi tiết như sau:

STT	Ngày tháng	Nội dung
1	10/6/2021	Họp thống nhất ban hành chính thức Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Savico theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ ngày 10/6/2021 của Savico
2	17/6/2021	Họp phân công công việc của các thành viên trong Ban Kiểm soát
3	04/11/2021	Họp về các nội dung: - Thống nhất kết quả kiểm soát 9 tháng đầu năm 2021 cũng như kết quả - thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021. Thống nhất phát hành Báo cáo Ban Kiểm soát 9 tháng đầu năm 2021 gửi Hội đồng Quản trị
4	31/3/2022	Họp thống nhất kết quả kiểm soát hoạt động của Công ty trong năm 2021.
5	07/4/2022	Họp về các nội dung: - Thống nhất Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường - niên 2022 Thống nhất Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC 2022 của Công ty.

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT *(tiếp theo)*

- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để giúp Ban Kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát.

  Các nội dung công tác kiểm soát chủ yếu mà Ban Kiểm soát đã thực hiện gồm:

  - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021 đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
  - Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đến nay theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
  - Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán KPMG kiểm toán, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
  - Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
  - Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

    Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đến nay.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và với nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cũng như tôn trọng các thỏa thuận, cam kết với các đối tác có liên quan.
Báo cáo đánh giá về hoạt động của Công ty và công tác quản lý, giám sát của Hội đồng Quản trị; Báo cáo tình hình kinh doanh của Tổng Giám đốc được trình bày đầy đủ trong tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, được ban hành hợp pháp và trình bày trung thực các đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty cũng như về công tác quản lý năm 2021 của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

Nhân sự Hội đồng Quản trị

- Từ sau ĐHĐCĐ năm 2021, Hội đồng Quản trị hoạt động với 09 thành viên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Ông Mai Việt Hà và 02 Phó Chủ tịch là Ông Lê Tuấn và Ông Nguyễn Ngọc Châu.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 15 cuộc họp và 13 lần trưng cầu ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành 53 Nghị quyết và 32 Thông báo để thông qua các chủ trương liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống.
- Theo Ban Kiểm soát, các thành viên Hội đồng Quản trị được cung cấp đầy đủ tài liệu và các thông tin để có thể đưa ra quyết định. Việc tổ chức họp và ban hành các văn bản của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các quyết định/thông báo của Hội đồng Quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều có sự giám sát việc kiểm phiếu từ đại diện Ban Kiểm soát.
- Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực do thành viên Hội đồng quản trị phụ trách đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao liên quan đến chính sách lương, thưởng tại Công ty.
- Hội đồng Quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao năm 2021 theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị. Hội đồng
- Quản trị đã phối hợp chặt chẽ cùng với Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, triển khai và giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2021, Ban Tổng Giám Đốc Savico hoạt động với 04 thành viên, Tổng Giám đốc là ông Phan Dương Cửu Long. Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện các Quyết định và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp.
- Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực điều hành và tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGĐ VÀ BKS

Năm 2021, SAVICO đã chi tổng lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	Thù lao	Thưởng
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thành viên Hội Đồng Quản trị		
Ông Mai Việt Hà – Chủ tịch	165.000.000	885.300.000
Ông Nguyễn Ngọc Châu – Phó chủ tịch	125.000.000	734.300.000
Ông Lê Tuấn – Phó chủ tịch	129.000.000	763.800.000
Ông Nguyễn Công Bình – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Hoàng Tâm Hòa – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Phan Dương Cửu Long – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Trần Văn Hiếu – Thành viên	70.000.000	-
Thành viên Ban kiểm soát		
Bà Hoàng Thị Thu Hương – Trưởng ban	111.000.000	359.900.000
Ông Ngô Hòa – Thành viên	84.000.000	272.600.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thành viên	56.000.000	-
Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên	12.000.000	149.100.000
Tiền lương của Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Tiền lương trung bình một tháng		
Chủ tịch		138.750.000
Phó chủ tịch		69.375.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt khác		
Tiền lương trung bình một tháng		
Tổng Giám đốc		138.750.000
Các cán bộ quản lý chủ chốt khác		
Tiền lương trung bình một tháng cho một người		
Các Phó Tổng Giám đốc		90.650.000

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Được trình bày tại:
Mục số 32 các trang 48, 49, 50 của Báo cáo Tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021;
Mục 37 các trang 58, 59, 60, 61 của Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.



RỦI RO VỀ KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

Rủi ro này xảy ra khi kế hoạch hành động để triển khai thực hiện chiến lược của Công ty được xây dựng không đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất khi triển khai cho các bộ phận, các Công ty trong hệ thống; cơ sở của các mục tiêu ưu tiên không được xem xét, đánh giá định kỳ dẫn đến các mục tiêu chiến lược dài hạn không thể thực hiện được.

Biện pháp kiểm soát: chiến lược và kế hoạch hành động được truyền tải rõ ràng trong các cuộc họp triển khai kế hoạch, sơ kết, tổng kết của hệ thống và các cuộc họp tại văn phòng Công ty mẹ; được đánh giá định kỳ bởi Ban Chiến Lược, các bộ phận chức năng và được Bộ phận Kiểm soát nội bộ rà soát tình hình thực hiện theo định kỳ để có sự điều chỉnh phù hợp.

RỦI RO NHÂN SỰ VÀ NHÂN SỰ KẾ THỪA

Rủi ro này xảy ra khi nhân sự không thích ứng được với môi trường văn hóa doanh nghiệp của Công ty; một/ một số vị trí quan trọng bị trống hoặc không tìm đủ các vị trí quan trọng cho các dự án kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong hệ thống trong một khoảng thời gian nhất định.

Nhân sự có trình độ và năng lực chuyên môn tốt thôi việc sau một thời gian gắn bó tại Công ty gây lãng phí nguồn lực đào tạo, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện kế hoạch của Công ty.

Biện pháp kiểm soát: hoàn thiện quy trình quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đánh giá nhân sự, hoàn thiện chính sách thu nhập đối với người lao động; sử dụng tốt quỹ phát triển tài năng trẻ, các chương trình thực tập sinh, đồng thời tìm kiếm và thu hút nhân sự có kinh nghiệm từ bên ngoài để cộng tác cùng phát triển hệ thống SAVICO. Trong định hướng chiến lược cho giai đoạn tiếp theo, Savico đã có sự quan tâm xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa đảm bảo các yếu tố cần thiết của một kế hoạch xây dựng đội ngũ kế thừa bao gồm: (1) Đạt sự đồng thuận; (2) Phân tích công việc và nhân lực hiện tại; (3) Đánh giá mức độ thể hiện; (4) Phân tích nhu cầu nhân sự và công việc trong tương lai; (5) Đánh giá tiềm năng; (6) Huấn luyện nhân sự; (7) Đánh giá kết quả nhằm giúp xác định những vị trí then chốt, bắt đầu bằng vị trí của quản lý dự án, quản lý bộ phận và mở rộng ra đến những vị trí cao nhất trong tổ chức

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

Các xu hướng chuyển dịch trật tự kinh tế thế giới đang có sự thay đổi do tác động của các diễn biến địa chính trị, thương mại, dịch bệnh... kéo theo xu hướng thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh, thương mại. Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như thu nhập của người dân có sự thay đổi mạnh so với diễn biến thông thường dẫn đến biến động sụt giảm/ giãn/ kìm nén/ dồn trong nhu cầu và xu hướng tiêu dùng đối với các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống đang kinh doanh.

Do đó, Công ty luôn theo dõi sát và cập nhật kịp thời mọi thay đổi của nền kinh tế có khả năng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty và hệ thống để đánh giá về sự cần thiết phải có những điều chỉnh liên quan đến chiến lược tổng thể, kế hoạch kinh doanh và phát triển mạng lưới, các mục tiêu ưu tiên và kế hoạch hành động trong các điều kiện thị trường khác nhau.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XE Ô TÔ

Ngành công nghiệp ô tô và thị trường ô tô có mối tương quan đáng kể với các thời kỳ biến động của nền kinh tế vĩ mô về thời gian và mức độ. Thị trường ô tô Việt Nam được đánh giá là có tiềm năng phát triển mạnh mẽ nhưng những biến động đáng kể xảy ra trong ngành công nghiệp ô tô liên quan đến yếu tố mang tính chu kỳ của nền kinh tế vĩ mô, các vấn đề nội tại của nền kinh tế hay là hậu quả do dịch bệnh và biến đổi khí hậu... thì doanh số ngành kinh doanh chủ lực của Công ty và hệ thống chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Một mặt, sự hội nhập ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam với khu vực và toàn cầu mang đến sự gia tăng về nhu cầu, trong đó có một số phân khúc sản phẩm dịch vụ mà hệ thống Công ty đang tham gia như kinh doanh và khai thác văn phòng, mặt bằng bán lẻ, kho bãi.

Mặt khác, những tác động tiêu cực cũng theo đó sẽ lan rộng và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của lĩnh vực dịch vụ bất động sản của Công ty. Chẳng hạn, dịch bệnh đã làm thay đổi cơ cấu nguồn cầu của thị trường văn phòng với xu hướng tái cơ cấu không gian làm việc theo mô hình kết hợp giữa làm việc tại văn phòng - ở ngoài - và tại nhà, xu hướng điều chỉnh giảm mật độ chỗ ngồi và dịch chuyển ra ngoài trung tâm để tiết kiệm chi phí... Dịch bệnh, theo đó cũng làm thay đổi cơ cấu nguồn cầu của thị trường mặt bằng bán lẻ ở khu vực trung tâm.

Công ty đã và đang linh hoạt hơn trong việc áp dụng các chính sách đối với khách hàng, hiểu và đồng hành với khách hàng: bên cạnh các điều chỉnh ngắn hạn để đảm bảo duy trì công suất khai thác thì việc hướng đến kết quả kinh doanh dài hạn và bền vững cũng được chú trọng.

CHÍNH SÁCH CỦA NGÀNH

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XE Ô TÔ

Hoạt động kinh doanh của Công ty phải tuân thủ các chính sách và quy định do Chính phủ công bố để quản lý ngành công nghiệp ô tô và thị trường ô tô.

Những thay đổi trong chính sách của ngành có thể dẫn đến thay đổi về nhu cầu thị trường đối với sản phẩm, giá cả sản phẩm/dịch vụ và mức độ cạnh tranh, từ đó sẽ dẫn đến biến động doanh thu và lợi nhuận.

Bên cạnh đó, những cam kết về chống biến đổi khí hậu, các chính sách hỗ trợ cho xe sử dụng năng lượng mới, những điều chỉnh liên quan đến hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm... mặc dù chưa ảnh hưởng sâu rộng đến ngành phân phối và dịch vụ ô tô của Công ty nhưng đã có những tác động khởi đầu cho các chuyển dịch về sản phẩm và dịch vụ của ngành.

Mức độ phức tạp của ngành ngày một tăng với các quy định mới, mô hình kinh doanh mới trong tương lai. Do đó, Công ty sẽ bám sát những thay đổi trong chính sách ngành, những thay đổi ảnh hưởng đến ngành ô tô, đồng thời thường xuyên kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao các tiêu chuẩn dịch vụ của hệ thống một cách liên tục, cũng như chuẩn hóa, tối ưu hóa hệ thống mạng lưới để giải quyết các rủi ro phát sinh.

Ngoài ra, các mặt bằng showroom, nhà xưởng của các đại lý ô tô trong hệ thống đều cần diện tích lớn, phần lớn là mặt bằng đi thuê nên những chính sách điều chỉnh của Chính phủ liên quan đến tiền thuê đất hoặc điều chỉnh gián tiếp như siết tín dụng bất động sản sẽ làm tăng chi phí đầu tư, chi phí thuê mặt bằng của hệ thống.



ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Savico và một số công ty trong hệ thống tập trung vào khai thác mặt bằng văn phòng, bán lẻ, khai thác và cho thuê kho nên những rủi ro trực tiếp đối với các hoạt động này là biến động chi phí đầu vào liên quan đến chính sách điều chỉnh tiền thuê đất, siết tín dụng bất động sản.

Bên cạnh đó, Công ty còn một số dự án bất động sản nhưng tiến độ triển khai chậm do một số hạn chế như hệ thống các văn bản pháp lý liên quan đến thị trường bất động sản còn chưa đồng bộ và thống nhất dẫn đến không rõ trách nhiệm quản lý, những khó khăn về thủ tục hành chính và sức ép lớn từ chủ trương kiểm soát chặt chẽ hơn việc cấp phép dự án mới.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Công ty đã thực hiện kiểm soát hiệu quả các rủi ro thị trường thông qua giám sát liên tục các rủi ro và thay đổi, cảnh báo rủi ro kịp thời và áp dụng các công cụ phòng ngừa thích hợp.
Đối với từng hoạt động kinh doanh có những rủi ro thị trường cụ thể như sau:

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XE Ô TÔ - XE GẮN MÁY

Với đặc thù hoạt động kinh doanh của Savico là đại lý phân phối cho nhiều nhà cung cấp nên chịu sự tác động lớn từ nguồn cung thị trường, chủ yếu từ các nhà cung cấp như: chiến lược phát triển đại lý, chiến lược sản phẩm, chính sách bán hàng và giá cả sản phẩm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu thị trường luôn có những khó khăn nhất định do tâm lý chờ đợi của người tiêu dùng về các chính sách liên quan, thay đổi tỷ giá, sự hạn chế về hạ tầng giao thông cũng có tác động nhất định đến nhu cầu thị trường.
Nhằm giảm thiểu rủi ro từ vấn đề này, Công ty luôn cùng với các thành viên trong hệ thống tập trung cho công tác phân tích, dự báo; từ đó tận dụng tốt cơ hội kinh doanh và có giải pháp đối với những khó khăn ngay từ bước xây dựng, giao kế hoạch và trong quá trình thực hiện. Công ty cũng tăng cường kết nối thông tin với Nhà cung cấp và với các công ty thành viên trong hệ thống nhằm nắm bắt thông tin kịp thời, có giải pháp kinh doanh, phát triển hệ thống phù hợp.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Rủi ro chính yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ bất động sản của Savico đến từ các đối thủ cạnh tranh kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê; và sự khó khăn trong việc hoàn tất thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh do Công ty đề ra.
Nhằm hạn chế rủi ro, Savico xác định nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng và không ngừng hoàn thiện danh mục khách hàng phù hợp, chính sách linh hoạt theo điều kiện, tình hình cụ thể nhưng phải cùng đối tác hướng đến mục tiêu lâu dài, bền vững.



CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ SẢN XUẤT Ô TÔ

Là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực phân phối ô tô, Công ty luôn chú trọng đến việc duy trì hợp tác bình đẳng và lành mạnh với các nhà sản xuất ô tô có thương hiệu trong và ngoài nước.
Với những sự thay đổi mạnh mẽ của chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong ngành ô tô cũng như xu hướng kinh tế toàn cầu, mỗi nhà sản xuất ô tô sẽ có những thay đổi chính sách cụ thể trong chiến lược bán hàng, các yêu cầu và hỗ trợ kinh doanh cho các đại lý. Mỗi chính sách của nhà máy đều có những tác động mạnh mẽ tới hiệu quả kinh doanh của hệ thống, về sản lượng bán, doanh thu, lợi nhuận bán xe và dịch vụ. Do đó, Công ty chú trọng việc tăng cường kết nối với các nhà sản xuất để cùng nhau hiểu rõ thị trường, thị hiếu của người mua xe và sử dụng dịch vụ nhằm ngày càng phát triển thương hiệu, đa dạng hóa các phân khúc sản phẩm, phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng đem lại sự tiện ích, hài lòng cho khách hàng; qua đó giảm thiểu rủi ro.
Tuy vậy, hiện tốc độ phát triển hệ thống đại lý ô tô các thương hiệu mà Savico đang phân phối đang có xu hướng chậm lại do đa số các hãng ô tô đều đã có mặt tại các tỉnh/ thành và các địa bàn thị trường chiến lược, là một áp lực đối với hệ thống Savico trong việc duy trì thị phần, đảm bảo hiệu quả và khả năng tăng trưởng bền vững. Vì vậy, bên cạnh việc tìm kiếm các thương hiệu mới để phân phối, thực hiện M&A để phát triển hệ thống thì việc chuyển dịch mạnh mẽ các hoạt động sau bán hàng, hướng đến các sản phẩm giá trị gia tăng là điều quan trọng.



SỰ CẠNH TRANH MẠNH MẼ VÀ XU HƯỚNG THAY ĐỔI HÀNH VI TIÊU DÙNG

Sự canh tranh gay gắt từ các thương hiệu xe ô tô – gắn máy, các đối thủ cạnh tranh trực tiếp, các garage và các chuỗi dịch vụ chuyên nghiệp kéo theo xu hướng giảm lãi gộp bán xe và dịch vụ.

Cùng với đó việc phát triển hệ thống mạng lưới đại lý ô tô chịu sự cạnh tranh do ngày càng có nhiều đối tượng nhà đầu tư tham gia vào việc phát triển hệ thống mạng lưới của các thương hiệu xe ô tô, trong đó có xu hướng các doanh nghiệp kinh doanh xe gắn máy sau giai đoạn tích lũy đã có đủ nguồn lực để tham gia vào lĩnh vực kinh doanh ô tô.

Sự cạnh tranh diễn ra ở tất cả các phân khúc do nguồn cung từ nhập khẩu, cũng như sản xuất trong nước đang trở nên dồi dào với dải sản phẩm phong phú, mức giá ngày một cạnh tranh, người mua ngày càng có thêm rất nhiều lựa chọn, từ mẫu mã đến chất lượng, thương hiệu.

Chúng tôi nhận định sức ép cạnh tranh giữa các thương hiệu sẽ ngày càng mạnh mẽ để bảo vệ thị phần, đặc biệt là đối với dòng xe trung cấp.

Tỷ lệ tầng lớp trung lưu tăng, hành vi tiêu dùng và thói quen mua sắm thay đổi kéo theo xu hướng tăng cầu từ cả người mua là cá nhân và các tổ chức cung cấp dịch vụ nhưng lãi gộp bán xe sẽ có xu hướng giảm do sức ép cạnh tranh. Bên cạnh đó, các phân khúc sửa chữa, bảo trì và dịch vụ khác bên cạnh mảng bán xe cũng gặp phải cạnh tranh từ các cơ sở tư nhân.

Song song đó, sự thay đổi thói quen và hành vi của người mua, người có nhu cầu dịch vụ; xu thế phát triển tất yếu của thương mại điện tử, sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ và xu hướng hội nhập bắt buộc các công ty hoạt động trong ngành phải có sự điều chỉnh phù hợp về quy mô showroom, nhà xưởng; đổi mới phương thức tiếp cận khách hàng; đổi mới công cụ quản trị; cải tổ bộ máy phù hợp và thực hiện quản trị chi phí để có thể tiếp tục hoạt động hiệu quả.

CHUỖI CUNG ỨNG

Công ty không sở hữu hoặc vận hành bất kỳ cơ sở sản xuất nào, việc kinh doanh hoàn toàn phụ thuộc vào sự cung ứng từ các nhà sản xuất ô tô và nhà cung cấp phụ kiện ô tô có thương hiệu. Bất kỳ sự gián đoạn nào trong việc cung cấp sản phẩm từ các nhà cung cấp có thể dẫn đến các vấn đề cho hoạt động kinh doanh của hệ thống.

Công ty đã thúc đẩy mối quan hệ hợp tác lâu dài, ổn định với một số nhà sản xuất ô tô và nhà cung cấp phụ tùng, linh kiện có thương hiệu và mối quan hệ hợp tác đã được các nhà cung cấp đánh giá cao. Công ty đã và đang nỗ lực để giảm thiểu những tác động của bất kỳ sự gián đoạn nào trong việc cung cấp và đảm bảo có thể tìm được các nhà cung cấp khác có chất lượng sản phẩm tương tự với giá cả hợp lý.

Tuy nhiên, có những sự kiện bất khả kháng mà nếu không xây dựng được một mô hình hoạt động kinh doanh bền vững, một bộ máy quản trị điều hành gọn nhẹ và linh hoạt, một cấu trúc tài chính lành mạnh, công cụ quản trị tiên tiến để có sự điều hành, điều chỉnh và thích ứng kịp thời với những biến động thì những doanh nghiệp hoạt động trong ngành như của Savico sẽ khó tồn tại, vượt qua và phát triển trở lại.

HỆ THỐNG THÔNG TIN

Với quy mô đại lý lớn ở nhiều thương hiệu xe khác nhau, hệ thống thông tin cần đáp ứng yêu cầu cung cấp kịp thời nhanh nhạy và hữu hiệu các thông tin liên quan đến mua sắm, bán hàng và phân phối từ các đơn vị thành viên cũng như công tác quản lý hàng tồn kho, quản lý thông tin khách hàng tiềm năng, quản lý tài chính.

Nguồn dữ liệu từ hệ thống thông tin là vô cùng cần thiết để đáp ứng yêu cầu quản trị của Ban điều hành, bất kỳ sự gián đoạn hoặc mất mát dữ liệu nào xảy ra trong hệ thống sẽ đều dẫn đến những tổn thất hữu hình và vô hình.

Do đó, Công ty luôn ưu tiên phát triển đầu tư và tối ưu mạng lưới hệ thống thông tin đặc biệt là hệ thống công cụ quản lý nguồn lực, công cụ tiếp cận, quản lý và chăm sóc khách hàng; từ đó đảm bảo an ninh công nghệ trong toàn hệ thống, đảm bảo khả năng tiếp cận, tính đầy đủ và liên tục trong vận hành.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy nên đặc biệt lưu tâm đến các loại xe đáp ứng tiêu chuẩn khí thải ít gây hại cho môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng ngày càng hướng đến môi trường hiện nay. Các thương hiệu xe mà hệ thống Công ty đang phân phối đều là của các hãng xe có uy tín. Việc kinh doanh xe cũ đang được thực hiện ở một số công ty thành viên cũng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của hãng xe cũng như các cơ quan quản lý có liên quan.

Đối với mảng dịch vụ, sửa chữa xe, các điểm cung cấp dịch vụ đều thực hiện việc xử lý chất thải tại nguồn đáp ứng các yêu cầu của nhà nước về quản lý môi trường cũng như các tiêu chuẩn của hãng xe đưa ra.

Việc áp dụng những tiêu chuẩn, quy định này sẽ giúp cải thiện vấn đề ô nhiễm môi trường nói chung và các vấn đề ô nhiễm tại các thành phố lớn nói riêng.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) được thực hiện nhằm xem xét và đánh giá lại các nguyên tắc thực hành phát triển bền vững tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Nội dung báo cáo thể hiện cách tiếp cận của SAVICO đối với các vấn đề phát triển bền vững, đề cập đến những vấn đề trọng yếu mang tính chất chiến lược, thể hiện rõ mục tiêu chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.

Dữ liệu và thông tin trình bày trong báo cáo bao gồm:
Những hoạt động liên quan đến Phát triển bền vững đã được thực hiện từ năm 2019, chiến lược phát triển trong năm 2021, những năm tiếp theo và cam kết của SAVICO đối với các bên liên quan
Trong bối cảnh chung của thị trường năm 2021, SAVICO luôn nỗ lực khắc phục những khó khăn để nâng cao kết quả hoạt động, báo cáo phát triển bền vững của SAVICO được thực hiện nhằm xem xét và đánh giá lại các nguyên tắc thực hành phát triển bền vững tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong năm 2021, trong đó đề cao giá trị cốt lõi là "Phát triển bền vững" gắn liền với Hiệu quả tăng trưởng kinh tế, Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội.





Đây là những yếu tố đóng vai trò nền tảng để đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, giảm thiểu rủi ro, tạo tiền đề cho sự phát triển thành công lâu dài của SAVICO.

Đồng hành với sự tăng trưởng là cam kết phát triển bền vững hướng đến lợi ích cộng đồng; SAVICO là một trong những doanh nghiệp có được nét văn hóa riêng, tạo được môi trường lý tưởng cho mọi người phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề dịch vụ phân phối ô tô, đầu tư kinh doanh dịch vụ bất động sản, đồng thời luôn có những hành động thiết thực chung tay vì một cộng đồng bền vững và nhân ái. hợp hơn; lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng của Công ty và tại các doanh nghiệp trong hệ thống.



PHẠM VI VÀ RANH GIỚI CỦA BÁO CÁO

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2021 của SAVICO, bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 31/12/2021. Các báo cáo về hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành nghề dịch vụ phân phối ô tô, đầu tư kinh doanh dịch vụ bất động sản, các lĩnh vực trọng yếu được xác định dựa trên đánh giá kết hợp giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và tác động của chúng tới SAVICO, nhằm phác họa toàn cảnh bức tranh hoạt động của Công ty trong năm, và định hướng phát triển bền vững cho tương lai.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) cam kết nỗ lực mở rộng phạm vi và giới hạn.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Cách tiếp cận các vấn đề về phát triển bền vững của SAVICO xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn xã hội.

Những vấn đề liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục được SAVICO đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, xác định rõ các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện đầy đủ hơn trong nội dung báo cáo phát triển bền vững năm 2021, nhằm mang đến giá trị tối ưu cho cổ đông, duy trì sự tương tác và đối thoại hiệu quả trong tất cả mối quan hệ giữa CBNV, đối tác, cộng đồng xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan trong mục tiêu phát triển bền vững.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét và phản hồi để thảo luận và cải thiện bất kỳ khía cạnh nào của bản báo cáo liên quan đến vấn đề phát triển bền vững. Mọi ý kiến đóng góp, vui lòng gửi về địa chỉ:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng Hợp Sài Gòn (SAVICO).

Điện thoại: 028 3821 3913 Fax: 028 3821 3553

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh.

Email: ir@savico.com.vn

CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

- Năm 2021, nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của SAVICO và các Công ty thành viên - chủ yếu là các đơn vị ngành ô tô, xe máy được quản lý, sử dụng một cách hợp lý dựa trên các quy trình quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ, các quy định về định mức tiêu thụ nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, chúng tôi rất chú trọng trong việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn.

- Với mong muốn góp phần cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng không khí, hạn chế rác thải nhựa và cùng "phủ xanh" hành tinh, Công ty và các đơn vị trong hệ thống đã và đang thực hiện nói không với chai nhựa sử dụng một lần thông qua việc sử dụng bình, chai, ly thủy tinh đựng nước trong hoạt động thường ngày, các cuộc họp, làm việc với đối tác, khách hàng.

- Tại Công ty mẹ, giải pháp quản lý nguồn nguyên vật liệu là quản lý dựa trên định mức và sử dụng các giải pháp lưu trữ thay thế. Nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu để phục vụ nhu cầu tiêu thụ hàng ngày gồm nhiên liệu xe, dụng cụ vệ sinh, văn phòng phẩm.

TIÊU THỤ ĐIỆN, NƯỚC

Số liệu về tiêu thụ điện, nước và nhiên liệu xăng xe tại Công ty mẹ:

	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Điện	kw	166.970	75.606	37.547	32.674	53.473	40.719
Nước	m3	1.238	698	221	236	367	322
Xăng xe + xăng dầu máy phát điện	lít	8.940	10.987	10.149	7.801	7.169	6.317



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



- Bên cạnh việc tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư kinh doanh, SAVICO luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường để hướng tới doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, chung tay cùng cộng đồng vẽ thêm màu xanh cho hành tinh. Đa số các đơn vị ngành ô tô trong hệ thống SAVICO đều đang cam kết và áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo **tiêu chuẩn ISO 14001.**

- -Tại Công ty mẹ và các Công tythành viên trong hệ thống đều có các quy định cụ thể liên quan đến vệ sinh môi trường; các định mức sử dụng điện nước, nhiên liệu, nguyên vật liệu; việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường; bảo vệ môi trường làm việc. Các Công ty thành viên cũng thực hiện định kỳ việc nhận dạng các khía cạnh môi trường, tầm quan trọng của phát triển bền vững để từ đó kiểm soát tốt hơn các vấn đề về bảo vệ môi trường.

- -Bên cạnh đó, để đảm bảo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động, tạo nên một không gian làm việc **"Xanh - Sạch - Đẹp"**, SAVICO thường xuyên thực hiện chương trình văn phòng làm việc xanh tại văn phòng Công ty bằng cách trồng và trang trí các cây xanh tại sảnh lớn, lối đi, bàn làm việc...; các Công ty thành viên tích cực tham gia các chương trình trồng cây phủ xanh Trái Đất, tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật để thông thoáng nhà xưởng, giảm độ ồn và trang bị hệ thống quạt hút, quạt công nghiệp cho những cơ sở bảo hành, sửa chữa cũng như thực hiện đo đạc thông số môi trường làm việc định kỳ đạt yêu cầu của pháp luật.

CHỈ TIÊU XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Phân theo giới tính	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Nữ	166.970	75.606	37.547	32.674	53.473	40.719
Nam	1.238	698	221	236	367	322
Tổng số	**8.940**	**10.987**	**10.149**	**7.801**	**7.169**	**6.317**

Do đặc điểm của hoạt động kinh doanh cần nhiều lao động kỹ thuật, lực lượng lao động nam chiếm đa số trong hệ thống SAVICO.

Phân theo trình độ	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Đại học trở lên	1.617	1.752	1.895	2.250	2.361	2.465
Cao đẳng	607	664	861	1.232	1.252	1.352
Trung cấp	456	810	882	510	562	643
Lao động đã qua đào tạo	564	646	756	854	864	791
Lao động phổ thông	445	451	430	609	459	478
Tổng số	**3.689**	**4.323**	**4.824**	**5.455**	**5.498**	**5.729**

Hệ thống SAVICO thực hiện chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh, năng lực chuyên môn, khối lượng và chất lượng công việc của mỗi nhân viên; tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động; đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các công ty cùng ngành nghề và khu vực.

Thu nhập bình quân năm 2021 của người lao động trong hệ thống đạt 9,3 triệu đồng/người/tháng, giảm so với bình quân năm 2020 là 12,3 triệu đồng/người/tháng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẰM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

SAVICO và các đơn vị trong hệ thống thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn con người, trợ cấp ốm đau; chủ động trong việc tìm kiếm nguồn vaccine Covid đủ và nhanh nhất cho toàn bộ người lao động, cũng như hỗ trợ người lao động mắc Covid, người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh...

Trong năm 2021, Công ty mẹ thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe PVI Care cho CBNV công ty. Các chương trình Caravan với các hoạt động trải nghiệm, teambuilding, văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn... luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống SAVICO gặp gỡ giao lưu, gia tăng sự gắn kết, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, cũng như góp phần tạo động lực cho cán bộ nhân viên.

Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm các chính sách quà tặng sinh nhật, quà tặng cưới hỏi, quà tặng nhân ngày 8/3, 20/10; hỗ trợ học bổng khuyến học cho các em học giỏi là con của CBNV công ty; chăm lo cho các thiếu nhi là con của người lao động nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6; chăm lo tết âm lịch cho người lao động...

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2021, SAVICO tăng cường quy hoạch phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, triển khai chương trình phát triển cán bộ tiềm năng và bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cấp trung, lãnh đạo cấp cao.

SAVICO đã cử 204 lượt CBNV với số giờ đào tạo trung bình là 762 giờ (CBQL là 487 giờ, CVNV 275 giờ) tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn như: marketing online; cập nhật kiến thức Thuế và kế toán; truyền thông; Vận dụng linh hoạt Bộ luật lao động năm 2019 về HĐLĐ để quản lý lao động hiệu quả; hướng dẫn quyết toán thuế...

Các doanh nghiệp trong hệ thống cũng áp dụng chính sách đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ theo chương trình của nhà cung cấp và đã cử 2.598 lượt CBNV tham gia các khóa học về kỹ năng bán hàng và kỹ thuật (sửa chữa chung, đồng, sơn, cố vấn dịch vụ) và các lớp đào tạo quản lý.

Toàn hệ thống SAVICO tiếp tục tập trung đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực giỏi, đào tạo đội ngũ quản trị viên cấp cao và cấp trung đáp ứng cho nhu cầu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty và các đơn vị trong hệ thống.

SAVICO mang đến cho từng CBNV môi trường làm việc năng động, công bằng và chuyên nghiệp... để có thể phát huy tối đa năng lực làm việc và xây dựng văn hoá doanh nghiệp lành mạnh. Văn hoá ấy chính là những chuẩn mực hành xử, bản sắc, điểm khác biệt và lợi thế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.



CHỈ TIÊU XÃ HỘI *(tiếp theo)*

ĐẨY MẠNH VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VỮNG MẠNH

XÂY DỰNG NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VĂN HOÁ KHÁC BIỆT, TẠO ẤN TƯỢNG TỐT TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU

Tại SAVICO, văn hóa doanh nghiệp được xây dựng vững chắc từ những ngày đầu thành lập. Phong cách lãnh đạo mẫu mực, tâm huyết của các thế hệ lãnh đạo; sự đoàn kết, năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ nhân viên; tinh thần tương trợ, quan tâm, chia sẻ, hài hòa lợi ích, trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể và cộng đồng là những nét bản sắc rất riêng của SAVICO.

Phát huy những giá trị trên nền tảng có được, năm 2021 SAVICO tiếp tục xây dựng những đặc điểm văn hoá khác biệt, góp phần củng cố và phát triển hơn nữa hình ảnh thương hiệu của SAIVCO với những nét son đáng ghi nhận như sau:

- Theo đuổi văn hoá quản trị điều hành theo hướng văn hoá cộng đồng, đảm bảo tính công bằng hợp lý trên toàn hệ thống, trên tiêu chí minh bạch hóa mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành, tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn bó cho toàn thể CBNV.
- SAVICO mang đến cho từng CBNV của mình môi trường làm việc cởi mở, công bằng, được đào tạo chuyên nghiệp... để có thể phát huy tối đa năng lực làm việc và xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh. Theo đó mỗi CBNV là một đại sứ đưa SAVICO trở thành thương hiệu ngày càng uy tín trên thị trường và cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam.

Hướng đến mục tiêu xây dựng hình ảnh thương hiệu phát triển bền vững,

SAVICO CAM KẾT :

với **CỔ ĐÔNG**

Cam kết tăng trưởng bền vững



với **ĐỐI TÁC**

Hợp tác để phát triển bền vững



với **KHÁCH HÀNG**

tận tâm phục vụ



với **NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Vun đắp nguồn nhân lực vững bền



với **CỘNG ĐỒNG**

Chung tay vì một xã hội thịnh vượng - tốt đẹp hơn



Cùng với định hướng chiến lược 2020 – 2025 của toàn hệ thống, công tác phát triển thương hiệu của SAVICO chắc chắn sẽ có nhiều đổi mới để bắt kịp với xu thế và tầm nhìn chung của toàn hệ thống. Nhưng với những nền tảng vững vàng đã có , SAVICO cùng với đội ngũ lãnh đạo, quản lý, CBNV giàu kinh nghiệm và năng lực vững tin vượt qua mọi thử thách, đưa thương hiệu SAVICO vươn tầm cao mới.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng trước hết phải kể đến chính là trách nhiệm và nghĩa vụ với đội ngũ lao động trong hệ thống Công ty.

Chú trọng đến các hoạt động vì sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Với tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, SAVICO đã thực hiện nhiều hoạt động từ thiện nhằm hỗ trợ cộng đồng, mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho các cá nhân và các địa phương có hoàn cảnh khó khăn với các hoạt động tiêu biểu như: tặng quà bệnh viện dã chiến số 8; ủng hộ cho tuyến đầu và nhân dân khó khăn Tp. Hồ Chí Minh; hỗ trợ chi phí phòng chống dịch cho trung tâm kiểm soát dịch bệnh Bình Dương; chương trình Sóng và Máy Tính cho em tại Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; chương trình "Xuân ấm tình người"; thăm và tặng quà cho các hoàn cảnh cơ nhỡ tại Trung tâm bảo trợ xã hội Tỉnh Bình Thuận; mua đồ bảo hộ y tế phòng, chống dịch Covid-19 ủng hộ trung tâm y tế Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ủng hộ vào Quỹ mua vaccine phòng, chống dịch Covid-19 tại UB MTTQ Việt Nam Quận Cái Răng; mua nhu yếu phẩm cho người dân khó khăn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; "Ngàn máy tính cho Em"; Hỗ trợ trẻ em nghèo tàn tật, Hỗ trợ người mù huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh; Đóng góp vào chương trình "Chung tay xanh hóa học đường năm 2021-2022"; Ủng hộ Quỹ học bổng cho học sinh nghèo vượt khó... với tổng số tiền gần 1,9 tỷ đồng.

Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt Nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể SAVICO không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB 3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004 ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301154821 ngày 7 tháng 10 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Mai Việt Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Châu	Phó chủ tịch (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021)
	Ông Lê Tuân	Phó chủ tịch (từ ngày 8 tháng 2 năm 2021) Thành viên (đến ngày 8 tháng 2 năm 2021)
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
	Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên
	Ông Phan Dương Cửu Long	Thành viên
	Ông Trần Văn Hiếu	Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021)
	Ông Nguyễn Huy Tuấn	Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ban Kiểm soát	Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
	Ông Ngô Hòa	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021)
	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phan Dương Cửu Long	Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 5 năm 2021)
	Bà Trần Hằng Thu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 1 năm 2022)
Trụ sở đăng ký	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiệ n các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00342-22-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG

Nelson Rodriguez Casihan	Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 2225-2018-007-1	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 2236-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**177.832.009.493**	**201.345.323.887**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**36.196.388.502**	**34.580.235.727**
Tiền	111		17.296.388.502	5.580.235.727
Các khoản tương đương tiền	112		18.900.000.000	29.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**28.595.000.121**	**36.922.281.096**
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	45.275.022.740	42.800.022.740
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(20.680.022.619)	(20.877.741.644)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(c)	4.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**26.308.256.499**	**29.429.592.912**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	19.182.767.323	12.749.519.907
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.915.044.443	1.503.999.460
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6(d)	2.500.000.000	9.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	4.900.049.011	6.176.073.545
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.189.604.278)	-
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**85.161.090.084**	**98.858.277.137**
Hàng tồn kho	141		85.161.090.084	98.858.277.137
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.571.274.287**	**1.554.937.015**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.387.272	4.050.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.048.481.221	1.048.481.221
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	502.405.794	502.405.794

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**1.200.328.686.906**	**1.139.673.670.823**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**159.284.378.932**	**160.990.609.121**
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	161.373.876.787	160.990.609.121
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.089.497.855)	-
Tài sản cố định	**220**		**23.143.478.880**	**3.457.055.708**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	22.749.830.169	2.813.573.669
Nguyên giá	222		32.487.964.458	11.277.722.708
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.738.134.289)	(8.464.149.039)
Tài sản cố định vô hình	227	11	393.648.711	643.482.039
Nguyên giá	228		1.099.500.000	1.586.370.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(705.851.289)	(942.887.961)
Bất động sản đầu tư	**230**	**12**	**111.404.584.950**	**114.851.340.198**
Nguyên giá	231		164.521.792.920	164.521.792.920
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(53.117.207.970)	(49.670.452.722)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**266.700.127.703**	**279.704.201.329**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	266.700.127.703	279.704.201.329
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6(b)**	**633.253.763.553**	**573.835.778.222**
Đầu tư vào các công ty con	251		493.841.332.092	448.011.846.359
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		174.644.178.945	164.394.178.945
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.231.747.484)	(38.570.247.082)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.542.352.888**	**6.834.686.245**
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.863.764.280	3.445.191.135
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.678.588.608	3.389.495.110
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.378.160.696.399**	**1.341.018.994.710**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**482.988.674.838**	**514.467.397.247**
Nợ ngắn hạn	**310**		**437.700.025.480**	**473.603.156.989**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		83.939.809	202.168.593
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	7.070.575.165	35.994.415.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	1.327.738.854	2.083.340.631
Phải trả người lao động	314		16.465.023.113	14.830.385.698
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	8.664.261.548	14.560.370.479
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	390.952.940.099	396.807.236.610
Vay ngắn hạn	320	18(a)	840.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	12.295.546.892	9.125.239.762
Nợ dài hạn	**330**		**45.288.649.358**	**40.864.240.258**
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	42.527.749.358	40.864.240.258
Vay dài hạn	338	18(b)	2.760.900.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**895.172.021.561**	**826.551.597.463**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**895.172.021.561**	**826.551.597.463**
Vốn cổ phần	411	21	333.205.320.000	333.205.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	234.112.037.810	233.815.268.303
Cổ phiếu quỹ	415	21	(587.243.865)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		303.503.603.810	235.283.179.712
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*192.204.380.328*	*137.499.845.871*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*111.299.223.482*	*97.783.333.841*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**1.378.160.696.399**	**1.341.018.994.710**

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Ngô Văn Danh	Phan Dương Cửu Long
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**25**	**87.045.328.225**	**98.487.086.316**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**26**	**(42.078.701.099)**	**(44.644.745.084)**
Lợi nhuận gộp (20 = 01 + 11)	**20**		**44.966.627.126**	**53.842.341.232**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	126.449.872.798	98.994.536.168
Chi phí tài chính	22	28	424.999.988	(2.072.604.796)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(674.495.390)	(1.236.592.000)
Chi phí bán hàng	25		(1.085.263.272)	(1.479.261.063)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	(43.320.265.132)	(46.467.974.447)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)	**30**		**127.435.971.508**	**102.817.037.094**
Thu nhập khác	31		232.340.382	676.073.674
Chi phí khác	32		(630.661.217)	(3.340.270.923)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	**40**		**(398.320.835)**	**(2.664.197.249)**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**127.037.650.673**	**100.152.839.845**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**31**	**(11.527.520.689)**	**(2.369.506.004)**
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	**52**	**31**	**1.289.093.498**	**-**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	**60**		**116.799.223.482**	**97.783.333.841**

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Ngô Văn Danh	Phan Dương Cửu Long
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**127.037.650.673**	**100.152.839.845**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.936.215.689	4.580.625.716
Các khoản dự phòng	03		742.883.510	684.896.492
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(163.636.364)	(575.454.545)
Thu nhập cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi tiền gửi và cho vay	05		(126.449.872.798)	(98.994.536.168)
Chi phí lãi vay	06		674.495.390	1.236.592.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**8.777.736.100**	**7.084.963.340**
Biến động các khoản phải thu	09		(5.596.653.339)	(3.909.201.378)
Biến động hàng tồn kho	10		13.697.187.053	7.001.595.445
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(27.441.737.430)	(21.208.938.866)
Biến động chi phí trả trước	12		1.565.089.583	(1.468.979.547)
			(8.998.378.033)	**(12.500.561.006)**
Tiền lãi vay đã trả	14		(674.495.390)	(1.236.592.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.527.520.689)	(2.571.911.797)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.179.988.811)	(6.378.903.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(30.380.382.923)**	**(22.687.968.005)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(23.927.293.539)	(15.185.206.420)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		163.636.364	575.454.545
Tiền chi cho vay	23		(34.200.000.000)	(34.500.000.000)
Tiền đầu tư vào các khoản tiền gửi ngân hàng	23		(24.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		38.225.000.000	28.000.000.000
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng	24		35.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(10.850.000.000)	(49.173.798.241)
Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi tiền gửi và cho vay	27		80.865.504.873	98.994.536.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**61.276.847.698**	**13.710.986.052**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31		400.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		4.192.300.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(591.400.000)	-
Tiền chi trả cổ tức	36		(33.281.212.000)	(24.976.979.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(29.280.312.000)**	**(24.976.979.025)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**1.616.152.775**	**(33.953.960.978)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**34.580.235.727**	**68.534.196.705**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	**70**	**5**	**36.196.388.502**	**34.580.235.727**

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Ngô Văn Danh	Phan Dương Cửu Long
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 64 nhân viên (1/1/2021: 80 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 15 công ty con trực tiếp và 7 công ty liên kết trực tiếp (1/1/2021: 14 công ty con trực tiếp và 7 công ty liên kết trực tiếp), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI và HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	56,98%	56,98%
3	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,86%	80,86%
4	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu ISUZU và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	43/7A ấp Xuân Thới Đông 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,90%	99,90%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70,00%	70,00%
6	Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	64,00%	64,00%

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70,00%	70,00%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98,28%	98,28%
9	Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải và xe buýt mang nhãn hiệu HYUNDAI, và các loại phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Ấp 1, xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam	55,00%	55,00%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	5/5 Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90,00%	90,00%
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
12	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	64,00%	64,00%

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số		Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
13	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM, VINFAST và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
14	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51,00%	51,00%
15	Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu (i)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	274 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	51,00%	-
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,30%	30,30%
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	30,60%	30,60%
3	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%
4	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,00%	35,00%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
5	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,00%	32,00%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế và xây dựng.	66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%
7	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	200 Quốc lộ 20, Tổ 3, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	50,00%	50,00%

(i) Công ty con này được thành lập vào ngày 16 tháng 7 năm 2021 và chưa đi vào hoạt động.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với các loại chứng khoán niêm yết, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Đối với chứng khoán chưa niêm yết, khoản dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ sở hữu mà Công ty sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia thì dự phòng giảm giá đầu tư sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ sở hữu mà Công ty sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản và bình quân gia quyền đối với những hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của các dự án bất động sản gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và cấu trúc	6 – 42 năm
• thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
• phương tiện vận chuyển	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và cấu trúc	5 – 45 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hoá chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

(j) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Công ty vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Công ty không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với cổ phiếu mua lại là tổng hợp của cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đã được phê duyệt, hoặc mua lại các lô cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của các cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi cổ phiếu được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, mệnh giá của chúng được ghi nhận là khoản giảm vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá và số tiền được xem xét thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, ảnh hưởng của thuế ròng, được bao gồm trong thặng dư vốn cổ phần.

Sự thay đổi trong chính sách kế toán này được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do sự thay đổi của luật và quy định hiện hành về mua lại cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(q) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán kinh doanh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán tiền thuê

Khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020:

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bộ phận	8.455.494.036	18.791.019.425	78.589.834.189	79.696.066.891	-	-	87.045.328.225	98.487.086.316
Thu nhập khác của bộ phận	125.724.427.974	98.125.991.136	-	-	957.785.206	1.544.618.706	126.682.213.180	99.670.609.842
Giá vốn hàng bán trực tiếp và phân bổ cho các bộ phận	(4.662.104.052)	(8.287.737.394)	(37.416.597.047)	(36.357.007.690)	-	-	(42.078.701.099)	(44.644.745.084)
Chi phí khác trực tiếp và phân bổ cho các bộ phận	(21.666.215.209)	(16.531.983.093)	(21.193.631.649)	(35.855.673.257)	(1.751.342.775)	(972.454.879)	(44.611.189.633)	(53.360.111.229)
Lợi nhuận của bộ phận	107.851.602.749	92.097.290.074	19.979.605.493	7.483.385.944	(793.557.569)	572.163.827	127.037.650.673	100.152.839.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(10.238.427.191)	(2.369.506.004)
							116.799.223.482	97.783.333.841

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Khấu hao và phân bổ	3.489.460.441	1.133.870.468	3.446.755.248	3.446.755.248	-	-	6.936.215.689	4.580.625.716
Các khoản dự phòng	(1.148.895.320)	867.154.848	2.089.497.855	-	(197.719.025)	(182.258.356)	742.883.510	684.896.492
Chi tiêu vốn	7.355.506.937	785.600.000	16.571.786.602	14.399.606.420	-	-	23.927.293.539	15.185.206.420

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận ngắn hạn	24.551.027.503	28.427.455.773	123.329.030.330	135.217.888.214	29.951.951.660	37.699.979.900	177.832.009.493	201.345.323.887
Tài sản bộ phận dài hạn	431.204.607.723	370.040.540.773	764.223.851.764	766.128.704.319	221.638.811	114.930.621	1.195.650.098.298	1.136.284.175.713
Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	4.678.588.608	3.389.495.110
	455.755.635.226	398.467.996.546	887.552.882.094	901.346.592.533	30.173.590.471	37.814.910.521	1.378.160.696.399	1.341.018.994.710
Nợ phải trả								
Nợ bộ phận ngắn hạn	26.268.194.035	22.208.045.352	410.303.337.873	450.567.057.130	1.128.493.572	828.054.507	437.700.025.480	473.603.156.989
Nợ bộ phận dài hạn	10.378.066.132	7.346.853.600	34.463.307.514	33.243.450.111	447.275.712	273.936.547	45.288.649.358	40.864.240.258
	36.646.260.167	29.554.898.952	444.766.645.387	483.810.507.241	1.575.769.284	1.101.991.054	482.988.674.838	514.467.397.247

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	1.060.082.437	2.234.468.351
Tiền gửi ngân hàng	16.236.306.065	3.345.767.376
Các khoản tương đương tiền	18.900.000.000	29.000.000.000
	36.196.388.502	34.580.235.727

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,0% đến 3,5% (1/1/2021: 3,5%).

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2021				1/1/2021			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:								
Chứng khoán kinh doanh niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	(1.620.000.000)	11.880.000.000	1.350.000	13.500.000.000	(4.320.000.000)	9.180.000.000
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	-	22.740	3	22.740	-	22.740
Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	500.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	1.147.500	11.475.000.000	(5.020.022.619)	(*)	900.000	9.000.000.000	(2.517.741.644)	(*)
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)	(*)	180.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)	(*)
		45.275.022.740	(20.680.022.619)			42.800.022.740	(20.877.741.644)	

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021			1/1/2021		
	% vốn sở hữu / quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu / quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty con:						
• Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98,28%	93.920.000.000	(5.008.194.639)	98,28%	93.320.000.000	(4.722.375.539)
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70,00%	56.000.000.000	-	70,00%	56.000.000.000	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	64,00%	66.408.413.918	-	64,00%	48.002.395.273	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	52,05%	44.763.000.000	-	52,05%	44.763.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	99,90%	39.960.000.000	(11.612.226.615)	99,90%	39.960.000.000	(12.145.403.700)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70,00%	39.942.000.000	-	70,00%	39.942.000.000	-
• Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	64,00%	56.554.698.360	-	64,00%	29.731.231.272	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	51,00%	25.500.000.000	-	51,00%	25.500.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90,00%	18.000.000.000	(2.547.938.669)	90,00%	18.000.000.000	(5.253.879.984)
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	56,98%	13.026.895.000	-	56,98%	13.026.895.000	-
• Công ty Cổ phần OtoS	80,86%	11.563.640.000	(11.143.621.395)	80,86%	11.563.640.000	(11.138.872.931)
• Công ty TNHH xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	55,00%	11.000.000.000	(3.656.106.596)	55,00%	11.000.000.000	(4.759.422.262)
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	10.100.000.000	-	84,17%	10.100.000.000	-
• Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sài Gòn	88,12%	7.102.684.814	-	88,12%	7.102.684.814	-
		493.841.332.092	(33.968.087.914)		448.011.846.359	(38.019.954.416)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2021			1/1/2021		
	% vốn sở hữu / quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu / quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:						
• Công ty Cổ phần đầu tư Savico	40,00%	64.000.000.000	-	40,00%	64.000.000.000	-
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	30,30%	29.106.059.000	-	30,30%	29.106.059.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32,00%	19.200.000.000	-	32,00%	19.200.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	17.520.000.000	-	43,80%	17.520.000.000	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	35,00%	16.925.119.945	-	35,00%	16.925.119.945	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	30,60%	15.393.000.000	-	30,60%	15.393.000.000	-
• Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	50,00%	12.500.000.000	(1.263.659.570)	50,00%	2.250.000.000	(550.292.666)
		174.644.178.945	(1.263.659.570)		164.394.178.945	(550.292.666)
		668.485.511.037	(35.231.747.484)		612.406.025.304	(38.570.247.082)

Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn trên.

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn trong năm như sau:

	Công ty con 2021 VND	Công ty liên kết 2021 VND	Tổng 2021 VND
Số dư đầu năm	448.011.846.359	164.394.178.945	612.406.025.304
Tăng trong năm	45.829.485.733	10.250.000.000	56.079.485.733
Số dư cuối năm	493.841.332.092	174.644.178.945	668.485.511.037

Biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	20.877.741.644	21.060.000.000	38.570.247.082	37.612.308.882
Dự phòng lập trong năm	-	-	-	957.938.200
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(197.719.025)	(182.258.356)	(3.338.499.598)	-
Số dư cuối năm	20.680.022.619	20.877.741.644	35.231.747.484	38.570.247.082

(c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dài hơn 3 tháng nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 3,7% đến 6% trong năm (2020: 3,9%).

(d) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ:				
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước – một bên liên quan	12 tháng	8,0%	2.500.000.000	-
• Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh – một công ty con	3 tháng	4,8%	-	4.000.000.000
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn – một công ty con	6 tháng	6,3% - 6,7%	-	5.000.000.000
			2.500.000.000	9.000.000.000

Biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm như sau:

	2021 VND
Số dư đầu năm	9.000.000.000
Tăng trong năm	34.200.000.000
Thu hồi khoản vay	(38.225.000.000)
Cấn trừ vốn góp với khoản cho vay	(2.475.000.000)
Số dư cuối năm	2.500.000.000

7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Vạn Vạn An	6.250.000.000	6.250.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Hoàng Gia	2.546.940.000	1.273.470.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Red - House	3.311.205.088	1.240.800.000
Công ty Cổ phần Egroup Education	2.607.000.000	1.786.745.000
Các khách hàng thuê bất động sản đầu tư	565.422.735	128.129.952
Các khách hàng khác	3.902.199.500	2.070.374.955
	19.182.767.323	12.749.519.907

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tạm ứng cho người lao động	4.088.260.000	5.768.400.000
Lãi vay phải thu	411.786.302	56.904.110
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	400.002.709	350.769.435
	4.900.049.011	6.176.073.545

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Góp vốn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh các dự án bất động sản (i)	129.420.010.641	129.191.889.425
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh xe ô tô cũ	2.502.458.306	2.848.883.696
Đặt cọc dài hạn	27.731.407.840	27.229.836.000
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con	1.720.000.000	1.720.000.000
	161.373.876.787	160.990.609.121

(i) Các khoản phải thu này liên quan đến khoản góp vốn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư bất động sản.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021 Giá gốc VND	1/1/2021 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	13.482.932	6.739.706
Sản xuất kinh doanh dở dang cho các dự án bất động sản:	85.129.909.188	98.851.537.431
• *Dự án Khu dân cư Tam Bình*	15.963.635.525	13.728.238.247
• *Dự án Nam Cẩm Lệ*	69.166.273.663	85.123.299.184
Hàng hóa	17.697.964	-
	85.161.090.084	98.858.277.137

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và cấu trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.157.957.854	2.833.135.634	6.286.629.220	11.277.722.708
Tăng trong năm	549.930.000	585.000.000	6.220.576.937	7.355.506.937
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.820.376.676	-	-	15.820.376.676
Thanh lý	-	-	(825.740.614)	(825.740.614)
Xóa sổ	-	(1.139.901.249)	-	(1.139.901.249)
Số dư cuối năm	18.528.264.530	2.278.234.385	11.681.465.543	32.487.964.458
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.978.916.792	2.781.205.247	3.704.027.000	8.464.149.039
Khấu hao trong năm	1.675.277.356	83.981.274	1.480.368.483	3.239.627.113
Thanh lý	-	-	(825.740.614)	(825.740.614)
Xóa sổ	-	(1.139.901.249)	-	(1.139.901.249)
Số dư cuối năm	3.654.194.148	1.725.285.272	4.358.654.869	9.738.134.289
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	179.041.062	51.930.387	2.582.602.220	2.813.573.669
Số dư cuối năm	14.874.070.382	552.949.113	7.322.810.674	22.749.830.169

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 4.272 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 3.877 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.571 triệu VND (1/1/2021: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.586.370.000
Xóa sổ	(486.870.000)
Số dư cuối năm	1.099.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	942.887.961
Khấu hao trong năm	249.833.328
Xóa sổ	(486.870.000)
Số dư cuối năm	705.851.289
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	643.482.039
Số dư cuối năm	393.648.711

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 837 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Nhà cửa và cấu trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm/Số dư cuối năm	5.107.878.273	159.413.914.647	164.521.792.920
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	49.670.452.722	49.670.452.722
Khấu hao trong năm	-	3.446.755.248	3.446.755.248
Số dư cuối năm	-	53.117.207.970	53.117.207.970
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.107.878.273	109.743.461.925	114.851.340.198
Số dư cuối năm	5.107.878.273	106.296.706.677	111.404.584.950

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 9.671 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 9.671 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	279.704.201.329	275.304.594.909
Tăng trong năm	2.816.303.050	4.399.606.420
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.820.376.676)	-
Số dư cuối năm	266.700.127.703	279.704.201.329

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án 104 Phổ Quang	266.256.019.661	266.216.698.507
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	257.079.952	255.209.052
Kho 403 Trần Xuân Soạn	-	13.078.630.225
Các dự án khác	187.028.090	153.663.545
	266.700.127.703	279.704.201.329

14. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước chủ yếu gồm các khoản ứng trước từ các khách hàng để mua quyền sử dụng đất của các dự án bất động sản.

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thành Phố Xanh	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Vạn Thịnh Phát	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Dana	-	28.934.541.384
Các khách hàng khác	70.575.165	59.873.832
	7.070.575.165	35.994.415.216

15. Thuế

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	343.148.472	5.989.020.988	(2.914.751.305)	(3.134.390.356)	283.027.799
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.527.520.689	(11.527.520.689)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	894.023.677	5.096.338.883	(5.198.861.267)	-	791.501.293
Các khoản phải nộp khác					
Tiền thuê đất	592.958.720	6.737.195.982	(7.330.154.702)	-	-
Các khoản phải nộp khác	253.209.762	1.000.000	(1.000.000)	-	253.209.762
	2.083.340.631	29.351.076.542	(26.972.287.963)	(3.134.390.356)	1.327.738.854

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Phân loại lại VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	502.405.794	-	502.405.794

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phí dịch vụ chuyên môn	201.000.000	8.727.999.999
Chi phí tham quan và đào tạo	6.000.000.000	4.500.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.463.261.548	1.332.370.480
	8.664.261.548	14.560.370.479

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản góp vốn nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	341.438.524.951	341.399.203.797
Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng	31.764.041.516	28.063.394.516
Khoản góp vốn nhận được từ một công ty con (ii)	5.749.000.000	5.749.000.000
Cổ tức phải trả	197.111.070	177.857.070
Phải trả bên thứ ba liên quan đến bất động sản đầu tư	-	13.755.483.552
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.366.100.139	3.438.062.696
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.438.162.423	4.224.234.979
	390.952.940.099	396.807.236.610

(i) Tại ngày lập báo cáo, các điều kiện để hoàn thành hợp đồng hợp tác kinh doanh vẫn chưa hoàn tất. Do đó, Công ty ghi nhận các khoản góp vốn nhận được từ đối tác của dự án này là khoản phải trả khác. Các khoản góp vốn này không được đảm bảo và không chịu lãi.

(ii) Khoản góp vốn nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô, một công ty con, theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 1 tháng 11 năm 2014. Các khoản góp vốn này không được đảm bảo và không chịu lãi.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn	17.688.235.524	16.024.726.424
Hoàn trả vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	24.239.513.834	24.239.513.834
Khoản vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	600.000.000	600.000.000
	42.527.749.358	40.864.240.258

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Biến động trong năm (Giảm) VND	31/12/2021 Giá trị ghi sổ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.431.400.000	(591.400.000)	840.000.000
Số có khả năng trả nợ	-			840.000.000

(b) Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	3.600.900.000	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(840.000.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	2.760.900.000	-

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	4.192.300.000
Phân loại sang vay dài hạn đến hạn trả	(1.431.400.000)
Số dư cuối năm	2.760.900.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
• Ngân hàng 1	7,5%	2026	3.600.900.000	-

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 5.571 triệu VND (1/1/2021: không) (Thuyết minh 10).

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo các chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	9.125.239.762	10.552.171.124
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 20)	4.889.166.692	-
Sử dụng quỹ trong năm	(1.718.859.562)	(1.426.931.362)
Số dư cuối năm	12.295.546.892	9.125.239.762

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	163.341.416.097	754.609.833.848
Phát hành vốn cổ phần	83.249.590.000	(83.249.590.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	97.783.333.841	97.783.333.841
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(24.975.507.000)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(866.063.226)	(866.063.226)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	333.205.320.000	233.815.268.303	(690.474.358)	24.938.303.806	235.283.179.712	826.551.597.463
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	296.769.507	103.230.493	-	-	400.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	116.799.223.482	116.799.223.482
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(33.300.466.000)	(33.300.466.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.889.166.692)	(4.889.166.692)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(10.389.166.692)	(10.389.166.692)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	333.205.320.000	234.112.037.810	(587.243.865)	24.938.303.806	303.503.603.810	895.172.021.561

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	33.320.532	333.205.320.000	33.320.532	333.205.320.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	33.320.532	333.205.320.000	33.320.532	333.205.320.000
Cổ phiếu quỹ	(17.066)	(587.243.865)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	33.303.466	332.618.076.135	33.300.466	332.514.845.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Cổ tức

Đại hội Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 10 tháng 6 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 33.300 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức (2020: 24.976 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức)

23. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	17.218.443.420	18.307.169.720
Từ hai đến năm năm	72.994.437.440	69.050.543.473
Trên năm năm	98.860.571.168	106.443.687.355
	189.073.452.028	193.801.400.548

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
• Bán bất động sản	32.444.000.000	26.414.383.901
• Bán hàng hóa	1.795.790.220	3.693.254.821
• Cung cấp dịch vụ	6.659.703.816	15.097.764.604
• Doanh thu cho thuê	46.145.834.189	53.281.682.990
	87.045.328.225	98.487.086.316

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
• Bất động sản đã bán	16.352.332.921	15.432.303.883
• Hàng hóa đã bán	752.064.259	1.633.971.653
• Dịch vụ đã cung cấp	3.910.039.793	6.653.765.741
• Chi phí của hoạt động cho thuê	21.064.264.126	20.924.703.807
	42.078.701.099	44.644.745.084

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia	123.238.553.911	96.108.031.650
Thu nhập lãi cho vay	957.785.206	209.632.056
Thu nhập lãi tiền gửi	2.253.533.681	2.676.872.462
	126.449.872.798	98.994.536.168

28. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	674.495.390	1.236.592.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.446.720.768)	684.896.492
Chi phí khác	347.225.390	151.116.304
	(424.999.988)	2.072.604.796

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	30.819.538.572	27.216.684.318
Chi phí tiếp khách và hội nghị khách hàng	2.271.257.608	3.629.575.862
Chi phí thuê ngoài	3.971.280.752	4.051.208.688
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.924.685.844	1.822.333.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.968.931.020	4.677.764.134
Hoàn nhập phí tư vấn	(8.326.000.000)	-
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.690.571.336	5.070.408.394
	43.320.265.132	46.467.974.447

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn bất động sản đã bán	16.352.332.921	15.432.303.883
Giá vốn hàng hóa đã bán	752.064.259	1.633.971.653
Chi phí nhân công và nhân viên	32.664.419.567	29.466.681.093
Chi phí khấu hao	6.936.215.689	4.580.625.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.834.123.324	34.463.028.335
Các chi phí khác	7.945.073.743	7.015.369.914

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập năm hiện hành	11.527.520.689	2.196.416.005
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	173.089.999
	11.527.520.689	2.369.506.004
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.179.221.786	-
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(2.468.315.284)	-
	(1.289.093.498)	-
Chi phí thuế thu nhập	10.238.427.191	2.369.506.004

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	127.037.650.673	100.152.839.845
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	25.407.530.135	20.030.567.969
Thuế đóng thêm cho việc bán bất động sản	8.309.187.273	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	323.391.080	58.053.338
Thu nhập không chịu thuế	(24.647.710.782)	(19.221.606.330)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	846.029.485	1.329.401.028
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	173.089.999
	10.238.427.191	2.369.506.004

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

	2021 VND
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	
Thành viên Hội Đồng Quản trị	

	Thù lao	Thưởng
Ông Mai Việt Hà – Chủ tịch	165.000.000	885.300.000
Ông Nguyễn Ngọc Châu – Phó chủ tịch	125.000.000	734.300.000
Ông Lê Tuấn – Phó chủ tịch	129.000.000	763.800.000
Ông Nguyễn Công Bình – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Hoàng Tâm Hòa – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Phan Dương Cửu Long – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Trần Văn Hiếu – Thành viên	70.000.000	-
Thành viên Ban kiểm soát		
Bà Hoàng Thị Thu Hương – Trưởng ban	111.000.000	359.900.000
Ông Ngô Hòa – Thành viên	84.000.000	272.600.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thành viên	56.000.000	-
Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên	12.000.000	149.100.000

	2021 VND
Tiền lương của Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Tiền lương trung bình một tháng	
Chủ tịch	138.750.000
Phó chủ tịch	69.375.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt khác	
Tổng Giám đốc	
Tiền lương trung bình một tháng	138.750.000
Các cán bộ quản lý chủ chốt khác	
Tiền lương trung bình một tháng cho một người	
Các Phó Tổng Giám đốc	90.650.000

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	2021 VND	2020 VND
Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức đã trả/ phải trả	13.590.430.000	10.192.823.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cho vay	9.200.000.000	10.000.000.000
		Góp vốn	-	4.014.380.000
		Cổ tức	1.709.426.000	1.135.930.000
		Lãi cho vay	70.163.287	155.514.246
		Thu nhập khác	6.636.364	17.625.000
		Thu hồi khoản vay	9.200.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Công ty con	Cổ tức	6.714.450.000	6.714.450.000
		Doanh thu cho thuê	3.745.200.000	7.913.441.776
		Chi phí khác	295.454.545	381.818.181
		Thu nhập khác	716.460.580	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Lợi nhuận được chia	34.483.009.323	32.000.000.000
		Vốn góp	18.406.018.645	22.692.727.273
		Thu nhập khác	28.150.000	43.585.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Cổ tức	16.800.000.000	12.600.000.000
		Mua tài sản cố định	2.111.818.182	-
		Thu nhập khác	27.240.000	122.240.000
Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	Công ty con	Vốn góp	26.823.467.088	20.482.727.272
		Lợi nhuận được chia	30.279.467.088	-
		Thu nhập khác	22.121.818	38.735.000
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức	10.210.200.000	15.315.300.000
		Doanh thu cho thuê	1.122.285.780	1.138.394.358
		Thu nhập khác	21.280.000	116.655.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Vốn góp	600.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Công ty con	Lợi nhuận được chia	1.350.000.000	1.012.500.000
		Thu nhập khác	8.327.273	17.625.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
		Lãi cho vay	179.945.206	33.775.343
		Thu nhập khác	6.227.273	35.700.000
		Thu hồi khoản vay	10.000.000.000	2.500.000.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Công ty con	Thu nhập khác	11.545.454	12.025.000
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con	Cổ tức	1.275.000.000	3.825.000.000
		Cho vay	-	5.000.000.000
		Thu nhập khác	7.239.091	32.305.000
		Thu hồi khoản vay	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Công ty con	Cổ tức	1.010.000.000	-
		Bán hàng hóa và dịch vụ	-	425.112.909
		Doanh thu cho thuê	300.000.000	225.000.000
		Thu nhập khác	6.069.091	45.330.000
Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Công ty con	Cho vay	15.000.000.000	5.000.000.000
		Thu nhập khác	5.409.091	22.675.000
		Lãi cho vay	358.087.672	-
		Thu hồi khoản vay	19.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Cổ tức	15.360.000.000	15.360.000.000
		Thu nhập khác	6.364.545	46.995.000
		Chi phí khác	-	20.966.000
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	-	2.100.000.000
		Thu nhập khác	25.955.454	62.745.000
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao	Công ty liên kết	Cho vay	-	5.000.000.000
		Lãi cho vay	-	5.273.973
		Thu hồi khoản vay	-	5.000.000.000
		Thu nhập khác	818.182	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua tài sản cố định	2.162.727.273	-
		Cổ tức	-	2.465.865.000
		Chi phí khác	22.736.888	54.051.096
		Thu nhập khác	-	41.245.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	Công ty liên kết	Cho vay	-	4.500.000.000
		Lãi cho vay	-	15.068.494
		Thu hồi khoản vay	-	4.500.000.000
		Thu nhập khác	2.454.545	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Cổ tức	2.295.000.000	1.530.000.000
		Thu nhập khác	2.454.545	34.705.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Thu nhập khác	9.659.091	22.915.000
		Cổ tức	1.752.000.000	-
		Mua tài sản cố định	1.170.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Chi phí đi thuê	4.357.700.827	4.462.811.403
		Mua dịch vụ	1.837.155.815	1.308.960.376
		Đặt cọc bổ sung thuê văn phòng	919.571.840	
Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Công ty liên kết	Vốn góp	10.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Bán bất động sản	32.444.000.000	-
		Thu nhập khác	7.210.000	-
Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	Bên liên quan khác	Cho vay	5.000.000.000	-
		Vốn góp	2.475.000.000	-
		Lãi cho vay	349.589.041	-
		Thu hồi khoản vay	25.000.000	-

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2021 VND	2020 VND
Bất động sản đầu tư mua nhưng chưa thanh toán	-	13.755.483.552
Đầu tư vào công ty con cấn trừ với lợi nhuận được chia	45.229.485.733	9.016.036.304
Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh cấn trừ với khoản cho vay	2.475.000.000	-

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Ngô Văn Danh	Phan Dương Cửu Long
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QD-UB 3449/QD-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004 ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301154821 ngày 7 tháng 10 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Mai Việt Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Châu	Phó chủ tịch (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021)
	Ông Lê Tuấn	Phó chủ tịch (từ ngày 8 tháng 2 năm 2021) Thành viên (đến ngày 8 tháng 2 năm 2021)
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
	Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên
	Ông Phan Dương Cửu Long	Thành viên
	Ông Trần Văn Hiếu	Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021)
	Ông Nguyễn Huy Tuấn	Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021)
Ban Kiểm soát	Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
	Ông Ngô Hòa	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021)
	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phan Dương Cửu Long	Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 5 năm 2021)
	Bà Trần Hằng Thu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 1 năm 2022)
Trụ sở đăng ký	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Phạm Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00342-22-2

Nelson Rodriguez Casihan	Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 2225-2018-007-1	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 2236-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**2.103.420.596.217**	**1.987.533.940.388**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**282.019.704.479**	**538.313.759.064**
Tiền	111		199.194.704.479	460.368.939.480
Các khoản tương đương tiền	112		82.825.000.000	77.944.819.584
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**51.254.242.664**	**50.681.523.639**
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	45.277.075.283	42.802.075.283
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(20.680.022.619)	(20.877.741.644)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	26.657.190.000	28.757.190.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**744.860.935.847**	**646.220.347.001**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	513.837.237.049	415.104.183.923
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		68.476.415.851	63.674.442.519
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6(c)	7.500.000.000	17.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	157.354.629.704	149.636.082.884
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.307.346.757)	(94.362.325)
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**995.107.894.012**	**722.609.596.804**
Hàng tồn kho	141		997.400.771.025	723.719.266.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.292.877.013)	(1.109.669.696)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**30.177.819.215**	**29.708.713.880**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	8.618.425.573	12.182.083.364
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.136.173.553	14.772.470.110
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16(b)	2.423.220.089	2.754.160.406

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**2.325.589.176.164**	**2.273.048.283.481**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**204.741.327.529**	**190.340.439.449**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		10.925.309.776	8.897.112.749
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	195.905.515.608	181.443.326.700
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	219		(2.089.497.855)	-
Tài sản cố định	**220**		**497.807.655.578**	**513.349.768.521**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	418.593.557.452	441.370.656.618
Nguyên giá	*222*		*772.650.745.884*	*748.486.495.158*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(354.057.188.432)*	*(307.115.838.540)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	79.214.098.126	71.979.111.903
Nguyên giá	*228*		*93.993.722.256*	*85.104.592.256*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(14.779.624.130)*	*(13.125.480.353)*
Bất động sản đầu tư	**230**	**12**	**656.897.269.206**	**678.138.626.107**
Nguyên giá	*231*		*924.897.069.497*	*922.012.449.775*
Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(267.999.800.291)*	*(243.873.823.668)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**365.131.649.143**	**372.007.677.699**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	365.131.649.143	372.007.677.699
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**563.112.807.265**	**484.238.314.000**
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(d)	556.452.543.265	477.578.050.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		4.460.264.000	4.460.264.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(b)	2.200.000.000	2.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**37.898.467.443**	**34.973.457.705**
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	32.873.807.557	30.234.051.752
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35(a)	5.024.659.886	4.739.405.953
TỔng TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**4.429.009.772.381**	**4.260.582.223.869**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**2.559.005.626.269**	**2.517.450.987.642**
Nợ ngắn hạn	**310**		**2.148.561.843.459**	**2.066.430.183.072**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	201.192.028.299	162.648.588.268
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.047.683.698	158.011.093.856
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	40.202.406.646	52.672.548.175
Phải trả người lao động	314		101.650.332.318	101.402.612.166
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	41.677.448.813	55.181.604.430
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18(a)	11.267.778.606	6.849.898.485
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	415.110.790.829	407.112.524.505
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.120.950.838.948	1.110.341.374.189
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		164.173.795	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	16.298.361.507	12.209.938.998
Nợ dài hạn	**330**		**410.443.782.810**	**451.020.804.570**
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		6.547.725.986	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18(b)	60.878.532.797	74.857.245.860
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	101.617.722.436	97.020.002.434
Vay dài hạn	338	20(b)	241.399.801.591	279.143.556.276
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**1.870.004.146.112**	**1.743.131.236.227**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**1.870.004.146.112**	**1.743.131.236.227**
Vốn cổ phần	411	23	333.205.320.000	333.205.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	234.112.037.810	233.815.268.303
Vốn khác	414	22	149.275.580.000	142.055.580.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(587.243.865)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	25	37.437.241.165	34.404.667.244
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		603.727.551.679	518.951.224.725
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		*463.604.709.941*	*365.213.610.527*
- *LNST chưa phân phối năm nay*	*421b*		*140.122.841.738*	*153.737.614.198*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	22	512.833.659.323	481.389.650.313
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**4.429.009.772.381**	**4.260.582.223.869**

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Ngô Văn Danh	Phan Dương Cửu Long
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**27**	**14.192.876.454.744**	**16.084.549.753.117**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**27**	**(4.004.697.606)**	**(666.524.546)**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	**10**	**27**	**14.188.871.757.138**	**16.083.883.228.571**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**28**	**(13.278.635.644.937)**	**(15.160.702.687.158)**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	**20**		**910.236.112.201**	**923.180.541.413**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	12.971.883.526	19.393.507.411
Chi phí tài chính	22	30	(86.197.808.577)	(108.137.056.955)
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*(83.339.989.360)*	*(105.915.835.335)*
Phần lãi trong các công ty liên kết	24	6(d)	103.872.428.690	79.909.276.265
Chi phí bán hàng	25	31	(454.539.630.761)	(483.404.150.967)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	(277.684.710.128)	(301.605.741.508)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25 + 26)	**30**		**208.658.274.951**	**129.336.375.659**
Thu nhập khác	31	33	47.987.990.920	135.838.734.208
Chi phí khác	32		(5.236.736.233)	(6.745.772.696)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	**40**		**42.751.254.687**	**129.092.961.512**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**251.409.529.638**	**258.429.337.171**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**35(b)**	**(40.366.209.884)**	**(32.122.235.111)**
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	**52**	**35(b)**	**285.253.933**	**(1.424.596.686)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52) (mang sang trang sau)	**60**		**211.328.573.687**	**224.882.505.374**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52) (mang từ trang trước sang)	**60**		**211.328.573.687**	**224.882.505.374**
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		145.622.841.738	153.737.614.198
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		65.705.731.949	71.144.891.176
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**36**	**3.854**	**4.490**

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Ngô Văn Danh	Phan Dương Cửu Long
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**251.409.529.638**	**258.429.337.171**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	92.824.652.525	88.915.878.722
Các khoản dự phòng	03	5.452.144.374	(1.609.550.742)
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và công ty liên kết	05	5.008.427	224.600.219
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(6.542.585.445)	(2.929.011.552)
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi và cho vay	05	(10.404.539.856)	(14.011.419.558)
Phần lãi trong các công ty liên kết	05	(103.872.428.690)	(79.909.276.265)
Chi phí lãi vay	06	83.339.989.360	105.915.835.335
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**312.211.770.333**	**355.026.393.330**
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(114.911.728.184)	60.523.555.965
Biến động hàng tồn kho	10	(273.681.504.525)	662.688.601.322
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	80.654.007.089	(4.885.858.551)
Biến động chi phí trả trước	12	923.901.986	11.072.908.644
		5.196.446.699	**1.084.425.600.710**
Tiền lãi vay đã trả	14	(83.690.792.983)	(107.273.743.041)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.074.888.992)	(31.327.472.491)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.624.906.594)	(17.725.524.372)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(136.194.141.870)**	**928.098.860.806**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(91.887.341.988)	(89.999.249.992)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	35.509.289.756	31.723.281.522
Tiền đầu tư vào các khoản tiền gửi ngân hàng	23	(48.100.000.000)	(19.707.190.000)
Tiền thu từ các khoản tiền gửi ngân hàng	24	50.200.000.000	7.900.000.000
Tiền chi cho vay	23	(34.400.000.000)	(55.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	42.325.000.000	47.600.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(17.150.000.000)	(34.000.000.000)
Tiền chi mua thêm vốn của công ty con	25	-	(43.030.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết	26	2.373.976.998	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức và cho vay	27	49.798.881.636	61.754.934.558
Tiền thuần chi cho tài sản dài hạn khác		(16.490.385.935)	(9.536.592.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(27.820.579.533)**	**(102.894.816.289)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vốn góp vào các công ty con từ các cổ đông không kiểm soát	31	14.090.000.000	5.385.620.000
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31	400.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	9.099.900.929.376	9.701.073.509.027
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.127.035.219.302)	(10.246.065.648.714)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(33.281.212.000)	(24.976.979.025)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của các công ty con	36	(46.353.831.256)	(51.020.720.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(92.279.333.182)**	**(615.604.218.712)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(256.294.054.585)**	**209.599.825.805**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**538.313.759.064**	**328.713.933.259**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	**70**	**282.019.704.479**	**538.313.759.064**

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Ngô Văn Danh	Phan Dương Cửu Long
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 3.134 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 3.107 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 32 công ty con và 18 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 29 công ty con và 19 công ty liên kết) như sau:

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI và HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	56,98%	56,98%
3	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,86%	80,86%
4	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu ISUZU và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,90%	99,90%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô.	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70,00%	70,00%
6	Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	64,00%	64,00%
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ bảo trì.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70,00%	70,00%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98,28%	98,28%
9	Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải và xe buýt mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Ấp 1, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	55,00%	55,00%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	5/5 Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90,00%	90,00%
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 -166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
12	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	64,00%	64,00%
13	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu GM, VINFAST và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	274, Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
14	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51,00%	51,00%
15	Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu (i)	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng MITSUBISHI, cung cấp các dịch vụ bảo trì	274 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam	51,00%	-

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
Công ty con sở hữu gián tiếp					
16	Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	831 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,00%	52,00%
17	Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	11 Võ Nguyên Giáp, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	90,25%	90,25%
18	Công ty TNHH FX Auto	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MG và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	33/14 Nguyễn Cảnh Chân, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	60,00%
19	Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Tân Phú (i)	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng mang nhãn hiệu NISSAN, cung cấp các dịch vụ bảo trì.	69 Chế Lan Viên, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	-
20	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Viễn Đông	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	673 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%
21	Công ty TNHH Toyota Long Biên	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51,00%	51,00%
22	Công ty TNHH Toyota Hải Dương	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	1 Ngô Quyền, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Việt Nam	51,00%	51,00%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
23	Công ty TNHH Toyota Chí Linh	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Khu Đồng Trại Sen, Phường Văn An, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	51,00%	51,00%
24	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	118 An Đình, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Việt Nam	51,00%	51,00%
25	Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	76 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	51,00%	51,00%
26	Công ty Cổ phần Ô tô Bình Định	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	359 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	51,00%	51,00%
27	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Ô tô	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô 02, Quốc lộ 1A, Quá Giáng, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	55,00%	55,00%
28	Công ty TNHH Một Thành Viên Ô tô Gia Lai	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	278 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	100,00%	100,00%
29	Công ty Cổ phần Ô tô Kon Tum	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	377A Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam	99,10%	99,10%
30	Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	286 Phạm Hùng, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100,00%	100,00%
31	Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Quốc lộ 1A, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	80,00%	80,00%
32	Công ty Cổ phần Toyota Ninh Bình (i)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Thửa đất số 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	51,00%	-

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
Công ty liên kết sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,30%	30,30%
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	38,51%	38,51%
3	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%
4	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,00%	35,00%
5	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	39,81%	39,81%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và các công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế và xây dựng.	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%
7	Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	200 Quốc lộ 20, Tổ 3, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	50,00%	50,00%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp					
8	Công ty Cổ phần Dana	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	40,27%	40,27%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu GM, VINFAST và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00%	30,00%
10	Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	9 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	25,00%	25,00%
11	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô 4/3, Đường số 4, Khu Công nghiệp Phan Thiết 1, Xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	50,00%	50,00%
12	Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Quốc lộ 22B, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	50,00%	50,00%
13	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Số 2, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	50,00%	50,00%

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				31/12/2021	1/1/2021
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp					
14	Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì.	Quốc lộ 1A, Thôn Vạn Long, Xã Tam Đàn, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	50,00%	50,00%
15	Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Quốc lộ 1A, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,00%	35,00%
16	Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao (ii)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	184C/1, Khu phố 1A, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	-	49,00%
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	D6/28 Quốc lộ 1A, Khu phố 4, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%
18	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Số 86 Quốc lộ 96B, Khu phố Hiệp Hòa, Phường Hiệp Tân, Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	25,00%	25,00%
19	Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	2 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam	20,00%	20,00%

(i) Những công ty con này được thành lập trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(ii) Vào ngày 5 tháng 5 năm 2021, Hội đồng Quản trị của công ty liên kết này đã quyết định giải thể công ty. Việc giải thể được hoàn thành trong năm.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cuối niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v…).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với chứng khoán niêm yết, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Đối với chứng khoán chưa niêm yết, khoản dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ mà Tập đoàn sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia thì dự phòng giảm giá đầu tư sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản, xe ô tô, xe gắn máy và bình quân gia quyền đối với các khoản mục hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của dự án bất động sản bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tnh để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 42 năm
• máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
• thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
• phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
• tài sản khác	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• quyền sử dụng đất	18 – 50 năm
• nhà cửa và cấu trúc	5 – 45 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh cho quyền sử dụng đất thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển dự án đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hoá chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển dự án, hoặc phần của chi phí phát triển dự án được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tập đoàn ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Tập đoàn vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Tập đoàn không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí cải tạo và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sỡ hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông Thường niên.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua hoặc khả năng bất động sản bị trả lại. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm sửa chữa và bảo trì xe ô tô và xe gắn máy. Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

(t) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

(x) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(y) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020:

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bộ phận	13.986.120.572.419	15.880.461.941.077	202.751.184.719	203.421.287.494	-	-	14.188.871.757.138	16.083.883.228.571
Thu nhập khác của bộ phận	129.059.926.115	203.309.120.955	16.103.111.006	12.530.128.076	957.785.206	1.544.618.706	146.120.822.327	217.383.867.737
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(13.178.859.410.561)	(15.074.934.732.194)	(99.776.234.376)	(85.767.954.964)	-	-	(13.278.635.644.937)	(15.160.702.687.158)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(761.972.953.249)	(813.861.689.142)	(55.114.263.640)	(81.370.001.115)	(1.751.342.775)	(972.454.879)	(818.838.559.664)	(896.204.145.136)
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh trong năm	174.348.134.724	194.974.640.696	63.963.797.709	48.813.459.491	(793.557.569)	572.163.827	237.518.374.864	244.360.264.014
Thu nhập không phân bổ							18.711.480.809	17.757.650.147
Chi phí không phân bổ							(4.820.326.035)	(3.688.576.990)
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(40.080.955.951)	(33.546.831.797)
							211.328.573.687	224.882.505.374

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND	2021 VND	2020 VND
Khấu hao và phân bổ	68.698.675.902	64.809.198.818	24.125.976.623	24.106.679.904	-	-	92.824.652.525	88.915.878.722
Các khoản dự phòng	5.649.863.399	(1.238.336.083)	-	-	(197.719.025)	(371.214.659)	5.452.144.374	(1.609.550.742)
Chi tiêu vốn	58.812.295.158	48.520.727.222	33.075.046.830	41.478.522.770	-	-	91.887.341.988	89.999.249.992

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận ngắn hạn	1.921.101.648.255	1.760.385.840.321	152.366.996.302	189.448.120.167	29.951.951.660	37.699.979.900	2.103.420.596.217	1.987.533.940.388
Tài sản bộ phận dài hạn	907.377.261.453	837.275.270.313	1.412.965.616.014	1.430.918.676.594	221.638.811	114.930.621	2.320.564.516.278	2.268.308.877.528
Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	5.024.659.886	4.739.405.953
	2.828.478.909.708	2.597.661.110.634	1.565.332.612.316	1.620.366.796.761	30.173.590.471	37.814.910.521	4.429.009.772.381	4.260.582.223.869
Nợ phải trả								
Nợ bộ phận ngắn hạn	1.700.811.322.209	1.570.224.869.841	446.622.027.678	495.377.258.724	1.128.493.572	828.054.507	2.148.561.843.459	2.066.430.183.072
Nợ bộ phận dài hạn	100.327.023.897	91.646.749.118	309.669.483.201	359.100.118.905	447.275.712	273.936.547	410.443.782.810	451.020.804.570
	1.801.138.346.106	1.661.871.618.959	756.291.510.879	854.477.377.629	1.575.769.284	1.101.991.054	2.559.005.626.269	2.517.450.987.642

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	11.878.467.552	7.402.660.172
Tiền gửi ngân hàng	187.295.339.962	452.962.022.651
Tiền đang chuyển	20.896.965	4.256.657
Các khoản tương đương tiền	82.825.000.000	77.944.819.584
	282.019.704.479	538.313.759.064

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 2,8% đến 3,5% (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 2% đến 6,5%).

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 4.500 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 5.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021				1/1/2021			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000 3	13.500.000.000 22.740	(1.620.000.000) -	11.880.000.000 22.740	1.350.000 3	13.500.000.000 22.740	(4.320.000.000) -	9.180.000.000 22.740
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên								
Cổ phiếu chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	500.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	1.147.500	11.475.000.000	(5.020.022.619)	(*)	900.000	9.000.000.000	(2.517.741.644)	(*)
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)	(*)	180.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	812	2.052.543	-	(*)	812	2.052.543	-	(*)
		45.277.075.283	(20.680.022.619)			42.802.075.283	(20.877.741.644)	

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	20.877.741.644	21.060.000.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(197.719.025)	(182.258.356)
Số dư cuối năm	20.680.022.619	20.877.741.644

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 1 năm	26.657.190.000	28.757.190.000
• Trái phiếu dài hạn	2.200.000.000	2.200.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 18.850 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 15.350 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

(c) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Thời hạn	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan				
• Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng, một công ty liên kết	3 tháng	4,5%	3.000.000.000	-
• Công ty TNHH Savico Quảng Nam, một công ty liên kết	3 tháng	4,5%	2.000.000.000	
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước, một bên liên quan	12 tháng	8%	2.500.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao, một công ty liên kết	6 - 12 tháng	8%	-	9.900.000.000
Khoản cho vay phải thu từ công ty khác				
• Công ty TNHH Toyota Hưng Yên	12 tháng	8%	-	8.000.000.000
			7.500.000.000	17.900.000.000

Các khoản cho vay này không được đảm bảo.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư vào các công ty liên kết

	31/12/2021			1/1/2021		
	Giá gốc VND	Lãi/(lỗ) được chia lũy kế VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Lãi/(lỗ) được chia lũy kế VND	Giá trị ghi sổ VND
• Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	64.000.000.000	6.543.870.315	70.543.870.315	64.000.000.000	5.341.345.126	69.341.345.126
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	29.106.059.000	45.288.340.911	74.394.399.911	29.106.059.000	45.738.393.212	74.844.452.212
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	28.200.000.000	131.225.039.579	159.425.039.579	28.200.000.000	86.428.629.497	114.628.629.497
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	17.520.000.000	6.799.886.084	24.319.886.084	17.520.000.000	8.611.286.541	26.131.286.541
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	16.925.119.945	4.046.813.432	20.971.933.377	16.925.119.945	2.949.784.677	19.874.904.622
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	16.250.000.000	89.582.426	16.339.582.426	16.250.000.000	20.377.736	16.270.377.736
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	25.393.000.000	20.575.896.632	45.968.896.632	25.393.000.000	12.431.746.995	37.824.746.995
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	15.000.000.000	4.795.499.114	19.795.499.114	15.000.000.000	2.038.512.413	17.038.512.413
• Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	10.000.000.000	7.155.532.357	17.155.532.357	10.000.000.000	3.735.366.411	13.735.366.411
• Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	12.500.000.000	1.720.790.247	14.220.790.247	10.000.000.000	797.592.869	10.797.592.869
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	10.000.000.000	(2.083.661.175)	7.916.338.825	10.000.000.000	(2.684.267.589)	7.315.732.411
• Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao	-	-	-	9.800.000.000	(7.322.972.969)	2.477.027.031
• Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	8.750.000.000	2.770.805.870	11.520.805.870	8.750.000.000	3.025.452.391	11.775.452.391
• Công ty Cổ phần Dana	6.040.500.000	25.552.354.480	31.592.854.480	6.040.500.000	21.716.606.399	27.757.106.399
• Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	5.000.000.000	13.797.768.054	18.797.768.054	5.000.000.000	12.912.646.867	17.912.646.867
• Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	4.000.000.000	808.093.538	4.808.093.538	4.000.000.000	121.669.067	4.121.669.067
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	3.600.000.000	(1.711.404.848)	1.888.595.152	3.600.000.000	(606.017.425)	2.993.982.575
• Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	12.500.000.000	(1.264.880.641)	11.235.119.359	2.250.000.000	(550.292.666)	1.699.707.334
• Công ty TNHH Savico Quảng Nam	5.500.000.000	57.537.945	5.557.537.945	1.100.000.000	(62.488.497)	1.037.511.503
	290.284.678.945	266.167.864.320	556.452.543.265	282.934.678.945	194.643.371.055	477.578.050.000

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	477.578.050.000	412.912.288.735
Đầu tư tăng thêm	17.150.000.000	32.500.000.000
Phần lãi thuần trong các công ty liên kết	103.872.428.690	79.909.276.265
Cổ tức nhận được từ các công ty liên kết	(39.768.950.000)	(47.743.515.000)
Thu hồi giá gốc khoản đầu tư vào một công ty liên kết sau khi giải thể	(2.373.976.998)	-
Lỗ từ giải thể công ty liên kết	(5.008.427)	-
Số dư cuối năm	556.452.543.265	477.578.050.000

Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn vào công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị 13.691 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 13.691 triệu VND) (Thuyết minh 20).

7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các công ty liên kết:	8.372.399.756	13.170.854.925
• *Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm*	*8.331.477.956*	*10.386.120.000*
• *Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định*	*40.921.800*	*2.234.925*
• *Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao*	-	*2.324.700.000*
• *Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh*	-	*457.800.000*
Bên thứ ba:	505.464.837.293	401.933.328.998
• *Các khách hàng liên quan đến bán hàng hóa*	*456.183.839.223*	*339.758.298.865*
• *Các khách hàng liên quan đến cho thuê*	*15.569.636.440*	*12.023.849.764*
• *Các khách hàng liên quan đến chuyển nhượng bất động sản*	*6.250.000.000*	*6.250.000.000*
• *Các khách hàng khác*	*27.461.361.630*	*43.901.180.369*
	513.837.237.049	415.104.183.923

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 49.706 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 104.801 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Các khoản phải thu từ các công ty liên kết không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 60 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đặt cọc cho kinh doanh xe ô tô đã qua sử dụng hộ khách hàng	62.629.025.000	59.349.877.000
Khoản hỗ trợ từ nhà cung cấp	28.864.617.892	13.540.197.429
Tạm ứng cho người lao động	27.680.095.481	47.659.044.839
Đặt cọc ngắn hạn	1.699.670.180	1.308.100.000
Phải thu khác	36.481.221.151	27.778.863.616
	157.354.629.704	149.636.082.884

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác khác (i)	130.750.630.641	131.667.447.577
Đặt cọc dài hạn	63.434.884.967	48.055.879.123
Các khoản phải thu dài hạn khác	1.720.000.000	1.720.000.000
	195.905.515.608	181.443.326.700

(i) Các khoản phải thu này liên quan đến khoản tạm ứng cho các đối tác cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư bất động sản.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	14.587.498.731	-	13.213.147.607	-
Vật liệu và phụ tùng thay thế	23.762.575.436	-	31.074.754.961	-
Sản xuất kinh doanh dở dang	93.579.374.761	-	106.841.616.689	-
• *Dự án Khu dân cư Tam Bình*	*15.963.635.525*	-	*13.728.238.247*	-
• *Dự án Nam Cẩm Lệ*	*69.166.273.663*	-	*85.123.299.184*	-
• *Khác*	*8.449.465.573*	-	*7.990.079.258*	-
Thành phẩm	7.746.480.713	-	3.690.964.048	-
Hàng hóa (xe ô tô và xe máy)	857.221.673.636	(2.292.877.013)	568.445.020.118	(1.109.669.696)
Hàng gửi đi bán	503.167.748	-	453.763.077	-
	997.400.771.025	(2.292.877.013)	723.719.266.500	(1.109.669.696)

Biến động trong năm của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.109.669.696	1.348.005.779
Dự phòng lập trong năm	2.224.709.211	1.109.669.696
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.041.501.894)	(1.348.005.779)
Số dư cuối năm	2.292.877.013	1.109.669.696

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 496.331 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 468.540 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	485.260.624.727	132.955.790.474	13.593.544.654	104.953.501.395	11.723.033.908	748.486.495.158
Tăng trong năm	2.457.344.164	1.063.836.000	4.919.898.369	40.569.902.080	309.314.545	49.320.295.158
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.914.742.574	428.386.810	-	3.967.842.728	-	23.310.972.112
Thanh lý	(71.304.545)	(832.548.036)	(386.651.319)	(45.718.073.734)	(318.537.661)	(47.327.115.295)
Xóa sổ	-	-	(1.139.901.249)	-	-	(1.139.901.249)
Số dư cuối năm	506.561.406.920	133.615.465.248	16.986.890.455	103.773.172.469	11.713.810.792	772.650.745.884
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	176.517.126.476	80.161.153.791	11.286.996.300	30.129.762.756	9.020.799.217	307.115.838.540
Khấu hao trong năm	30.437.550.801	16.620.611.418	1.785.989.041	16.804.215.891	793.294.974	66.441.662.125
Thanh lý	(71.304.545)	(801.298.036)	(337.427.465)	(16.831.843.277)	(318.537.661)	(18.360.410.984)
Xóa sổ	-	-	(1.139.901.249)	-	-	(1.139.901.249)
Số dư cuối năm	206.883.372.732	95.980.467.173	11.595.656.627	30.102.135.370	9.495.556.530	354.057.188.432
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	308.743.498.251	52.794.636.683	2.306.548.354	74.823.738.639	2.702.234.691	441.370.656.618
Số dư cuối năm	299.678.034.188	37.634.998.075	5.391.233.828	73.671.037.099	2.218.254.262	418.593.557.452

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 111.433 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 87.139 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 176.192 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 113.001 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	20.697.299.091	55.683.988.140	8.723.305.025	85.104.592.256
Tăng trong năm	8.610.000.000	-	882.000.000	9.492.000.000
Thanh lý	-	-	(116.000.000)	(116.000.000)
Xóa sổ	-	-	(486.870.000)	(486.870.000)
Số dư cuối năm	29.307.299.091	55.683.988.140	9.002.435.025	93.993.722.256
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	7.546.792.338	5.578.688.015	13.125.480.353
Khấu hao trong năm	-	1.140.230.480	1.116.783.297	2.257.013.777
Thanh lý	-	-	(116.000.000)	(116.000.000)
Xóa sổ	-	-	(486.870.000)	(486.870.000)
Số dư cuối năm	-	8.687.022.818	6.092.601.312	14.779.624.130
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	20.697.299.091	48.137.195.802	3.144.617.010	71.979.111.903
Số dư cuối năm	29.307.299.091	46.996.965.322	2.909.833.713	79.214.098.126

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 8.491 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 8.427 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 70.170 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 70.170 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.107.878.273	63.599.169.277	853.305.402.225	922.012.449.775
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.884.619.722	2.884.619.722
Số dư cuối năm	5.107.878.273	63.599.169.277	856.190.021.947	924.897.069.497
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	12.584.114.382	231.289.709.286	243.873.823.668
Khấu hao trong năm	-	1.006.820.340	23.119.156.283	24.125.976.623
Số dư cuối năm	-	13.590.934.722	254.408.865.569	267.999.800.291
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.107.878.273	51.015.054.895	622.015.692.939	678.138.626.107
Số dư cuối năm	5.107.878.273	50.008.234.555	601.781.156.378	656.897.269.206

Trong bất động sản đầu tư cho thuê có các tài sản với nguyên giá 9.671 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 9.671 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị ghi sổ là 507.119 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 523.907 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê chưa được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	372.007.677.699	367.055.084.313
Tăng trong năm	19.319.563.278	31.403.872.770
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(23.310.972.112)	(26.395.279.384)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.884.619.722)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(56.000.000)
Số dư cuối năm	365.131.649.143	372.007.677.699

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Dự án 104 Phổ Quang	266.256.019.661	266.216.698.507
Dự án Mercure Sơn Trà, Đà Nẵng	90.378.610.154	89.228.732.138
Nhà kho 403 Trần Xuân Soạn	-	13.078.630.225
Các công trình khác	8.497.019.328	3.483.616.829
	365.131.649.143	372.007.677.699

14. Chi phí trả trước

(a). Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí thuê văn phòng và thuê nhà	1.211.275.676	4.510.117.217
Công cụ và dụng cụ	2.970.332.389	1.048.436.544
Chi phí thuê đất trả trước	312.933.333	1.376.805.758
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.123.884.175	5.246.723.845
	8.618.425.573	12.182.083.364

(b). Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí cải tạo	3.477.893.201	9.585.597.042
Chi phí thuê đất trả trước	20.689.988.355	9.252.437.419
Công cụ và dụng cụ	4.858.255.422	7.367.036.349
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.847.670.579	4.028.980.942
	32.873.807.557	30.234.051.752

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	38.934.474.117	11.413.015.750
Công ty TNHH Ford Việt Nam	18.415.589.563	26.627.824.519
Công ty Liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam	16.062.754.882	30.748.043.917
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam	3.918.794.055	4.945.751.262
Công ty TNHH Ô tô Toyota Việt Nam	37.631.898.901	4.072.916.869
Các nhà cung cấp khác	86.228.516.781	84.841.035.951
	201.192.028.299	162.648.588.268

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế

(a). Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	28.000.517.383	1.543.996.052.076	(161.840.430.124)	(1.385.741.884.528)	24.414.254.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.483.958.737	40.366.209.884	(44.074.888.992)	(299.188.899)	9.476.090.730
Thuế thu nhập cá nhân	4.985.406.288	26.687.739.600	(26.987.501.491)	(31.751.418)	4.653.892.979
Các khoản phải nộp khác					
Tiền thuê đất	5.948.275.481	14.573.866.403	(19.118.461.450)	-	1.403.680.434
Các khoản phải nộp khác	254.390.286	2.723.908.857	(2.723.811.447)	-	254.487.696
	52.672.548.175	1.628.347.776.820	(254.745.093.504)	(1.386.072.824.845)	40.202.406.646

(b). Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.564.174.450	(299.188.899)	2.264.985.551
Thuế thu nhập cá nhân	58.217.272	(31.751.418)	26.465.854
Tiền thuê đất và các khoản phải nộp khác	131.768.684	-	131.768.684
	2.754.160.406	(330.940.317)	2.423.220.089

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lương và các chi phí có liên quan	13.975.161.598	17.632.469.368
Chi phí hoạt động	8.177.058.940	10.912.431.202
Phí dịch vụ chuyên môn	765.813.729	9.483.571.472
Chi phí lãi vay	527.355.548	878.159.171
Chi phí thuê tài sản	452.981.832	121.052.802
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	17.779.077.166	16.153.920.415
	41.677.448.813	55.181.604.430

18. Doanh thu chưa thực hiện

(a). Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	194.203.073	207.480.303
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	11.073.575.533	6.642.418.182
	11.267.778.606	6.849.898.485

(b). Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	71.952.108.330	81.499.664.042
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(11.073.575.533)	(6.642.418.182)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	60.878.532.797	74.857.245.860

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả khác

(a). Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tạm ứng từ một đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	341.438.524.951	341.399.203.797
Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng	31.764.041.516	28.063.394.516
Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm	4.289.443.729	5.623.239.511
Cổ tức phải trả	1.397.111.070	1.377.857.070
Phải trả một bên thứ ba liên quan đến bất động sản đầu tư	-	13.755.483.552
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	6.366.100.139	3.438.062.696
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	29.855.569.424	13.455.283.363
	415.110.790.829	407.112.524.505

(i) Tại ngày báo cáo, các điều kiện để hoàn thành hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa được thực hiện. Như vậy, Tập đoàn ghi nhận khoản đóng góp nhận được từ đối tác liên quan đến dự án này như các khoản phải trả khác. Số dư không được bảo đảm và không chịu lãi.

(b). Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhận đặt cọc dài hạn từ các hợp đồng cho thuê	54.162.400.463	49.094.881.516
Khoản hoàn vốn góp nhận được từ các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	24.239.513.834	24.239.513.834
Khoản vốn góp nhận được từ các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh xe cũ	1.668.305.539	1.899.255.798
Khoản vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	600.000.000	600.000.000
Phải trả tiền thuê đất	12.649.880.290	13.478.525.020
Phải trả dài hạn khác	8.297.622.310	7.707.826.266
	101.617.722.436	97.020.002.434

20. Vay

(a). Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong năm Vay VND	Biến động trong năm (Trả nợ vay) VND	31/12/2021 Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	1.088.247.565.133	9.078.488.946.476	(9.057.910.450.246)	1.108.826.061.363
Vay dài hạn đến hạn trả	22.093.809.056	12.630.737.585	(22.599.769.056)	12.124.777.585
	1.110.341.374.189	9.091.119.684.061	(9.080.510.219.302)	1.120.950.838.948
Số có khả năng trả nợ	1.110.341.374.189			1.120.950.838.948

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Các bên cho vay	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
• Ngân hàng 1	4,6% - 7,2%	466.256.744.544	553.622.387.525
• Ngân hàng 2	4,5% - 7,0%	484.145.416.230	418.524.348.701
• Ngân hàng 3	4,5% - 8.3%	100.511.592.932	7.264.588.207
• Ngân hàng 4	5,0% - 7,0%	35.295.428.800	4.368.274.200
• Ngân hàng 5	5,3% - 6,8%	22.616.878.857	303.535.000
• Ngân hàng 6	5,9% - 6,8%	-	63.366.667.000
• Ngân hàng 7	5,2% - 6,5%	-	40.797.764.500
		1.108.826.061.363	1.088.247.565.133

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong vay ngắn hạn có 380.605 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 450.142 triệu VND) không được đảm bảo và 728.221 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 638.106 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản sau:

	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các khoản tương đương tiền	5	4.500.000.000	5.000.000.000
Phải thu của khách hàng	7	49.706.225.044	104.800.596.751
Hàng tồn kho	9	496.331.024.913	468.540.042.148
Tài sản cố định hữu hình	10	77.997.363.472	38.739.382.441
Tài sản cố định vô hình	11	20.697.299.091	20.697.299.091
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	6(b)	16.650.000.000	13.150.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	6(b)	2.200.000.000	2.200.000.000
		668.081.912.520	653.127.320.431

(b). Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	253.524.579.176	301.237.365.332
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(12.124.777.585)	(22.093.809.056)
Hoàn trả sau 12 tháng	241.399.801.591	279.143.556.276

Biến động vay dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND
Số dư đầu năm	279.143.556.276
Tăng	21.411.982.900
Phân loại sang vay dài hạn đến hạn trả	(12.630.737.585)
Giảm	(46.525.000.000)
	241.399.801.591
Số dư cuối năm	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Các bên cho vay	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
• Ngân hàng 2	8,0% - 9,0%	2024 - 2029	214.932.927.217	256.672.804.317
• Ngân hàng 1	8,0% - 10,0%	2025 - 2026	17.100.900.000	16.300.000.000
• Ngân hàng 8	9,7% - 11,5%	2024 - 2026	12.776.288.558	16.580.289.950
• Ngân hàng 9	10,9% - 12,1%	2028	8.526.363.401	11.377.371.065
• Ngân hàng 4	7,8%	2023	188.100.000	306.900.000
			253.524.579.176	301.237.365.332

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng các tài sản sau:

	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản cố định hữu hình	10	98.194.855.933	74.261.712.508
Tài sản cố định vô hình	11	49.472.464.000	49.472.464.000
Bất động sản đầu tư	12	507.118.914.178	523.906.598.150
Các đầu tư dài hạn khác	6(d)	13.690.500.000	13.690.500.000
		668.476.734.111	661.331.274.658

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	12.209.938.998	17.928.300.604
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm (Thuyết minh 22)	6.530.384.196	1.243.095.308
Sử dụng trong năm	(3.791.961.687)	(6.961.456.914)
Tăng khác	1.350.000.000	-
Số dư cuối năm	16.298.361.507	12.209.938.998

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	249.955.730.000	317.064.858.303	91.895.000.000	(690.474.358)	36.249.605.701	460.490.751.230	484.845.121.129	1.639.810.592.005
Phát hành vốn cổ phần	83.249.590.000	(83.249.590.000)	-	-	-	-	-	-
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	5.385.620.000	5.385.620.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	153.737.614.198	71.144.891.176	224.882.505.374
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)	(51.020.720.000)	(75.996.227.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(364.915.257)	(878.180.051)	(1.243.095.308)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.858.548.605)	(2.819.610.239)	(6.678.158.844)
Tăng vốn vào công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác	-	-	50.160.580.000	-	(1.844.938.457)	(48.315.641.543)	-	-
Tăng đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	(17.762.528.298)	(25.267.471.702)	(43.030.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	333.205.320.000	233.815.268.303	142.055.580.000	(690.474.358)	34.404.667.244	518.951.224.725	481.389.650.313	1.743.131.236.227
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	296.769.507	-	103.230.493	-	-	-	400.000.000
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	39.531.585.725	39.531.585.725
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	145.622.841.738	65.705.731.949	211.328.573.687
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(33.300.466.000)	(71.795.416.981)	(105.095.882.981)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.051.815.955)	(478.568.241)	(6.530.384.196)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(11.241.658.908)	(1.519.323.442)	(12.760.982.350)
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	3.032.573.921	(3.032.573.921)	-	-
Tăng vốn vào công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	7.220.000.000	-	-	(7.220.000.000)	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	333.205.320.000	234.112.037.810	149.275.580.000	(587.243.865)	37.437.241.165	603.727.551.679	512.833.659.323	1.870.004.146.112

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	33.320.532	333.205.320.000	33.320.532	333.205.320.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	33.320.532	333.205.320.000	33.320.532	333.205.320.000
Cổ phiếu quỹ	(17.066)	(587.243.865)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	33.303.466	332.618.076.135	33.300.466	332.514.845.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Đại hội Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 10 tháng 6 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 33.300 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức (2020: 24.976 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

25. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a). Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	114.131.334.012	112.935.451.904
Từ hai đến năm năm	415.529.877.759	331.386.283.206
Trên năm năm	862.301.636.352	648.729.391.021
	1.391.962.848.123	1.093.051.126.131

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b). Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	307.373.405.483	303.946.044.976

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
• Chuyển nhượng bất động sản	32.444.000.000	26.414.383.901
• Bán hàng hóa	13.046.853.809.834	14.618.227.983.097
• Cung cấp dịch vụ	943.271.460.191	1.262.900.482.526
• Cho thuê bất động sản đầu tư	170.307.184.719	177.006.903.593
	14.192.876.454.744	16.084.549.753.117
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(4.004.697.606)	(666.524.546)
Doanh thu thuần	14.188.871.757.138	16.083.883.228.571

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
• Chuyển nhượng bất động sản	16.352.332.921	15.432.303.883
• Hàng hóa đã bán	12.434.978.139.680	14.071.941.524.534
• Dịch vụ đã cung cấp	780.081.628.194	1.003.888.549.825
• Chi phí hoạt động bất động sản đầu tư cho thuê	46.040.336.825	69.678.644.999
• Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.183.207.317	(238.336.083)
	13.278.635.644.937	15.160.702.687.158

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	5.745.938.752	8.405.532.908
Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia	4.658.601.104	5.605.886.650
Các doanh thu hoạt động tài chính khác	2.567.343.670	5.382.087.853
	12.971.883.526	19.393.507.411

30. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	83.339.989.360	105.915.835.335
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư tài chính	1.891.778.830	(182.258.356)
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết	5.008.427	224.600.219
Các chi phí tài chính khác	961.031.960	2.178.879.757
	86.197.808.577	108.137.056.955

31. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	204.506.476.737	221.773.080.606
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.624.688.352	62.456.710.065
Hoa hồng bán hàng và bảo hiểm	27.382.756.684	52.258.617.378
Khấu hao và phân bổ	41.438.640.963	28.173.340.960
Công cụ và dụng cụ	10.110.943.847	8.826.909.141
Các chi phí bán hàng khác	117.476.124.178	109.915.492.817
	454.539.630.761	483.404.150.967

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	163.414.276.188	166.817.666.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.361.640.953	56.901.373.578
Chi phí khấu hao và phân bổ	13.726.518.626	20.118.185.546
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	51.182.274.361	57.768.516.087
	277.684.710.128	301.605.741.508

33. Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Thưởng do đạt doanh số từ các nhà cung cấp	10.697.522.566	106.405.401.725
Hoa hồng bán hàng nhận được từ đại lý bảo hiểm	9.721.817.877	7.094.542.942
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	6.542.585.445	2.929.011.552
Bồi thường nhận được do hủy hợp đồng	2.685.359.751	672.797.734
Các thu nhập khác	18.340.705.281	18.736.980.255
	47.987.990.920	135.838.734.208

34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	12.434.978.139.680	14.071.941.524.534
Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng	16.352.332.921	15.432.303.883
Giá vốn phụ tùng đã bán	401.091.159.323	604.350.754.130
Chi phí nhân công và nhân viên	528.751.811.178	594.779.987.160
Chi phí khấu hao và phân bổ	92.824.652.525	88.915.878.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.507.955.799	270.418.170.085
Các chi phí khác	287.353.934.400	299.873.961.119

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả	1.340.567.944	2.519.789.730
Giá trị thuế của các khoản lỗ tính thuế mang sang	3.684.091.942	2.219.616.223
	5.024.659.886	4.739.405.953

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	39.533.774.683	31.774.270.188
Dự phòng thiếu trong những năm trước	832.435.201	347.964.923
	40.366.209.884	32.122.235.111
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	(2.468.315.284)	-
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời	1.179.221.786	20.000.000
Lỗ tính thuế được sử dụng	1.003.839.565	1.404.596.686
	(285.253.933)	1.424.596.686
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	40.080.955.951	33.546.831.797

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	251.409.529.638	258.429.337.171
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	50.281.905.928	51.685.867.434
Thuế đóng thêm cho việc bán bất động sản	8.309.187.273	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.851.445.141	1.840.789.657
Thu nhập không chịu thuế	(931.720.221)	(1.121.177.330)
Ảnh hưởng của lợi nhuận được chia trong các công ty liên kết	(20.774.485.738)	(15.981.855.253)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	6.532.135.211	334.661.302
Lỗ tính thuế được sử dụng	(3.228.729.779)	(877.433.690)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	832.435.201	347.964.923
Giảm trừ thuế (*)	(3.791.217.065)	(2.681.985.246)
	40.080.955.951	33.546.831.797

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗ tính thuế và chênh lệch tạm thời không được một số công ty con ghi nhận vì các công ty con này không chắc chắn sẽ có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng được lợi ích của các khoản này.

(*) Theo Nghị định 114/2020/ND-CP và Nghị định 92/2021/ND-CP, doanh nghiệp có doanh thu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 không quá 200 tỷ VND được giảm 30% số thuế thu nhập phải nộp cho năm 2020 và năm 2021.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	145.622.841.738	153.737.614.198
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.051.815.955)	(364.915.257)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	(11.241.658.908)	(3.858.548.605)
	128.329.366.875	149.514.150.336

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2021 Số lượng cổ phiếu	2020 Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	33.300.466	24.975.507
Ảnh hưởng của tái phát hành cổ phiếu quỹ trong năm	3.000	-
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần trong năm	-	8.324.959
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	33.303.466	33.300.466

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.854	4.490

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

	2021 VND	
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thành viên Hội đồng Quản trị	**Thù lao**	**Thưởng**
Ông Mai Việt Hà – Chủ tịch	165.000.000	885.300.000
Ông Nguyễn Ngọc Châu – Phó chủ tịch	125.000.000	734.300.000
Ông Lê Tuấn – Phó chủ tịch	129.000.000	763.800.000
Ông Nguyễn Công Bình – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Hoàng Tâm Hòa – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Phan Dương Cửu Long – Thành viên	111.000.000	734.300.000
Ông Trần Văn Hiếu – Thành viên	70.000.000	-
Thành viên Ban kiểm soát		
Bà Hoàng Thị Thu Hương – Trưởng ban	111.000.000	359.900.000
Ông Ngô Hòa – Thành viên	84.000.000	272.600.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thành viên	56.000.000	-
Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên	12.000.000	149.100.000

	2021 VND
Tiền lương của Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Tiền lương trung bình một tháng	
Chủ tịch	138.750.000
Phó chủ tịch	69.375.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý chủ chốt khác	
Tổng Giám đốc	
Tiền lương trung bình một tháng	138.750.000
Các cán bộ quản lý chủ chốt khác	
Tiền lương trung bình một tháng cho một người	
Các Phó Tổng Giám đốc	90.650.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2021 VND	2020 VND
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành Viên	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa và dịch vụ	28.187.995.836	21.632.895.900
		Chi trả cổ tức	16.574.200.000	13.176.593.000
		Chi phí khác	1.433.580.186	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	17.037.713.426
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	186.217.656.394	137.866.540.808
		Bán hàng hóa	175.103.607.572	126.646.722.251
		Doanh thu cho thuê	2.710.669.091	2.190.043.636
		Lợi nhuận được chia	2.187.500.000	875.000.000
		Chi phí khác	57.272.727	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	109.077.004.231	56.743.630.144
		Bán hàng hóa	99.834.643.681	58.055.825.533
		Góp vốn	2.500.000.000	-
		Thu nhập cổ tức	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao	Công ty liên kết	Cho vay	15.400.000.000	36.600.000.000
		Thu hồi khoản vay	25.300.000.000	36.600.000.000
		Mua hàng hóa	11.284.982.041	1.071.818.182
		Bán hàng hóa	9.573.003.218	9.452.000.011
		Tiền thu từ thanh lý công ty	2.373.976.998	-
		Lãi cho vay	298.123.286	422.606.975
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	20.444.863.257	30.742.408.984
		Mua hàng hóa	12.805.997.180	16.787.600.008
		Cho vay	-	4.500.000.000
		Thu hồi khoản vay	-	4.500.000.000
		Doanh thu cho thuê	-	465.363.636
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	2.887.265.598	26.272.481.997
		Bán hàng hóa	2.881.549.887	4.729.612.085
		Lợi nhuận được chia	-	2.100.000.000
		Thu nhập cổ tức	-	62.745.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	11.642.857.681	23.353.694.730
		Bán hàng hóa	10.074.680.090	18.572.097.459
		Góp vốn	-	5.000.000.000
		Cổ tức	-	500.000.000

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	19.108.800.000	19.107.600.000
		Thu nhập khác	3.397.444.402	46.995.000
		Chi phí khác	20.966.000	20.966.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	6.562.176.057	18.185.945.703
		Mua hàng hóa	5.196.915.011	8.877.998.639
		Thu nhập cổ tức	2.888.250.000	1.925.500.000
		Thu nhập khác	-	34.705.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	5.659.468.179	-
		Doanh thu cho thuê	588.000.000	370.900.000
		Góp vốn	-	16.250.000.000
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Công ty liên kết	Lợi nhuận được chia	8.500.000.000	10.000.000.000
		Thu nhập cho thuê	3.397.444.402	-
		Bán dịch vụ	2.380.383.582	4.829.377.278
		Góp vốn	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Thu nhập cổ tức	4.832.400.000	6.644.550.000
		Bán hàng hóa	2.664.651.465	2.521.831.369
		Bán bất động sản	32.444.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Chi phí đi thuê	4.357.700.827	4.462.811.403
		Mua dịch vụ	1.837.155.815	1.308.960.376
		Tăng ký quỹ cho thuê văn phòng	919.571.840	-
Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	Công ty liên kết	Cho vay	12.000.000.000	6.500.000.000
		Thu hồi khoản vay	9.000.000.000	6.500.000.000
		Doanh thu cho thuê	3.249.239.334	3.272.956.573
		Bán hàng	2.742.403.252	3.625.827.591
		Trợ cấp bán hàng	119.592.000	-
		Thu nhập khác	74.877.461	12.147.946
		Chi phí khác	37.595.984	-
		Lợi nhuận được chia	-	4.125.000.000

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê	1.832.140.689	-
		Bán hàng	168.796.308	-
		Thu nhập khác	580.824	-
		Góp vốn	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	2.164.504.773	-
		Thu nhập cổ tức	-	2.465.865.000
		Cung cấp dịch vụ	-	1.275.790.455
		Thu nhập khác	-	586.699.545
		Chi phí khác	-	54.051.096
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	1.176.606.818	-
		Thu nhập cổ tức	1.752.000.000	-
		Bán hàng hóa	9.659.091	627.899.737
		Thu nhập khác	-	22.915.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	316.887.273	-
		Thu nhập cho thuê	17.980.875	19.945.000
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	4.400.000.000	-
		Chi phí khác	313.723.253	-
Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Công ty liên kết	Góp vốn	10.250.000.000	2.250.000.000
Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam	Công ty liên kết	Cho vay	2.000.000.000	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.816.043.754	1.857.827.694
		Thu nhập từ tiền lãi	10.203.288	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	Bên liên quan	Cho vay	5.000.000.000	-
		Góp vốn	2.475.000.000	-
		Bán hàng hóa	941.676.102	-
		Thu nhập từ tiền lãi	349.589.041	-
		Thu hồi khoản vay	25.000.000	-

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các hoạt động đầu tư phi tiền tệ

	2021 VND	2020 VND
Vốn góp cấn trừ với lợi nhuận được chia	25.441.585.725	-
Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh cấn trừ với khoản cho vay	2.475.000.000	-
Bất động sản đầu tư mua nhưng chưa thanh toán	-	13.755.483.552

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số dư và số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:	Người duyệt:
Ngô Văn Danh	Phan Dương Cửu Long
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Trading name:	SAVICO
Stock code:	SVC (HSX)
Head Office:	68 Nam Ky Khoi Nghia, District 1, Ho Chi Minh City
Phone:	(84-28) 3821 3913
Fax:	(84-28) 3821 3553 / 3821 5992
Email:	savico@savico.com.vn:
Website :	www.savico.com.vn